



ISSN: 1859 - 042X

Số 12
2016

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn



- **Phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường**
- **Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn quy định chi tiết về BVMT trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**



TÍN THÀNH GROUP

Trên thế giới, ngành công nghiệp môi trường không phải là mới, nhưng tại Việt Nam, những doanh nghiệp lựa chọn theo hướng đi này còn rất khiêm tốn. Tin tưởng và quyết tâm với con đường mình chọn lựa, Tín Thành Group đã và đang nỗ lực không ngừng để đạt được những thành công nhất định trong những lĩnh vực mà doanh nghiệp đang theo đuổi.

TÀI TẠO NĂNG LƯỢNG SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU TỪ NHIỀU NGUỒN RÁC THẢI KHÁC NHAU:

Trên nền tảng và tiếp tục phát huy thế mạnh đã có là 30 nhà máy cung cấp năng lượng cho các tập đoàn lớn tại Việt Nam, Tín Thành Group đã từng thủ cung cấp năng lượng cho 21 nhà máy sản xuất xăng Ethanol tại tiểu bang Minnesota, Hoa Kỳ, sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu khắt khe nhất theo tiêu chuẩn quốc tế, năm 2017 sẽ là năm đột phá của TTG trong lĩnh vực cung cấp năng lượng (thoi và điện) cho các doanh nghiệp lớn mà chúng tôi đang xác tiến.

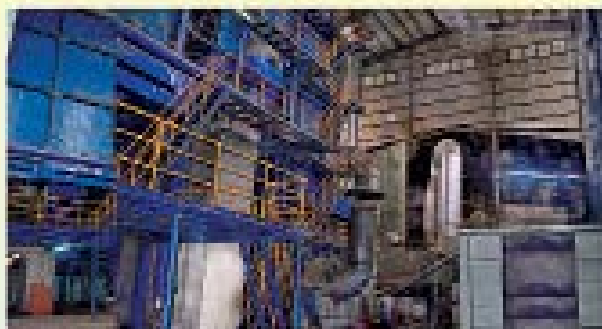
Trong công nghệ xử lý và tái tạo rác sinh hoạt và rác công nghiệp, Tín Thành đã xây dựng hệ thống nhà máy xử lý rác hoạt động ổn định và hiệu quả trên 10 năm tại Việt Nam, với mục đích khép kín chuỗi hoạt động, theo định hướng xử lý triệt để vấn đề môi trường và phát triển năng lượng tái tạo.

PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO:

Từ thành công của Bản ghi nhớ (MOU) với Tập đoàn Nông Lâm (GAF), Bộ Nông Nghiệp Cuba, khởi đầu từ 360 ngàn ha và đang tiến tới 1 triệu ha, công ty tiếp tục phát triển diện tích trồng cây nguyên liệu lên tới 1 triệu ha tại Hoa Kỳ và 20 ngàn ha tại Việt Nam. Công ty đã tiến hành nghiên cứu các điều kiện canh tác về thổ nhưỡng, khí hậu, phân bón, tưới tiêu trên các vùng đất khác nhau để triển khai trồng cây nông nghiệp ngắn ngày là giống cây Cao lương ngọt (sweet sorghum), một loại nguyên liệu chính để sản xuất 7 loại sản phẩm hàng hóa bao gồm ngũ cốc, ethanol, điện sinh khối, thức ăn gia súc, phân compost hữu cơ vi sinh, CO2 công nghiệp và các sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Không chỉ tận thu khai thác được hết các chế phẩm trong quá trình sản xuất, dây chuyền công nghệ cao của công ty còn góp phần giảm phát khí thải gây hiệu ứng nhà kính (GHG) nhiều chục triệu tấn CO2 đương lượng (eq./năm).

Phòng thí nghiệm của Tín Thành Group tại Boston, Hoa Kỳ đã và đang hoàn thành phát minh mới chế tạo ra một loại động cơ, thiết bị giảm phát 90% khí thải và tiết kiệm nhiên liệu trên 50% cho các loại động cơ đốt trong trên toàn Thế giới.



Hệ thống điện của Tín Thành Group với công suất 100MW tại bãi rác, mang lại lợi ích kinh doanh, môi trường và xã hội của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường (TTG)



Hệ thống xử lý của Tín Thành Group với công suất 10 MW tại bãi rác tại tỉnh T, cung cấp năng lượng cho công nghiệp và khu vực dân cư



Hệ thống xử lý của Tín Thành Group với công suất 10MW tại bãi rác, cung cấp năng lượng cho công nghiệp và khu vực dân cư



Đến thăm thực nghiệm Cao lương ngọt của Tín Thành Group tại vùng đất, người dân địa phương đã rất ấn tượng với thành quả phân bón hữu cơ, ethanol điện sinh khối (thức ăn gia súc), phân compost hữu cơ vi sinh, CO2 công nghiệp và các sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm.

CT TNHH MTV THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT **TRƯỜNG SƠN**

Địa chỉ : Ấp 3 xã Đông tiến , huyện đông phủ , tỉnh Bình Phước
GIÁM ĐỐC: LÊ THỊ CHÍNH



Chúc Mừng
HAPPY NEW YEAR
Năm Mới





CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN



Kính chúc
QUÝ KHÁCH HÀNG Một Năm Mới
An Khang Thịnh Vượng
Vạn Sự Như Ý

THUỐC LÁ SÀI GÒN
DINH DẦU



CÔNG TY THUỐC LÁ SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô C45/I, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3765 7788 - 3765 7878 - Fax: (08) 3765 6345

Website: www.saigontabac.com.vn - Email: saigonscfig@saigontabac.com.vn





CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THÀNH TÂM NHÀ MÁY GẠCH TUYNEL TOÀN THỊNH PHÁT

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, TX. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang

Website: toanthanhphat.com.vn

Điện thoại: 0773.954.222 - Di động: 0948.948.038

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Toàn Thành Tâm là thành viên của Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát, được thành lập vào ngày 19/02/2008, trụ sở Công ty được đặt tại tổ 4, ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, TX. Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Là đơn vị chuyên sản xuất, cung ứng và phân phối sản phẩm gạch Tynel cho các đại lý lớn nhỏ và các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Nhà máy gạch Tynel Toàn Thịnh Phát hiện có hai dây chuyền thiết bị sản xuất hiện đại, với công suất thiết kế 10 triệu viên/tháng. Với nguồn nguyên liệu đất sét chất lượng cao, được ngâm ủ kỹ trên 6 tháng, qua hệ thống đùn nén và lò nung kỹ thuật cao, gạch Tynel Toàn Thịnh Phát có hình dáng, màu sắc đẹp, khả năng chịu lực, độ uốn cao và khả năng thấm nước thấp. Gạch Tynel Toàn Thịnh Phát sản xuất đạt tiêu chuẩn TCVN 6355:2009.

Thương hiệu Gạch Tynel Toàn Thịnh Phát đã và đang được khẳng định trên thị trường vật liệu xây dựng địa bàn tỉnh Kiên Giang (3 khu vực chính: Hà Tiên, Rạch Giá & Phú Quốc), mục tiêu mở rộng thị trường sang các tỉnh thành lân cận. Với khẩu hiệu UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – HIỆU QUẢ và không ngừng nghiên cứu cũng như phát triển sản phẩm về giá cả, chất lượng và mẫu mã, công ty chúng tôi cam kết sẽ đáp ứng được những yêu cầu khắt khe từ phía Quý khách hàng.



CÔNG TY TNHH NHUỘM VÀ GIẶT THỜI TRANG QUỐC TẾ
Địa chỉ: Thôn Ngạc, Lũng, Xã Tân Quang,
Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai

**Chúc Mừng Năm Mới
2017**

Miền địa An Khương Tỉnh Đồng Nai
CÔNG TY TNHH TRƯỜNG AN
xin kính chào quý khách hàng,
chúc năm mới
An Khương Tỉnh Đồng Nai - Vạn Sự Như Ý

CÔNG TY TNHH TRƯỜNG AN

Địa chỉ: Khối 4 – Thị trấn Bò Lương – Huyện Bò Lương – Tỉnh Nghệ An

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC LINH
Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân An, xã Tân An, huyện Tân An, tỉnh Đồng Nai

Miền địa An Khương Tỉnh Đồng Nai
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC LINH
xin kính chào quý khách hàng, chúc năm mới
An Khương Tỉnh Đồng Nai - Vạn Sự Như Ý

Miền địa An Khương Tỉnh Đồng Nai
CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI BÀ THUỐC
xin kính chào quý khách hàng, chúc năm mới
An Khương Tỉnh Đồng Nai - Vạn Sự Như Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI BÀ THUỐC

Địa chỉ: Thôn Trung Thủy, Xã Trung Lương,
Huyện Bà Thuộc, Thanh Hoá



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2,
phố Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (04) 66569135
Phòng Biên tập: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn
● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**
Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan
Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường
9,
quận 3, TP.HCM
Tel: 08.66814471 - Fax: 08.62676875
Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Hội nghị Tổng kết chương trình
phối hợp giữa Bộ TN&MT và
UBND TP. HCM

Ảnh: TTXVN

Chế bản & in:

C.ty TNHH Thiết kế In thương mại T&V

Số 12/2016

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG

- [7] ● Phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường
- [9] ● Triển lãm quốc tế về thiết bị, công nghệ và dịch vụ môi trường lần thứ 27
- [10] ● Bộ trưởng Trần Hồng Hà tiếp công dân Hà Tĩnh liên quan đến sự cố môi trường biển miền Trung
- [10] ● Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông
- [11] ● Gala chung kết và Trao giải thưởng Sáng tạo xanh lần thứ nhất
- [11] ● Hội nghị các bên tham gia công ước đa dạng sinh học lần thứ 13



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH

- [12] LÊ HOÀI NAM: Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn quy định chi tiết về BVMT trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ
- [14] TRẦN THỊ THU HƯỜNG: Tăng cường hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT
- [16] NGUYỄN HẰNG: Giám sát chặt chẽ các hoạt động BVMT của Công ty Formosa Hà Tĩnh
- [21] VŨ VĂN LƯƠNG: Lai Châu tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT
- [23] NGUYỄN THÀNH TÂM: Công tác BVMT tại các khu công nghiệp trên địa bàn Tiền Giang
- [25] LÊ PHƯƠNG LINH: Triển khai công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
- [27] PHAN HIỂN: ĐIỆN BIÊN: Chủ động phối hợp đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả công tác BVMT
- [30] ĐỖ LÊ THỊ MINH: Kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực BVMT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa



TRONG SỐ NÀY



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN

- [33] ĐOÀN THỊ THANH MỸ, LÊ MINH ÁNH:
Nâng cao hiệu quả theo dõi thi hành pháp luật về BVMT
- [35] JENNY DALTRY FFI: Gây nuôi thương mại động vật hoang dã đe dọa đến đa dạng sinh học Việt Nam
- [37] MAI THỊ THU HUỆ: Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý về môi trường tại châu Âu
- [39] TS. NGUYỄN THỊ NGỌC: Vốn xã hội trong công tác bảo tồn đa dạng sinh học ở Liên minh châu Âu và kinh nghiệm cho Việt Nam
- [41] PHƯƠNG LINH: Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu giữa Việt Nam – Nhật Bản



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [42] VŨ NGỌC TÍNH, LÊ HOÀI NAM: Từ triển lãm Pollutec 2016 đến xu hướng công nghệ môi trường hiện nay
- [43] NGHIÊM GIA, BÙI HUY TUẤN: Nâng cao hiệu quả BVMT trong ngành Thép Việt Nam
- [46] PHƯƠNG TRẦN: Hà Nội tăng cường các biện pháp cải thiện môi trường nước hồ
- [46] PHẠM THỊ TỔ OANH, HOÀNG VĂN HÙNG:
Hiệu quả công tác BVMT trong xây dựng nông thôn mới tại xã Tân Triều
- [48] TẠ KIỂU ANH: Công tác quản lý và giám sát các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
- [50] ĐIỀU XUÂN HẢI: Hiện trạng, thách thức và đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học tại tỉnh Điện Biên



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [52] GIA LINH: Công ty CP xuất nhập khẩu thủy sản An Mỹ: Tăng cường kiểm soát môi trường trong sản xuất, kinh doanh
- [53] VĂN KHẮC MINH: Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao: Áp dụng nhiều giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [55] BÙI ĐỨC HIỂN: Chính sách pháp luật chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu ở Việt Nam hiện nay
- [57] TRẦN THỊ TUYẾT, TRẦN HỮU HẢI: Sản xuất và tiêu dùng bền vững
- [59] NGUYỄN LANH, NGUYỄN THỊ THU HÀ:
Quản lý các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính ở Việt Nam



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [61] CAO VĂN KHIÊM: Nhân rộng mô hình quản lý tài nguyên, môi trường biển dựa vào cộng đồng tại Quảng Ngãi
- [62] MAI HỒNG QUÂN: Bảo tồn và phát triển những giá trị đa dạng sinh học ở đầm phá Tam Giang – Cầu Hai
- [64] NGUYỄN THỊ MINH HẠNH: Đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững ứng phó với BĐKH tại Gia Lai
- [65] LÊ THƯỜNG: Bảo tồn và phát triển bền vững rừng tràm Trà Sư
- [67] XUÂN THẮNG: Bảo tồn đàn voi Buôn Đôn trước nguy cơ bị tuyệt chủng
- [69] NHÂM HIỂN: Khám phá khung cảnh hoang sơ của hồ Cẩm Sơn, Bắc Giang
- [70] THẮNG HIỂN: Cô Tô – Hòn đảo xanh kỳ vĩ



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [71] NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN: Số vụ bắt giữ hổ nuôi sinh sản ngày càng gia tăng: Châu Á nên đóng cửa tất cả các trang trại hổ vào năm 2019
- [72] PHƯƠNG TÂM: Campuchia cải cách hệ thống quản lý môi trường
- [74] ĐÀO VĂN HIỂN, ĐỖ VĂN SEN:
Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý hoạt động nhận chìm ở biển

Traphaco

CNC

Con đường sức khỏe xanh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO TRAPHACO

Địa chỉ: Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: (0321) 3991828 - Fax: (0321) 3991790
Website: <http://www.traphacocnc.com>

Ngày 08/12/2016, Công ty Cổ phần Công nghệ cao Traphaco long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập công ty và đón nhận Huân chương lao động hạng Ba.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 18 Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

10 sự kiện môi trường nổi bật năm 2016

1. Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 - 2015; Báo cáo chuyển đổi hiện trạng môi trường các chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
2. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ Chỉ đạo môi trường tỉnh Sóc Trăng.
3. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 và Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.
4. Triển khai Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng giai đoạn 2014 - 2020.
5. Triển khai 02 dự án khắc phục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Dự án đóng cửa bãi rác phường 7, thành phố Sóc Trăng và Dự án cải tạo, khắc phục ô nhiễm bãi rác Vĩnh Châu.
6. Hoàn thành nhiệm vụ "Xây dựng bản đồ nguy cơ môi trường đường bờ phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ven biển tỉnh Sóc Trăng".
7. Diệt trừ các nguồn thải vào lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.
8. Thực hiện mô hình thu gom nước mưa phục vụ sinh hoạt cho tổ chức, hộ gia đình.
9. Ký kết Chương trình phối hợp với Ban thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức tôn giáo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020.
10. Phòng Thí nghiệm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 lần thứ 2 và được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính Phủ.



CHÚC MỪNG NĂM MỚI
2017

Khuân Đình Diệu



CÔNG TY CỔ PHẦN VRG ĐÁ BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: KCN - P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định.
Địa điểm: (090) 1230463 - 2210254 - 4294789 - Fax: (090) 5841202
Email: dbinhding@vrgviet.com - WebSite: www.dbinhdingvrgviet.com

GIỚI THIỆU

Công ty cổ phần VRG Đá Bình Định được thành lập ngày 28 tháng 01 năm 2008, với bề dày kinh nghiệm nhiều năm trong ngành khai thác và chế biến đá Granite, đến nay Công ty Cổ phần VRG Đá Bình Định đã có một đội ngũ của bộ khoa học kỹ thuật trình độ cao, giàu kinh nghiệm, một đội ngũ công nhân lành nghề, với 300 công nhân viên và 7 đơn vị thành viên hoạt động trên các lĩnh vực khai thác và chế biến đá, xây lắp, dịch vụ



CHỨC NĂNG NGÀNH NGHỀ:

Khai thác mỏ, sản xuất đá ốp lát và chế biến đá xây dựng. Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, khu công nghiệp. Kinh doanh phát triển nhà và bất động sản khác. Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và trạm biến áp điện. Thi công, lắp đặt máy móc thiết bị, kết cấu công trình phục vụ xây dựng. Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị, vật liệu xây dựng. Sửa chữa máy móc, thiết bị, XNK vật tư, thiết bị, hàng hóa.

Với tầm nhìn và ý thức trách nhiệm của mình, Công ty Cổ phần VRG Đá Bình Định lấy phương châm phục vụ, hòa hiếu lòng Quý khách hàng là niềm hạnh phúc của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ITASCO LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Khu 5, TT. Lạc Thủy, M. Bảo Lâm, T. Lâm Đồng.
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN HỮU ĐỐC

Chúc Mừng
HAPPY NEW YEAR Năm Mới

Khuân Đình Diệu
2017



CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ THANH HÓA

Địa chỉ: Tờ báo 01 Trưng, Huyện Mộ Trung, Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 0373 624 645 - Fax: 0373 624 646

Chúc Mừng
Năm Mới

Khuân Đình Diệu **2017**





Phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường



▲ Toàn cảnh Hội nghị

Ngày 26/12/2016, tại Hà Nội, Bộ TN&MT phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc (UBTU MTTQ) Việt Nam tổ chức Hội nghị Tổng kết Chương trình phối hợp giai đoạn 2012 - 2016 và ký kết Chương trình phối hợp giai đoạn 2016 - 2020. Tham dự Hội nghị có Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch UBUTU MTTQ Việt Nam Nguyễn Thiện Nhân; Các Phó Chủ tịch Trần Thanh Mẫn, Lê Bá Trình, Bùi Thị Thanh; Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà; Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân...

Phát biểu khai mạc, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cho biết, Chương trình phối hợp giữa Bộ TN&MT và UBUTU MTTQ Việt Nam có ý nghĩa thiết thực, thể hiện mối quan tâm cũng như vai trò của MTTQ đối với công tác quản lý tài nguyên và BVMT trong bối cảnh Việt Nam đang phải đối mặt với vấn nạn suy thoái tài nguyên thiên nhiên, biến đổi khí hậu (BĐKH) và ô nhiễm môi trường, đòi hỏi phải có sự tham gia, vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng và người dân trên cả nước.

Trong giai đoạn 2012 - 2016, Chương trình phối hợp đã bám sát các nội dung, nhiệm vụ đề ra và đạt được những kết quả tích cực. Theo đó, nội dung về quản lý tài nguyên và BVMT, ứng phó với BĐKH đã được thực hiện cùng với việc triển khai các phong trào thi đua, cuộc vận động. Ban Thường trực MTTQ đã phối hợp với Sở TN&MT chỉ đạo UB MTTQ các cấp lồng ghép các nội dung, nhiệm vụ BVMT vào Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và thực hiện tiêu chí số 17 trong bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đưa công tác BVMT đến mỗi người dân, hộ

gia đình. Bên cạnh đó, các tổ chức thành viên của Mặt trận đã phát động nhiều phong trào thi đua như Thanh niên xung kích vì cuộc sống cộng đồng; Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch; Thực hiện nền nông nghiệp sạch... góp phần thay đổi nhận thức và hình thành thói quen BVMT trong mỗi người dân. Đồng thời, xây dựng, nhân rộng các mô hình khu dân cư tự quản BVMT; Khu dân cư thực hiện hài hòa xóa đói giảm nghèo và BVMT; Khu dân cư phòng ngừa, ứng phó với BĐKH, nước biển dâng, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học...

Để nâng cao hiệu quả hoạt động BVMT, UB MTTQ Việt Nam đã tham gia góp ý vào dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT như Luật BVMT; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Luật Khí tượng thủy văn... Trong các năm 2013 - 2015, Ban Thường trực UB MTTQ đã phối hợp tổ chức các đợt giám sát việc quản lý, xử lý tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép gây sạt lở bờ sông và tác động tiêu cực đến môi trường

sống của nhân dân. Hầu hết, các ý kiến, kiến nghị của nhân dân về ô nhiễm môi trường qua phản ánh của UB MTTQ các cấp đã được các cấp chính quyền xử lý, giải quyết, bước đầu phát huy vai trò giám sát, phản biện của MTTQ và các tổ chức thành viên trong xây dựng, tổ chức thực thi chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên, BVMT.

Bên cạnh đó, hai bên đã phối hợp triển khai hiệu quả hoạt động tuyên truyền, giáo dục, giúp cộng đồng dân cư, doanh nghiệp nắm vững và thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, BVMT, ứng phó với BĐKH, giúp ngành TN&MT nắm bắt được phản hồi xã hội, dư luận xã hội về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật và kịp thời sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn.

Tuy nhiên, quá trình triển khai Chương trình phối hợp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, nhiều địa phương chưa có sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra kịp thời; Việc tổ chức sơ kết công tác phối hợp chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch hàng năm; Hoạt động phối hợp cung cấp thông tin, văn bản mới về BVMT, đặc biệt là các vấn đề về ứng phó với BĐKH còn nhiều hạn chế; Việc hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình điểm về BVMT chưa được đầu tư tương xứng. Ngoài ra, các



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký UBTV MTTQVN Trần Thanh Mẫn ký kết Chương trình phối hợp giai đoạn 2016 - 2020



▲ Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch UBTV MTTQ Nguyễn Thiện Nhân trao tặng Bằng khen cho các khu dân cư tiêu biểu về BVMT

hoạt động phối hợp giữa UBMTTQ các tỉnh, TP và Sở TN&MT chưa có điều kiện đi sâu để nắm bắt và tháo gỡ những bức xúc về BVMT của địa phương; Thời lượng tuyên truyền về Luật BVMT, công tác BVMT trên các phương tiện thông tin đại chúng các cấp còn ít; Kinh phí đầu tư cho công tác tuyên truyền, vận động, phát động phong trào chưa đáp ứng được trong giai đoạn hiện nay...

Nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI; Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ và Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong lĩnh vực BVMT, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà và Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký UBTV MTTQVN Trần Thanh Mẫn đã ký kết Chương trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực TN&MT giai đoạn 2016 - 2020 với các nội dung chính: Tiếp tục phối hợp tuyên truyền, vận động mỗi người dân, từng gia đình, cộng đồng dân cư, các tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh nắm vững và thực hiện nghiêm các chủ trương của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, BVMT, ứng phó với BĐKH; Xây dựng mới và nhân rộng các mô hình, điển hình của cộng đồng dân cư, các tổ chức tôn giáo tham gia BVMT, ứng phó với BĐKH, nước biển dâng, thực hiện hình thức mai táng đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học. Ngoài ra, vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ, tích cực, tự giác tham gia xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước của cộng đồng dân cư hướng vào công tác BVMT, nhất là các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái; Phối hợp kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội việc triển khai thực hiện chính

sách, pháp luật về quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, BVMT...

Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch UBTV MTTQ Việt Nam Nguyễn Thiện Nhân cho rằng, hiện nay, nền kinh tế - xã hội đã có những chuyển biến tích cực, song cũng kéo theo nhiều hệ lụy đến môi trường. Quy mô kinh tế và dân số tăng nhanh cùng với quá trình công nghiệp hóa làm gia tăng lượng chất thải, trong khi đó, công tác quản lý nhà nước về môi trường còn nhiều hạn chế. Vì vậy, việc UBTV MTTQ và Bộ TN&MT tiếp tục ký kết Chương trình phối hợp có ý nghĩa quan trọng, nhằm phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng toàn thể nhân dân trong lĩnh vực TN&MT, đặc biệt là vai trò giám sát của nhân dân. Do đó, trong thời gian tới, bên cạnh việc huy động sự đoàn kết của toàn dân trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, cần phải tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với các cơ quan, doanh nghiệp có nguồn xả thải. Chủ tịch Nguyễn Thiện Nhân cũng đề nghị, ngành TN&MT hỗ trợ MTTQ giám sát việc xả thải của các khu công nghiệp, dự án, công trình lớn và xây dựng các mô hình tự quản ở khu dân cư.

Nhân dịp này, UBTV MTTQ Việt Nam và Bộ TN&MT đã trao tặng Bằng khen cho 35 khu dân cư, 23 UBMTTQ các tỉnh, TP tiêu biểu trong công tác BVMT. Việc xây dựng các mô hình điểm khu dân cư BVMT đã góp phần nâng cao hiệu quả sự phối hợp giữa công tác tuyên truyền, vận động, giám sát của MTTQ và công tác quản lý nhà nước về BVMT.

BÙI HÀNG



TRIỂN LÃM QUỐC TẾ VỀ THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG LẦN THỨ 27

Ngày 29/11/2016, tại TP. Lyon, Cộng hòa Pháp đã khai mạc Triển lãm quốc tế về thiết bị, công nghệ và dịch vụ môi trường lần thứ 27 (Pollutec 2016). Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà tới dự và cắt băng khai mạc.

Pollutec được tổ chức 2 năm một lần và là triển lãm quốc tế danh tiếng, quy mô hàng đầu trong lĩnh vực môi trường, năng lượng, tái chế và phát triển bền vững. Triển lãm Pollutec 2016 có 38 quốc gia và nhiều vùng lãnh thổ tham gia, thu hút trên 65.000 khách tham quan, với khoảng 2.300 gian trưng bày về các lĩnh vực: Nước (690); chất thải (690); thiết bị đo đạc, đo lường và tự động hóa (161); năng lượng (138); sản phẩm sinh thái, phát triển bền vững (92)...

Trước đó, Pollutec 2013 có 1.300 gian trưng bày và hơn 30.000 khách tham quan từ khắp thế giới, với các nội dung như: Mô hình, công nghệ về quy hoạch đô thị, thiết kế sinh thái, không gian xanh, giao thông đô thị; quy trình công nghệ hướng tới nền công nghiệp sạch...

Phát biểu tại Triển lãm, Bộ trưởng Trần Hồng Hà cho biết, cùng với xu thế chung của nhân loại, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới với yêu cầu tăng cường phát triển kinh tế xanh, phát thải các bon thấp. Bộ trưởng hy vọng, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Pháp và quốc tế sẽ hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu. Qua đó, giúp các doanh nghiệp Việt Nam chuyển đổi mô hình sản xuất, đầu tư công nghệ mới; tăng cường chuyển giao công nghệ phát thải các bon thấp để nâng cao hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Với thông điệp “Phát triển bền vững - Nền tảng để Việt Nam thịnh vượng!”, Việt Nam đã giới thiệu các chính sách, nỗ lực và thành tựu trong BVMT, hướng tới phát triển bền vững; quản lý tổng hợp vùng duyên hải ven biển... Đây cũng là cơ hội để các tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam giới thiệu, quảng bá các giải pháp, thiết bị, công nghệ môi trường, sản phẩm sinh thái, các dự án tiềm năng với các đối tác quốc tế; tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực môi trường.



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà cắt băng khai mạc khu Triển lãm của VN



▲ Gian hàng Việt Nam tại Triển lãm Pollutec 2016

Đặc biệt, các doanh nghiệp của Việt Nam sẽ được tiếp cận xu hướng phát triển của thế giới về giải pháp, thiết bị, công nghệ và dịch vụ môi trường; tiêu dùng, phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường.

Đoàn Việt Nam đã tham gia các hoạt động: Cắt băng khai mạc Triển lãm Pollutec 2016; tiếp xúc giao Quốc vụ khanh Bộ Kinh tế và Tài chính Pháp phụ trách lĩnh

vực công nghiệp Christophe Sirugue; gặp gỡ song phương với Chủ tịch Cơ quan quốc gia về môi trường và năng lượng của Pháp (ADEME) Bruno Lechevin; Khai trương Gian triển lãm “Việt Nam - Quốc gia Danh dự”. Đặc biệt, Bộ trưởng Trần Hồng Hà đã tham gia Tọa đàm với các phóng viên quốc tế tại trường quay Plateau TV của Pollutec 2016.

HỒNG NHUNG



BỘ TRƯỞNG TRẦN HỒNG HÀ TIẾP CÔNG DÂN HÀ TỈNH LIÊN QUAN ĐẾN SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN

Ngày 8/12/2016, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã tiếp một số công dân phường Kỳ Phương và xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh liên quan đến sự cố môi trường biển tại tỉnh Hà Tĩnh.

Tham dự buổi tiếp có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh Dương Tất Thắng cùng đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Sở TN&MT Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh và xã Kỳ Phương.

Sau khi lắng nghe ngư dân trình bày khiếu nại, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh Dương Tất Thắng, lãnh đạo xã Kỳ Phương và Sở TN&MT đã giải đáp những thắc mắc của người dân về việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ trong việc đền bù, khắc phục hậu quả sự cố môi trường do Công ty Formosa Hà Tĩnh gây ra.

Tại buổi tiếp, Bộ trưởng Trần Hồng Hà khẳng định, kể từ khi sự cố xảy ra, Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các Bộ ngành, địa phương liên quan luôn quan tâm, tích cực điều tra nguyên nhân sự cố và đẩy mạnh công tác đền bù cho ngư dân, đồng thời yêu cầu, giám sát chặt chẽ việc Công ty Formosa Hà Tĩnh khắc phục sự cố môi trường biển miền Trung. Hiện tại, Bộ TN&MT đã phối



▲ Bộ trưởng Trần Hồng Hà trả lời ngư dân Hà Tĩnh

hợp với tỉnh Hà Tĩnh yêu cầu Công ty Formosa Hà Tĩnh khẩn trương thực hiện công tác khắc phục môi trường sau sự cố, đặc biệt, bắt buộc Công ty Formosa Hà Tĩnh lắp đặt hệ thống hồ chỉ thị sinh học để mọi người dân có thể giám sát quá trình xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường.

Liên quan đến vấn đề ngư dân kiến nghị về công tác bồi thường thiệt hại sau sự cố, Bộ

trưởng Trần Hồng Hà cho biết, quá trình đền bù thiệt hại được diễn ra công khai, minh bạch và khẩn trương tại 4 tỉnh bị thiệt hại. Bộ trưởng mong muốn, ngư dân phối hợp với Bộ TN&MT trong việc giám sát công tác BVMT của Công ty Formosa Hà Tĩnh nói riêng và các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nói chung.

C.LOAN

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NƯỚC LƯU VỰC SÔNG

Ngày 1/12/2016, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức họp Ban chỉ đạo Dự án “Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước lưu vực sông (LVS)”.

Phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân cho biết, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, biện pháp BVMT nước LVS. Tuy nhiên, chất lượng môi trường nước, đặc biệt là tại các LVS đang có những diễn biến phức tạp; nhiều nơi ô nhiễm nghiêm trọng như các đoạn chảy qua khu vực nội thành, nội thị, khu công nghiệp, làng nghề.

Dự án “Tăng cường năng lực quản lý môi trường nước LVS” được triển khai thực hiện từ năm 2016 -2018. Đây là Dự án hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Nhật Bản nhằm tăng cường năng lực, xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật về BVMT nước LVS, từng bước cải



thiện chất lượng môi trường nước LVS tại Việt Nam. Đến nay, Dự án đã thu thập các dữ liệu cơ bản để thực hiện dự án thí điểm thành phần; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến BVMT nước LVS; đề xuất cơ chế quản lý, điều phối và tăng cường sự hợp tác của các cơ quan liên quan ở Trung ương và địa phương...

Trong thời gian tới, Dự án sẽ tiếp tục nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật quy định về đánh giá sức chịu tải và ước tính hạn ngạch xả thải; xác định các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường tự nhiên...

PHẠM ĐÌNH



GALA CHUNG KẾT VÀ TRAO GIẢI THƯỞNG SÁNG TẠO XANH LẦN THỨ NHẤT

Ngày 10/12/2016, tại Hà Nội, Tổng cục Môi trường phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức Gala Chung kết và Trao Giải thưởng Sáng tạo xanh lần thứ nhất.

Giải thưởng Sáng tạo xanh lần thứ nhất được phát động ngày 11/12/2015, nhằm tìm kiếm, giới thiệu các ý tưởng, mô hình, sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, góp phần BVMT và phát triển bền vững. Sau 10 tháng, Ban Tổ chức đã nhận được gần 1.500 tác phẩm dự thi của các cá nhân, nhóm tác giả của 50 tỉnh, TP trên phạm vi cả nước. Dựa trên các tiêu chí của Cuộc thi, Ban Giám khảo đã lựa chọn 30 tác phẩm tiêu biểu để trao giải, gồm 3 giải Nhất, 5 giải Nhì, 9 giải Ba, 13 giải Khuyến khích thuộc 3 nhóm đối tượng tham dự. Trong đó, giải Nhất nhóm 1 (học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở) thuộc về tác phẩm “Hệ thống hút và xử lý dầu tràn” của nhóm tác giả Nguyễn Phi Hùng, Nguyễn Anh Đức, Vũ Ngọc Sơn, Trường Tiểu học Đăng Châu, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Giải Nhất nhóm 2 (học sinh Trung học phổ thông) thuộc về tác phẩm “Cột đo nước, tốc độ



▲ Thủ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân và Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Nguyễn Anh Tuấn trao Giải Nhất cho các nhóm thí sinh đạt giải

nước, tự động chiếu sáng ban đêm, tích hợp bắt côn trùng gây hại, cảnh báo nguy hiểm đặt tại các ngăn, đập tràn” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương và Hà Việt Hoàng, Trường THPT số 4, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Giải Nhất nhóm 3 (sinh viên và thanh niên có độ tuổi từ 19 - 30) thuộc về tác phẩm “Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo dây chuyền sản xuất tấm lợp không sử dụng sợi amiăng” của Thượng úy Nguyễn Long Hải, Xí nghiệp Liên hợp Z751,

Tổng cục Kỹ thuật. Đặc biệt, tại Gala Chung kết, 8 tác phẩm xuất sắc nhất đã có cơ hội trình bày các mô hình, ý tưởng và trả lời trước Hội đồng Cố vấn về khả năng ứng dụng mô hình trong thực tế.

Bên lề Gala Chung kết là Triển lãm ảnh Tuổi trẻ chung tay BVMT và trưng bày sản phẩm tái chế thân thiện với môi trường của các tổ chức, câu lạc bộ, cá nhân yêu môi trường...

BÙI HẰNG

HỘI NGHỊ CÁC BÊN THAM GIA CÔNG ƯỚC ĐA DẠNG SINH HỌC LẦN THỨ 13



Từ ngày 4 - 17/12/2016, tại Cancun, México đã diễn ra Hội nghị lần thứ 13 của các bên tham gia Công ước Đa dạng sinh học (ĐDSH) (COP 13) với chủ đề “Lồng ghép ĐDSH vì sự thịnh vượng” nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của ĐDSH và lồng ghép ĐDSH trong các ngành nông nghiệp, du lịch, lâm nghiệp

và thủy sản. Đây là các ngành dựa vào ĐDSH để phát triển, tuy nhiên, cũng làm suy giảm ĐDSH trên toàn cầu, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững. Dự báo, nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ của các ngành này sẽ tăng trong các thập kỷ tới, tạo áp lực đối với ĐDSH.

Các đại biểu đã thảo luận về mối liên hệ giữa các hành động bảo tồn ĐDSH và biến đổi khí hậu; tầm quan trọng của ĐDSH trong Chương trình Nghị sự 2030 về phát triển bền vững, đồng thời đề xuất giải pháp để các ngành nông nghiệp, du lịch, lâm

ng nghiệp, thủy sản tham gia bảo tồn ĐDSH. Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Cancun về lồng ghép bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH vì sự thịnh vượng, trong đó nhấn mạnh việc thúc đẩy các hành động cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu Aichi về bảo tồn ĐDSH.

Tại Hội nghị, Đoàn Việt Nam do Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường Nguyễn Văn Tài làm Trưởng đoàn đã chia sẻ những thành tựu của Việt Nam trong bảo tồn ĐDSH, đồng thời khẳng định sự ủng hộ đối với Tuyên bố Cancun.

VŨ NHUNG



Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

LÊ HOÀI NAM

*Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm
Tổng cục Môi trường*

Ngày 14/10/2016, Bộ trưởng Bộ TN&MT đã ký ban hành Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT về BVMT cụm công nghiệp (CCN), khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Cùng với Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2016 về BVMT khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT góp phần hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết về BVMT đối với các nhóm đối tượng trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BVMT năm 2014, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu. Đối tượng áp dụng của Thông tư bao gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có liên quan đến hoạt động BVMT CCN; khu kinh doanh, dịch vụ tập trung; làng nghề; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây viết tắt là cơ sở). Thông tư gồm 7 Chương và 29 Điều, kèm theo 11 Phụ lục. Ngoài Chương I về Quy định chung và Chương VII về Điều khoản thi hành, các chương của Thông tư quy định về: BVMT cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung; BVMT làng nghề; BVMT cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; phương án BVMT; quan trắc môi trường.

Tại Chương I, ngoài các Điều, khoản về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, cần lưu ý 2 khái niệm trong mục giải thích từ ngữ. Thứ nhất, khái niệm về CCN, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở đang hoạt động nhằm giúp phân định rõ phạm vi áp dụng của các công cụ quản lý môi trường khác nhau đối với giai đoạn khác nhau trong vòng đời của một dự án/cơ sở: Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) áp dụng với giai đoạn chuẩn bị, phê duyệt dự án; kế hoạch quản lý

môi trường áp dụng với giai đoạn xây dựng nhà máy, cơ sở; phương án BVMT áp dụng với giai đoạn đi vào hoạt động. Thứ hai, khái niệm về phương án BVMT. Để tránh trùng lặp với công cụ kế hoạch quản lý môi trường đã được quy định trong Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quy hoạch BVMT, đánh giá môi trường chiến lược, ĐTM và kế hoạch BVMT (trong đó kế hoạch quản lý môi trường được lập cho giai đoạn xây dựng cơ sở), phương án BVMT được hiểu là kế hoạch quản lý môi trường được lập và triển khai cho giai đoạn hoạt động của cơ sở (cơ sở đang hoạt động).

Đồng thời, các quy định chi tiết về lắp đặt, vận hành hạ tầng kỹ

thuật BVMT CCN được đưa ra trong Chương II, trong đó có các nội dung yêu cầu đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, quan trắc tự động, ghi chép nhật ký vận hành, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, các trường hợp được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Một nhóm nội dung quan trọng khác là các quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư và kinh doanh hạ tầng CCN, UBND cấp huyện, tỉnh đối với BVMT CCN, đáng lưu ý là quy định về việc không được tiếp nhận thêm dự án đầu tư hoặc mở rộng CCN nếu chưa có hạ tầng BVMT đáp ứng yêu cầu.

Chương III của Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về



▲ Cơ sở có lưu lượng nước thải từ 1.000 m³/ngày đêm trở lên phải có công tơ điện tử đo điện độ lập của hệ thống xử lý nước thải



BVMT làng nghề thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Bộ TN&MT đã quy định trong Luật BVMT và Nghị định số 19/2015/NĐ-CP, trong đó nội dung quan trọng nhất là điều kiện BVMT làng nghề, bao gồm quy định về việc lập và phê duyệt phương án BVMT làng nghề (quy trình lập và phê duyệt được quy định cụ thể tại Chương V), việc tuân thủ quy định về BVMT của các cơ sở trong làng nghề, hạ tầng BVMT làng nghề, tổ tự quản về BVMT làng nghề. Đây sẽ là những nội dung các địa phương cần tuân thủ chặt chẽ trong quá trình xem xét, công nhận làng nghề cũng như quá trình đánh giá, công nhận nông thôn mới. Ngoài ra, Chương III còn đưa ra các quy định chi tiết về đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm, trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án BVMT làng nghề, trách nhiệm của tổ tự quản về BVMT làng nghề và một số trách nhiệm của các cơ sở trong làng nghề.

Mặt khác, các vấn đề BVMT cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được quy định tại Chương IV, trong đó, bổ sung một số quy định chi tiết về quản lý nước thải, chất thải rắn, khí thải, nổi bật là các yêu cầu về ghi chép, lưu giữ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải, đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải tự động. Bên cạnh đó, Điều 20 quy định các yêu cầu về BVMT đối với việc chuyển giao nước thải không nguy hại để xử lý, bao gồm các quy định đối với cơ sở chuyển giao, quá trình vận chuyển và cơ sở tiếp nhận.

Chương V đưa ra những quy định chi tiết về phương án BVMT, trong đó đã làm rõ các đối tượng phải lập và thực hiện phương án BVMT là các CCN, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở có loại hình, quy mô tương đương đối tượng phải lập ĐTM theo Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP. Phương án BVMT là hồ sơ do cơ sở tự lập, tự phê duyệt và thực hiện, không phải trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Một

đối tượng khác phải lập phương án BVMT là làng nghề, do UBND cấp xã lập và trình UBND cấp huyện phê duyệt (đây không phải là một thủ tục hành chính). Thời điểm lập, nội dung, biểu mẫu và trách nhiệm thực hiện, cập nhật phương án BVMT cũng được quy định rõ trong Thông tư.

Ngoài ra, nội dung phương án BVMT quy định trong Chương V bao gồm việc liệt kê các thủ tục, trách nhiệm môi trường mà cơ sở phải thực hiện, mô tả chi tiết về hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các công trình, biện pháp BVMT đối với giai đoạn hoạt động (thông số, quy trình vận hành, phân công trách nhiệm đối với các biện pháp thu gom, xử lý chất thải và biện pháp BVMT khác). Bên cạnh đó, nội dung phương án BVMT còn tích hợp việc kiểm kê dòng vật chất, nguyên liệu đầu vào và sản phẩm, chất thải đầu ra nhằm giúp các cơ quan quản lý nắm bắt được quá trình hoạt động thực tế của cơ sở. Các nội dung về phòng ngừa và ứng phó sự cố theo yêu cầu của Luật BVMT cũng được tích hợp cụ thể trong phương án BVMT. Như vậy, phương án BVMT có thể coi là một hồ sơ môi trường chi tiết, thống nhất để làm căn cứ cho cơ sở thực hiện công tác BVMT, cũng như để các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra.

Về quan trắc môi trường tại Chương VI quy định, các đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất,

kinh doanh, dịch vụ và tần suất tối thiểu như sau: Cơ sở có quy mô tương đương đối với đối tượng quy định tại Phụ lục II Nghị định số 18/2015/NĐ-CP (đối tượng phải lập ĐTM) thực hiện quan trắc 3 tháng/1 lần; cơ sở có quy mô tương đương với đối tượng quy định tại Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT (đối tượng phải lập kế hoạch BVMT trình Sở TN&MT xác nhận) thực hiện quan trắc 6 tháng/1 lần; cơ sở có quy mô tương đương với đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 32 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT (đối tượng phải lập kế hoạch BVMT trình UBND cấp huyện xác nhận) thực hiện quan trắc 1 năm/1 lần. Đây là quy định thống nhất về tần suất quan trắc, thay thế cho các nội dung quy định về tần suất quan trắc trong Phụ lục của Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT. Đối với nội dung quan trắc phát thải tự động, Thông tư cũng quy định chi tiết về thông số phải quan trắc (đối với nước thải và khí thải), yêu cầu về thiết bị lấy mẫu tự động, các yêu cầu về hiệu chuẩn, kiểm định, kết nối, truyền dữ liệu.

Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn chi tiết đối với một số nội dung kỹ thuật trong Thông tư như xây dựng phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường cho từng nhóm đối tượng, yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với hệ thống quan trắc tự động. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1/12/2016■



Tăng cường hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

ThS. TRẦN THỊ THU HƯỜNG

Cục Kiểm soát hoạt động BVMT

Tổng cục Môi trường

Ngày 18/11/2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) trong lĩnh vực BVMT (Nghị định), thay thế Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 với nhiều quy định mới, tạo sức răn đe đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi VPHC trong lĩnh vực BVMT.

CÁC NHÓM HÀNH VI XỬ PHẠT

Nghị định số 155/2016/NĐ-CP (Nghị định) có 4 Chương, 63 Điều, xây dựng trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế.

Theo Nghị định, có 8 nhóm hành vi vi phạm chính sẽ bị xử phạt gồm: Hành vi vi phạm quy định về kế hoạch BVMT, đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và đề án BVMT; hành vi gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT); hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải; hành vi vi phạm quy định về BVMT của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX), khu công nghệ cao (KCNC), cụm công nghiệp (CCN), khu kinh doanh dịch vụ tập trung; hành vi vi phạm quy định về BVMT trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản...

Nghị định số 155/2016/NĐ-CP đã bổ sung những hành vi vi phạm theo quy định tại các thông tư, nghị định, quyết định và văn bản pháp luật khác của cơ quan quản lý nhà nước như vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch BVMT; vi phạm quy định về BVMT trong hoạt động kinh doanh hạ tầng khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, KCN, KCX, KCNC, CCN; vi phạm quy định về BVMT trong hoạt động nuôi trồng thủy sản; vi phạm các quy định về BVMT đất; vi phạm quy định về BVMT đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; vi phạm quy định về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, một

số hành vi VPHC trước đây không xử lý được do không có chế tài xử phạt, hoặc chưa quy định rõ đã được cụ thể hóa trong Nghị định như hành vi liên quan đến hoạt động vận hành thử nghiệm của dự án; hành vi thực hiện không đúng một trong các nội dung của đề án BVMT đã được xác nhận; hành vi không thông báo bằng văn bản đến tổ chức tham vấn, hoặc cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM về kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) trước khi vận hành thử nghiệm ít nhất 10 ngày kể từ ngày tổ chức, cơ quan có thẩm quyền nhận được văn bản thông báo; hành vi không báo cáo kịp thời cho cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM và cơ quan chuyên môn về BVMT cấp tỉnh để hướng dẫn giải quyết ÔNMT, sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định; hành vi không dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất

thải, không tổ chức khắc phục ÔNMT và bồi thường thiệt hại...

Với nguyên tắc đảm bảo các quy định rõ ràng, đầy đủ, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT, Nghị định cũng đưa ra những quy định cụ thể đối với những hành vi vi phạm trong hoạt động xử lý chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, xử lý CTR công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại (CTNH); hành vi nhập khẩu phế liệu có chứa tạp chất kèm với phế liệu vượt quá tỷ lệ cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu là CTNH, hoặc chất hữu cơ khó phân hủy phải loại bỏ theo Công ước Stöckholm (chi tiết hóa tại Khoản 6, Điều 25 của Nghị định theo khối lượng tạp chất)...

CÁC MỨC PHẠT VÀ HÌNH THỨC XỬ PHẠT

Nhằm tăng hiệu lực xử lý, có tính răn đe cao đối với những hành vi gây ÔNMT nghiêm trọng của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh



▲ Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng - 950.000.000 đồng



doanh, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP nêu rõ, các đối tượng là hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể vi phạm các quy định của Nghị định sẽ bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm. Các cá nhân, tổ chức có hành vi VPHC trong lĩnh vực BVMT bị áp dụng các hình thức xử phạt như cảnh cáo; phạt tiền tối đa đối với một hành vi VPHC về BVMT là 1 tỷ đồng với cá nhân và 2 tỷ đồng đối với tổ chức; bị tước quyền sử dụng có thời hạn đối với Giấy phép xử lý CTNH; Giấy phép xả khí thải công nghiệp; Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất độc hại, chất lây nhiễm; Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải tại Việt Nam... (gọi chung là Giấy phép môi trường); hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Luật Xử lý VPHC từ 1 tháng - 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt VPHC có hiệu lực thi hành...

Ngoài ra, đối với từng hành vi vi phạm, Nghị định cũng quy định rõ mức phạt: Đối với hành vi vi phạm các quy định về thực hiện kế hoạch BVMT thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND cấp huyện, phòng đăng ký kinh doanh cấp huyện và Sở TN&MT, bị phạt cảnh cáo, hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng - 10.000.000 đồng khi thực hiện không đúng một trong các nội dung kế hoạch BVMT đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận; Đối với hành vi vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo ĐTM thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh, Bộ TN&MT, cơ quan ngang Bộ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng - 40.000.000 đồng khi thực hiện không đúng một trong các nội dung báo cáo ĐTM và các yêu cầu trong quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, hoặc Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn hoặc toàn bộ dự án) theo quy định; bị phạt tiền từ 140.000.000 đồng - 160.000.000 đồng khi không có Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành (từng giai đoạn, hoặc toàn bộ dự án)...; Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo ĐTM trình Bộ TN&MT phê duyệt bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng - 100.000.000 đồng khi không thực hiện khắc phục ÔNMT, từ 50.000.000 đồng - 100.000.000 đồng đối với hành vi không có hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa, không có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ, phân loại CTR tại nguồn, để phát tán khí độc hại ra môi trường, không hạn

chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường và người lao động...;

Để đảm bảo công bằng trong quá trình xử phạt, Nghị định còn đưa ra những quy định mang tính định lượng chi tiết đối với các hành vi vi phạm về xả nước thải, thải bụi, khí thải gây ÔNMT. Trong đó, bổ sung các mức phạt tăng thêm đối với các thông số môi trường thông thường và nguy hại tương ứng, đồng thời phân chia lại ngưỡng vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải. Cụ thể, đối với các hành vi xả nước thải, thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,1 lần đến dưới 1,5 lần, hoặc xả nước thải, thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải dưới 1,1 lần trong trường hợp tái phạm, vi phạm nhiều lần bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng - 400.000.000 đồng tùy vào lượng nước thải, từ 10.000.000 đồng - 850.000.000 đồng tùy vào lưu lượng khí thải; Hành vi xả nước thải, thải bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 1,5 lần đến dưới 2 lần bị phạt từ 3.000.000 đồng - 750.000.000 đồng tùy vào lượng nước thải, từ 5.000.000 đồng - 800.000 đồng tùy vào lưu lượng khí thải...

Riêng hành vi gây ÔNMT kéo dài, lặp lại nhiều lần mà không khắc phục được (trước đây đã bị xử phạt VPHC về hành vi xả nước thải, khí thải, gây tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn môi trường) thì bị phạt tiền từ 130.000.000 đồng - 150.000.000 đồng. Nếu trong nước thải, bụi, khí thải có cả các thông số môi trường nguy hại, vi khuẩn, hoặc giá trị pH ngoài ngưỡng quy chuẩn kỹ thuật thì chọn thông số tương ứng với hành vi vi phạm có mức phạt tiền cao nhất của mẫu nước thải, hoặc bụi, khí thải để xử

phạt. Các thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật còn lại của cùng mẫu chất thải đó sẽ bị phạt tăng thêm từ 10% - 50% mức phạt tiền cao nhất của hành vi vi phạm đối với mỗi thông số, tăng so với quy định cũ tại Nghị định số 179/2013/NĐ-CP từ 1% - 4%... Mức phạt tiền đối với hành vi VPHC quy định trên là mức phạt tiền quy định đối với hành vi VPHC của cá nhân, mức phạt tiền đối với hành vi VPHC của tổ chức bằng 2 lần mức phạt tiền với cùng hành vi VPHC của cá nhân. Ngoài các mức phạt trên, các cá nhân và tổ chức vi phạm còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.

Về phân định thẩm quyền xử phạt, Nghị định cũng kế thừa những ưu điểm của Nghị định số 179/2013/NĐ-CP, nhưng quy định chi tiết hơn, nhằm tạo thuận lợi cho các bên liên quan trong quá trình xử phạt, đảm bảo các chức danh được xử phạt theo đúng thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, Nghị định cũng bổ sung quy định mới tại Điều 53 về trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT, tránh chồng chéo trong quá trình thanh tra doanh nghiệp.

Có thể nói, việc ban hành Nghị định số 155/2016/NĐ-CP là đòi hỏi cấp thiết, góp phần thực hiện công tác thanh, kiểm tra và xử lý VPHC trong lĩnh vực môi trường được thống nhất, hiệu quả, có tính răn đe cao, buộc các doanh nghiệp phải thay đổi hành vi BVMT. Với các chế tài xử phạt nghiêm khắc, Nghị định sẽ là công cụ hữu hiệu, đáp ứng yêu cầu của công tác BVMT trong tình hình mới, nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật■



Giám sát chặt chẽ các hoạt động bảo vệ môi trường của Công ty Formosa Hà Tĩnh

Ngay sau khi xảy ra sự cố môi trường biển miền Trung, Bộ TN&MT đã phối hợp với các cơ quan chức năng vào kiểm tra và giám sát toàn diện các hoạt động xả thải của Công ty Formosa Hà Tĩnh (FHS). Đồng thời, Bộ TN&MT yêu cầu Công ty thực hiện nghiêm các cam kết môi trường và xây dựng kế hoạch tổng thể, chi tiết về thực hiện BVMT trong thời gian tới.

FHS KHẮC PHỤC CÁC TỒN TẠI, VI PHẠM

Trong thời gian qua, FHS đã khẩn trương khắc phục các hậu quả vi phạm và cải thiện các hệ thống xử lý nước thải và khí thải đạt quy chuẩn cho phép; đồng thời phối hợp với các cơ quan khoa học kỹ thuật, các chuyên gia về môi trường trong nước, quốc tế xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp và bổ sung một số công trình xử lý chất thải nhằm kiểm soát môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế.

Về công trình xử lý nước thải và quan trắc tự động nước thải, FHS đã hoàn thành 9 hệ thống xử lý nước thải cục bộ cho các hạng mục của Tổ hợp gang thép. Hiện nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn được tái sử dụng tuần hoàn. Bên cạnh đó, FHS có 3 Trạm xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường, gồm: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt (công suất thiết kế là 2.400m³/ngày, hiện nay là 1.000m³/ngày); Trạm xử lý nước thải sinh hóa từ luyện cốc và cảng

Sơn Dương (công suất thiết kế là 4.800m³/ngày, hiện nay là 1.200m³/ngày) và Trạm xử lý nước thải công nghiệp (công suất thiết kế là 36.000 m³/ngày, hiện nay là 13.000 m³/ngày). Trước khi xảy ra sự cố môi trường (tháng 4/2016), nước thải sinh hoạt và sinh hóa chỉ được xử lý sơ bộ tại Trạm sinh hoạt và Trạm sinh hóa, sau đó được nhập chung về Trạm xử lý nước thải công nghiệp để xử lý đạt QCVN 52:2013/BTNMT (12 thông số) trước khi thải ra biển. Sau khi có kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành, Bộ TN&MT đã yêu cầu FHS phải xử lý nước thải đạt quy chuẩn tại nguồn, cụ thể: Nước thải sinh hoạt sau xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, nước thải sinh hóa sau xử lý phải đạt QCVN 52:2013/BTNMT, cột B trước khi xả vào Trạm xử lý nước thải công nghiệp. Tại Trạm xử lý nước thải công nghiệp, nước thải tiếp tục được xử lý đạt QCVN 52:2013/BTNMT và 5 thông số (độ màu, Fe, Mn, amonia, sunfua) của QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đưa ra Trạm quan trắc online và ra biển.

Để thực hiện các yêu cầu nêu trên, FHS đã tích cực phối hợp với các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế rà

soát quy trình vận hành, công nghệ xử lý của các Trạm xử lý nước thải. Qua đó đã phát hiện một số lỗi trong quy trình vận hành và tỷ lệ hóa chất sử dụng. FHS đã tiến hành hiệu chỉnh, hoàn thiện quy trình vận hành, liều lượng hóa chất sử dụng và bổ sung thêm hóa chất khử màu, khử xyanua; đưa vào vận hành hệ thống tuyển nổi và bể tách dầu của Trạm xử lý nước thải sinh hóa; vận hành hệ thống khử lưu huỳnh và các bể lọc nước thải sau xử lý của Trạm xử lý nước thải công nghiệp. Đồng thời, từ ngày 26/9/2016, FHS đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, nâng thông số quan trắc được kiểm soát là 12 thông số gồm: lưu lượng, pH, độ màu, TSS, COD, tổng Nitơ, tổng xyanua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, Cr(VI), Cd và Hg. Hàng ngày, các số liệu được chia sẻ và kết nối trực tiếp về Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh và Tổng cục Môi trường. Kết quả quan trắc tự động, liên tục nước thải của FHS cho thấy, nước thải trước khi thải ra biển đều đạt quy chuẩn cho phép.

Về công trình xử lý khí thải và quan trắc tự động khí thải, Dự án giai đoạn 1-1 của FHS (gồm 2 Lò cao và các hạng mục phụ



▲ Hệ thống xử lý nước thải của FHS

trợ) khi vận hành chính thức sẽ phát sinh khí thải từ 23 ống khói. Đến nay, FHS đã hoàn thành các hạng mục công trình và thiết bị xử lý khí thải đảm bảo đạt QCVN 51:2013/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 22:2009/BTNMT, cột B để vận hành Lò cao số 1; còn các công trình bổ sung phục vụ Lò cao số 2 đang trong giai đoạn hoàn thành lắp đặt thiết bị, đạt khoảng 96,9% tính đến cuối tháng 11/2016.

Bên cạnh đó, tại Lò cao số 1, FHS đã lắp đặt 8 thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục, các dữ liệu này đã được truyền về Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh (ống khói Lò cao số 1; Máy thiêu kết số 2; Lò luyện cốc số 1; 5 Tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện). Kết quả đo đạc và phân tích mẫu khí thải tại các ống khói của nhà máy nhiệt điện, xưởng luyện cốc, xưởng cán nóng, xưởng cán dày đều đạt quy chuẩn cho phép.

Về quản lý chất thải rắn (CTR) và chất thải nguy hại (CTNH), hiện nay, FHS đã ngừng chuyển giao CTR thông thường (tro bay, xỉ đáy lò, thạch cao...) và một số loại CTNH (hóa chất thải, bùn thải...) cho các đơn vị không có chức năng xử lý. Đồng thời rà soát, đánh giá năng

lực của một số đơn vị có chức năng xử lý chất thải để ký hợp đồng theo quy định. Hiện lượng rác thải sinh hoạt của FHS phát sinh khoảng 185 tấn/tháng (tồn trữ 0,3 tấn) đã được thu gom và định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Chế biến rác thải sinh hoạt Hoàn Sơn, tỉnh Hà Tĩnh vận chuyển, xử lý.

Đối với chất thải công nghiệp thông thường là các loại nhựa phế thải, gỗ phế thải, thủy tinh, bao bì giấy, nilon... phát sinh khoảng 2.811 tấn/tháng (hiện đang tồn trữ 574 tấn) được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh xử lý. Còn thạch cao phát sinh khoảng 1.800 tấn/tháng (tồn trữ 6.835 tấn), tro bay phát sinh khoảng 7.980 tấn/tháng (tồn trữ 41.759 tấn), xỉ đáy lò (tro đáy) phát sinh khoảng 600 tấn/tháng (tồn trữ 4.743 tấn) được lưu giữ an toàn trong kho lưu giữ có mái che. FHS đã làm việc

với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công (Xi măng Thành Công) và Công ty Cổ phần Môi trường Nghi Sơn để xử lý và tái sử dụng làm phụ gia xi măng theo quy định.

Đối với CTNH (bóng đèn huỳnh quang thải, găng tay, giẻ lau dính dầu, dầu thải, cặn sơn, hộp mực in thải...) phát sinh khoảng 51 tấn/tháng (tồn trữ 96,2 tấn) được FHS thu gom, phân loại và lưu giữ tại 16 kho lưu giữ CTNH ở từng bộ phận. Các loại CTNH này được FHS chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh vận chuyển, xử lý theo quy định.

KẾ HOẠCH CẢI THIỆN CÁC CÔNG TRÌNH BVMT

Để nâng cao hệ số an toàn và khả năng ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành, Bộ TN&MT đã phê duyệt nguyên tắc Kế hoạch, lộ trình khắc phục các tồn tại, vi phạm về BVMT và kế hoạch giám sát môi trường của FHS, trong đó yêu cầu Công ty phối hợp với các cơ quan tư vấn, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia môi trường trong nước và quốc tế xây dựng và lập kế hoạch cải thiện các công trình BVMT của dự án, đảm bảo hoàn thành trước ngày 31/3/2017 trước khi Lò cao đi vào vận hành chính thức.

Tại trạm xử lý nước thải sinh hóa, FHS sẽ lắp đặt bổ sung công đoạn tiền xử lý keo tụ, bổ sung chất khử màu, lắp đặt bổ sung công đoạn lọc nước thải sau xử lý và nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện công nghệ xử lý



▲ Trạm kiểm định môi trường di động giám sát 24/24h nguồn thải được lắp đặt từ ngày 26/7/2016 tại Công ty FHS

nước thải sinh hóa, bảo đảm không để phát tán phenol và các hợp chất ô nhiễm hữu cơ khác ra môi trường không khí vượt quy chuẩn theo quy định. Tại Trạm xử lý nước thải công nghiệp, FHS sẽ lắp đặt thêm 4 bể lọc với công suất 250 m³/h/bể (hiện tại có 4 bể). Nước thải tại 2 trạm sau xử lý phải được kiểm soát 13 thông số (bổ sung thêm Fe) bằng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục có camera theo dõi giám sát trước khi thải vào hồ sinh học, đồng thời phải đạt QCVN 52:2013/BTNMT và 5 thông số theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Trường hợp nước thải không đạt quy chuẩn sẽ được bơm hồi lưu về Trạm để xử lý từ Bể sơ cứu được xây dựng trong hệ thống hồ sinh học.

Để đảm bảo chất lượng nước thải sinh hóa và nước thải công nghiệp của FHS sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật và nâng cao khả năng kiểm soát khi xảy ra sự cố tại các trạm xử lý nước thải, FHS đang tiến hành xây dựng bổ sung hệ thống hồ sơ kết hợp hồ sinh học để xử lý riêng biệt 2 dòng nước thải sinh hóa và công nghiệp. Hệ thống hồ này được bố trí ở phía Nam Trạm xử lý nước thải sinh hóa với tổng diện tích đất sử dụng là 10 ha; nước thải sinh hóa và công nghiệp sau xử lý được kiểm soát bằng các hồ sơ, hồ hoàn thiện, hệ thống bãi lọc trồng cây ngập nước, hồ chỉ thị sinh học (nuôi cá), sau đó được bơm đến Trạm quan trắc online (quan

trắc 13 thông số nước thải tự động, liên tục có camera theo dõi, giám sát) trước khi xả ra vịnh Sơn Dương. Kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục được truyền số liệu trực tiếp cho Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh để theo dõi, giám sát và công khai với người dân theo quy định.

Đối với các thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục phục vụ Lò cao số 1, FHS cam kết lắp đặt bổ sung với 8 thông số (lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂, bụi, SO₂, NO_x và CO) trong khí thải của các nhà máy trước ngày 31/3/2017. Đối với 3 thiết bị xử lý khí thải và 4 thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục, FHS đã đặt mua thiết bị của Đức đạt tiêu chuẩn EU và Mỹ và sẽ hoàn thành trước khi Lò cao số 2 vận hành.

Để thực hiện chuyển đổi phương pháp làm nguội than cốc từ ướt sang khô (hệ thống CDQ), FHS đã phối hợp với các hãng sản xuất

trên thế giới lựa chọn công nghệ tiên tiến và cam kết hoàn thành hệ thống CDQ số 1 trước ngày 31/3/2019 và hệ thống CDQ thứ 2 trước ngày 30/6/2019. Trong thời gian chưa hoàn thành các hệ thống CDQ, FHS sẽ xây dựng Trạm xử lý tuần hoàn nước dập cốc để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi tái sử dụng. Đồng thời, FHS sẽ nghiên cứu thực hiện áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn trong hoạt động sản xuất, đặc biệt đối với nhà máy điện.

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Tự giám sát môi trường của FHS

Trong thời gian qua, FHS đã và đang phối hợp với Viện Công nghệ môi trường (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) với sự giám sát của Tổng cục Môi trường thực hiện kế hoạch giám sát môi trường tự động, liên tục và định kỳ (nước thải, khí thải, CTR, nước mặt tại các kênh thoát nước, nước biển ven bờ, nước ngầm, không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung...) trong thời gian 3 năm, chia thành 3 giai đoạn: Giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Giai đoạn sau khi có xác nhận hoàn thành công trình BVMT và Giai đoạn vận hành ổn định của dự án.

Theo đó, nước thải quan trắc 13 thông số phải đạt QCVN 52:2013/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; khí thải quan trắc 8 thông số phải đạt QCVN 51:2013/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN



22:2009/BTNMT, cột B. Việc quan trắc chất thải tự động, liên tục có camera theo dõi, giám sát và truyền trực tiếp số liệu về Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh. Bên cạnh đó, FHS phải quan trắc môi trường định kỳ (đo đạc, lấy và phân tích mẫu), trong đó nước thải giám sát với tần suất 3 lần/ngày (sáng, chiều và tối) trong thời gian 3 năm; khí thải tại 20 ống khói với tần suất là 1 lần/ngày giai đoạn vận hành thử nghiệm, các giai đoạn sau là 1 tháng/lần và 3 tháng/lần; bùn thải, CTR, CTNH với tần suất theo QCVN. Ngoài ra, FHS phải thực hiện giám sát môi trường xung quanh (nước mặt tại kênh thoát nước mưa, nước biển ven bờ, trầm tích, thủy sinh vật, nước ngầm và chất lượng không khí xung quanh trong và ngoài khu vực hoạt động của dự án) với tần suất giám sát cho giai đoạn đầu 1 tháng/lần; các giai đoạn sau là 3 tháng/lần và 6 tháng/lần theo quy định.

Kiểm tra, giám sát môi trường của các cơ quan quản lý

Để kiểm tra, giám sát việc thực hiện của FHS, Bộ TN&MT đã giao Tổng cục Môi trường phối hợp với Sở TN&MT và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh kiểm tra, giám sát liên tục, định kỳ và đột xuất đối với FHS; đồng thời trưng cầu Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1 thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) và Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường thực hiện việc đo đạc, lấy, bảo quản và phân tích mẫu môi trường để kiểm chứng.

Từ ngày 22/7/2016, Bộ TN&MT đã thành lập Tổ giám sát FHS trong việc thực hiện cam kết khắc phục sự cố môi trường tại 4 tỉnh miền Trung; đồng thời UBND tỉnh Hà Tĩnh cũng đã thành lập Tổ giám sát việc thực hiện của FHS. Để phát huy hiệu quả trong thời gian tới, Tổ giám sát sẽ do tỉnh Hà Tĩnh điều phối hoạt động, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, Viện Công nghệ môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam chịu trách nhiệm tư vấn kỹ thuật và có sự tham gia, phối hợp của Tổng cục Môi trường, Sở TN&MT tỉnh Hà Tĩnh, một số cơ quan có liên quan của tỉnh và các chuyên gia khoa học. Hiện tại, Tổ giám sát hàng ngày giám sát chặt chẽ việc xử lý khí thải, nước thải và quản

lý CTR của FHS trước khi thải ra môi trường.

Bộ TN&MT đã phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đưa 2 Trạm kiểm định môi trường di động vào giám sát việc xử lý nước thải của FHS, tần suất lấy mẫu nước thải tại các vị trí là 3 lần/ngày (trung bình 13 mẫu/ngày). Các Trạm kiểm định môi trường di động sẽ được vận hành liên tục trong thời gian là 3 năm.

Từ ngày 13 - 15/9/2016, Tổng cục Môi trường đã thành lập Đoàn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT đối với 16 hạng mục đã hoàn thành của FHS. Tuy nhiên, Đoàn kiểm tra đã yêu cầu FHS khắc phục một số tồn tại, hạn chế về BVMT và hoàn thiện hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình BVMT đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành trình Bộ TN&MT xem xét, xác nhận theo quy định. FHS chỉ được xem xét, cho phép vận hành chính thức các công trình sản xuất khi hoàn thành các hạng mục công trình liên quan đến xử lý chất thải và kiểm soát, giám sát chất thải, đặc biệt là hoàn thành hệ thống hồ sinh học, bao gồm: các hồ sự cố, hồ hoàn thiện, hệ thống bãi lọc trồng cây ngập nước, hồ chỉ thị sinh học (nuôi cá) để kiểm soát nước thải sinh hóa và công nghiệp sau xử lý.

Từ kết quả giám sát việc khắc phục các tồn tại, vi phạm của FHS, trong thời gian tới, Bộ TN&MT yêu cầu FHS thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về BVMT, đảm bảo chất thải của FHS phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi

trường của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế theo như cam kết.

Mặt khác, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hạng mục công trình BVMT bổ sung, chuyển đổi công nghệ sản xuất của FHS, Bộ TN&MT đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh Hà Tĩnh và các sở, ban ngành liên quan tạo điều kiện thuận lợi, sớm xem xét thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng các hạng mục công trình BVMT cải thiện và bổ sung của FHS trong thời gian ngắn nhất, bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và BVMT theo quy định. Đồng thời giao Bộ Xây dựng theo thẩm quyền ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để tái chế, tái sử dụng tro bay, xỉ đáy lò, thạch cao làm vật liệu xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý loại chất thải của các nhà máy nhiệt điện ở Việt Nam nói chung cũng như của FHS nói riêng. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ TN&MT và các cơ quan khoa học liên quan đánh giá công nghệ làm nguội than cốc từ ướt sang khô của FHS, đảm bảo công nghệ được chuyên đổi là công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu về BVMT. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và UBND tỉnh Hà Tĩnh rà soát thiết kế cơ sở của Tổ hợp gang thép đã được thẩm định và yêu cầu FHS thực hiện theo đúng dự án đã được phê duyệt■

NGUYỄN HẰNG



● Bộ TN&MT ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách BVMT

Ngày 6/12/2016, Bộ TN&MT ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách BVMT. Theo đó, mục tiêu của Kế hoạch là cụ thể và hiện thực hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về BVMT; Khắc phục những hạn chế, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm, tạo bước chuyển biến trong công tác BVMT; Tăng cường năng lực tổ chức thực hiện trong chỉ đạo, điều hành công tác BVMT...

Để thực hiện mục tiêu trên, Bộ TN&MT giao Tổng cục Môi trường thực hiện các nhiệm vụ: Rà soát, đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật BVMT năm 2014 nhằm khắc phục bất cập hiện nay, nhất là các quy định về công cụ, biện pháp quản lý nhà nước, kiểm soát kỹ thuật, giám sát hoạt động xả thải của doanh nghiệp, hoàn thành trong năm 2017; Đề xuất điều chỉnh các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cho phù hợp với điều kiện trong nước và yêu cầu hội nhập quốc tế; Xây dựng, trình ban hành bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng kết quả BVMT của các địa phương trong năm 2016 thực hiện trong năm 2017; Hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương tổ chức rà soát các báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; công trình, biện pháp BVMT của các dự án đầu tư lớn có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường đã được phê duyệt để có điều chỉnh kịp thời; Tạo điều kiện thuận lợi để phối hợp, phản biện, giám sát hoạt động BVMT; Chủ động cung cấp thông tin, phát huy vai trò của báo chí trong công tác BVMT; Phối hợp với thanh tra Bộ TN&MT kiểm tra, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện pháp luật về BVMT của các Bộ, ngành và địa phương. Tập trung thanh tra, kiểm tra các cơ sở có lưu lượng nước thải từ 200 m³/ngày, đêm trở lên trên phạm vi cả nước; Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo về môi trường tại các vùng kinh tế trọng điểm, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải, khu vực nhạy cảm về môi trường trước năm 2020; Để

xuất giải pháp tăng cường vai trò, trách nhiệm và có cơ chế đặc thù phù hợp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các Ủy ban BVMT lưu vực sông...

● Quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu

Ngày 12/10/2016, Bộ TN&MT ban hành Thông tư số 30/2016/TT-BTNMT về quản lý, cải tạo và phục hồi môi trường khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu (ÔNTL). Thông tư quy định chi tiết điểm a, điểm b, khoản 3 Điều 107 Luật BVMT năm 2014; khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT năm 2014.

Theo quy định, các khu vực bị ô nhiễm được phân loại theo 3 mức độ rủi ro: thấp, trung bình, cao, dựa trên các tiêu chí: nguồn ÔNTL, khả năng lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động. Để điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm gồm các nội dung: Tổng hợp, rà soát các tài liệu liên quan đến khu vực có khả năng bị ô nhiễm; Khảo sát hiện trường khu vực; Tiến hành lấy mẫu, phân tích mẫu để xác định sơ bộ, đánh giá mức độ ô nhiễm; Lập báo cáo kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ. UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá sơ bộ khu vực có khả năng bị ô nhiễm thuộc địa bàn quản lý. Trường hợp không phát hiện chất ÔNTL có hàm lượng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường

(QCKTMT) thì tiến hành công bố thông tin khu vực không bị ÔNTL. Trường hợp phát hiện chất gây ÔNTL có hàm lượng vượt QCKTMT thì tiến hành điều tra, đánh giá chi tiết theo quy định: Trường hợp khu vực bị ô nhiễm thuộc địa bàn 2 tỉnh, TP trở lên (liên tỉnh) thì báo cáo Bộ TN&MT. Kinh phí thực hiện điều tra, đánh giá sơ bộ được bố trí từ nguồn chi sự nghiệp môi trường. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/12/2016.

● Quy định mức thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học biến đổi gen

Ngày 11/11/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 225/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học biến đổi gen (ATSH BDG) đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi (TACN). Theo đó, mức thu phí thẩm định cấp giấy chứng nhận ATSH BDG là 120.000.000 đồng/lần thẩm định. Chậm nhất là ngày 5 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định cấp giấy chứng nhận ATSH BDG đủ điều kiện sử dụng làm thực phẩm, TACN do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán theo quy định của pháp luật. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2017.



Lai Châu tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Thời gian qua công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được các cấp, ngành, cộng đồng dân cư quan tâm tổ chức thực hiện. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường được tăng cường; ý thức, trách nhiệm BVMT trong xã hội được nâng lên; các công trình BVMT trong các dự án đầu tư đã được quan tâm. Tuy nhiên, công tác BVMT của tỉnh vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; nguy cơ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên, đất đai bị xói mòn, thoái hóa, suy giảm đa dạng sinh học (ĐDSH) nếu không được bảo vệ và quản lý chặt chẽ; cá biệt vẫn còn cơ sở chưa thực hiện thủ tục pháp lý về môi trường trước khi triển khai dự án tạo nguy cơ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và sự phát triển bền vững của tỉnh. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với ông Vũ Văn Lương - Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Lai Châu về việc tăng cường công tác BVMT trên địa bàn tỉnh thời gian qua.

★Lai Châu là một tỉnh có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, xin ông cho biết tình hình quản lý, BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản cũng như công tác cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ tại các mỏ đã được thực hiện như thế nào?

Ông Vũ Văn Lương: Trên địa bàn tỉnh Lai Châu có tổng số 68 mỏ, điểm mỏ khoáng sản, trong đó có 33 mỏ, điểm mỏ khoáng sản kim loại như: sắt, đồng, chì, kẽm molipden, đất hiếm, vàng..., những khoáng sản được đánh giá là có trữ lượng như đất hiếm, vật liệu xây dựng. Tuy được đánh giá là tỉnh đa dạng, phong phú về loại hình khoáng sản, tuy nhiên khoáng sản phân bố không tập trung thành mỏ lớn, loại hình cấu trúc phức tạp, chưa được thăm dò chi tiết (trừ đất hiếm mỏ Đông Pao và phần nông mỏ đất hiếm Nậm Xe), các khoáng sản còn lại mới dừng ở bước điều tra, khảo sát; mặt khác tỉnh có địa hình phức tạp, trên 60% diện tích có độ cao hơn 1.000 m nên khó khăn trong công tác khai thác và quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản.

Công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh tuân thủ đúng quy định, việc cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện đúng thẩm quyền, quy định. Hoạt động khoáng sản trên địa bàn chủ yếu là khai thác vật liệu xây dựng quy mô nhỏ phục vụ cho nhu cầu trong tỉnh.

Tính đến hết tháng 11/2016, trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 23 giấy phép hoạt động khoáng sản còn hiệu lực giấy phép, trong đó, Bộ TN&MT cấp 2 giấy phép (khai thác đất hiếm và khai thác đá phiến đen); UBND tỉnh cấp 21 giấy phép, trong đó (18 khai thác đá, 3 khai thác cát).



▲ Ông Vũ Văn Lương - Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Lai Châu

Các tổ chức được cấp phép cơ bản tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động khoáng sản; hoạt động khai thác trái phép được phát hiện và giải tỏa kịp thời, cơ bản không có tình trạng khai thác trái phép tập trung đông người.

Về công tác BVMT trong hoạt động khai thác khoáng sản: Tất cả các dự án khai thác khoáng sản đều có ĐTM hoặc kế hoạch BVMT và dự án cải tạo phục hồi môi trường được phê duyệt/xác nhận, trong đó xác định rõ khối lượng, phương pháp phục hồi môi trường sau khai thác. Các đơn vị này đa số đã có đầu tư các

công trình BVMT theo ĐTM, được kiểm tra và xác nhận hoàn thành công trình BVMT.

Để đảm bảo các doanh nghiệp sau khi kết thúc khai thác thực hiện nghiêm túc quy định về cải tạo, phục hồi môi trường, thực hiện ký quỹ, Chi cục BVMT đã mở tài khoản tạm gửi tại ngân hàng để tổ chức nhận ký quỹ (vì hiện tại tỉnh chưa thành lập Quỹ BVMT). Đến nay, tổng số tiền ký quỹ là 1.633.001.812 đồng.

★Có thể nói công trình thủy điện Lai Châu có những đóng góp to lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) tại địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực Tây Bắc, tuy nhiên cũng sẽ có những tác động nhất định đến môi trường. Vậy Sở TN&MT đã có kế hoạch gì để tham mưu lãnh đạo tỉnh về công tác quản lý và BVMT gắn với sinh kế người dân trong khu vực, thưa ông?

Ông Vũ Văn Lương: Công trình thủy điện Lai Châu là công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, công tác di dân, tái định cư dự án Thủy điện Lai Châu với 8 khu, 17 cụm, điểm là một trong những nhiệm vụ đặc biệt đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện; người dân tái định cư được cấp đất



ở, đất sản xuất, hỗ trợ lương thực, cải thiện sinh kế cho cộng đồng, xây dựng cơ sở hạ tầng điện, nước, đường, trường, trạm tại nơi tái định cư đồng bộ, đảm bảo nơi ở mới bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ, người dân hài lòng với cuộc sống mới.

Trong thời gian tới, để làm tốt công tác BVMT đối với các điểm tái định cư, Sở TN&MT tiếp tục chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền cấp huyện tổ chức tuyên truyền cho bà con từng bước bỏ thói quen canh tác cũ, hạn chế phá rừng làm nương rẫy, nuôi nhốt vật nuôi dưới gầm sàn; gắn vấn đề quản lý và BVMT của nhân dân với triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Chương trình đã giúp bà con nâng cao nhận thức về môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống, tiếp tục thực hiện tốt tiêu chí thứ 17 về môi trường trong xây dựng nông thôn mới (các hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt, tổ chức thu gom rác thải và đổ thải đúng nơi quy định, xây dựng chuồng trại cho chăn nuôi ngoài nhà sàn cách xa nguồn nước...).

Phối hợp với các cấp ngành tiếp tục tham mưu cho tỉnh quy hoạch đất cho vùng sản xuất cho bà con tại các khu, điểm tái định cư; tiếp tục tổ chức phát triển nghề rừng và thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng: Tổ chức thực hiện tốt các Chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc, nâng cao độ che phủ rừng, bảo vệ ĐDSH. Khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế liên doanh, liên kết với dân để phát triển rừng bằng nhiều hình thức linh hoạt như thuê đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của dân để trồng rừng nguyên liệu, chế biến lâm sản, cung ứng giống, chuyển giao kỹ thuật; Khoán, giao rừng, đất rừng cho cộng đồng dân cư bản địa.

★Thực hiện Luật ĐDSH năm 2008, Chiến lược bảo tồn ĐDSH đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, tỉnh đã có kế hoạch gì nhằm bảo tồn gắn với phát triển du lịch và phát triển kinh tế?

Ông Vũ Văn Lương: Sau khi Luật ĐDSH năm 2008 có hiệu lực thi hành, Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động ĐDSH của tỉnh Lai Châu đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 18/6/2010.

Thực hiện việc lồng ghép bảo tồn ĐDSH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch chính sách phát triển KT-XH của tỉnh theo định hướng phát triển bền vững: Kế hoạch



▲ Công trình thủy điện Lai Châu có vai trò quan trọng, trong cung cấp điện năng quốc gia và đảm bảo cải thiện sinh kế cho cộng đồng dân cư

Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) tỉnh Lai Châu, Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lai Châu năm 2011-2020; Chương trình, kế hoạch hành động Chiến lược Tăng trưởng xanh của tỉnh...

Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn nhằm tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng nhằm chia sẻ thông tin và chủ động tham gia của người dân vào việc bảo vệ ĐDSH và quản lý an toàn sinh học. Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức của cộng đồng thông qua Ngày ĐDSH 22/5, Ngày đất ngập nước quốc tế 2/2.

Khuyến khích các hoạt động trồng rừng theo tiêu chí phát triển bền vững, phù hợp với mục tiêu bảo tồn.

Trong thời gian tới, Sở TN&MT sẽ tiếp tục tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện điều tra cơ bản ĐDSH trên địa bàn toàn tỉnh làm cơ sở thực hiện xây dựng Quy hoạch Bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh nhằm gắn với phát triển du lịch và phát triển kinh tế, giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành tại địa phương.

★Thưa ông, trong quá trình triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT, địa phương có gặp khó khăn và đề xuất kiến nghị gì đối với các cơ quan chức năng?

Ông Vũ Văn Lương: Một trong những khó khăn về thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường ở địa phương, đó là nhiều văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, thiếu cụ thể, hướng dẫn thực hiện chưa kịp thời, thủ tục hành chính phức tạp gây khó khăn trong công tác triển khai thực hiện ở cơ sở. Năng lực thiết bị phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra còn yếu và thiếu, hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Việc phân công trách nhiệm, phân cấp quản lý còn nhiều vướng mắc, bất cập, cụ thể: phân cấp quản lý môi trường cho cấp huyện, xã chưa xem xét đến biên chế và năng lực cán bộ nên chưa đạt mục tiêu đề ra. Phân công công tác quản lý môi trường cho các ngành hiện nay (ngoài ngành TN&MT) còn quá nhiều chồng chéo, nhiều nội dung lại bỏ trống.

Kinh phí đầu tư cho công tác BVMT còn quá ít so với



yêu cầu thực tế, đặc biệt là các dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn, chưa đầu tư cho thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Trên cơ sở đó, xin đề xuất, kiến nghị một số nội dung sau:

Thứ nhất, trong quá trình triển khai thi hành Luật BVMT năm 2014 còn có sự không thống nhất trong quy định giữa Luật Đầu tư; Do có quy định khác biệt giữa hai Luật trên nên địa phương gặp khó khăn trong việc xác định thời điểm thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM đối với các dự án mà theo Luật Đầu tư phải có quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh. Đề nghị sớm có hướng dẫn cụ thể thời điểm phê duyệt ĐTM đối với các dự án mà theo Luật Đầu tư phải có quyết định chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (Tổ chức thẩm định, phê duyệt ĐTM trước hay sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư);

Thứ hai, hoàn thiện các quy định còn thiếu như: trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ đối với Xác nhận hoặc điều chỉnh xác nhận bảo đảm yêu cầu BVMT đối với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; lập kế hoạch và kiểm tra, xác nhận việc thu dọn lòng hồ trước khi tích nước của các dự án có hồ chứa; đền bù thiệt hại về môi trường; định mức kinh tế - kỹ thuật cho lập Quy hoạch bảo tồn ĐDSH, quy hoạch BVMT, báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh 5 năm....

Thứ ba, cần sớm xem xét điều chỉnh các quy định về phân công, phân cấp trong công tác quản lý môi trường tránh chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ đặc biệt trong quy định chức năng, nhiệm vụ về quản lý quản lý ĐDSH ở cấp tỉnh giữa Sở TN&MT với Sở NN&PNTN.

Thứ tư, bổ sung chức năng thanh tra môi trường thuộc Chi cục BVMT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

Thứ năm, tăng cường tập huấn đào tạo, đào tạo lại cán bộ phụ trách công tác môi trường ở cấp xã.

Thứ sáu, tăng cường kinh phí cho hoạt động BVMT trong đó tập trung điều tra cơ bản như điều tra các nguồn thải vào môi trường nước, điều tra đa dạng sinh học, tăng cường trang thiết bị cho các trung tâm quan trắc môi trường ở địa phương.

***Cảm ơn ông đã trả lời phỏng vấn.**

PHẠM TUYẾN - ĐÌNH HƯƠNG
(Thực hiện)

Công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

NGUYỄN THÀNH TÂM

Phó Chi cục trưởng - Chi cục BVMT tỉnh Tiền Giang



▲ KCN Tân Hương, tỉnh Tiền Giang

Thực hiện Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT của Bộ TN&MT về BVMT khu kinh tế, khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất, khu công nghệ cao, thời gian qua, công tác BVMT tại các KCN đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo quyết liệt cùng sự phối hợp của các Sở, ngành và địa phương nên đạt được những kết quả tích cực.

Hiện nay, tỉnh Tiền Giang có 7 KCN, trong đó 3 KCN đã đi vào hoạt động bao gồm: Mỹ Tho (diện tích 79,14 ha, với 27 doanh

nh nghiệp (DN)); Tân Hương (diện tích 197,33 ha, 26 dự án); Long Giang (diện tích 540 ha, 23 dự án). Phần lớn các DN thứ cấp tại KCN đều đấu nối nước thải với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN (trừ một số trường hợp được miễn trừ đấu nối theo quy định), theo tiêu chuẩn đấu nối nội bộ. Đồng thời, 3 KCN này đều có hệ thống xử lý nước thải tập trung (Mỹ Tho công suất hệ thống xử lý nước thải là 3.500 m³/ngày, đêm; Tân Hương 4.500 m³/ngày, đêm; Long Giang 5.000 m³/ngày, đêm).

Mặt khác, việc thực hiện các quy định về xử lý khí thải, chất thải rắn được



hầu hết các DN nghiêm túc chấp hành. Đa số các DN trong KCN đã có biện pháp phân loại và lưu giữ tạm thời trước khi thu gom, xử lý. Một số KCN (Tân Hương, Long Giang) đã tổ chức thu gom chất thải tập trung và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý. Ngoài ra, các DN đã đăng ký nguồn thải nguy hại, bố trí khu vực lưu chứa, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý... và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Theo báo cáo kết quả giám sát môi trường do chủ đầu tư hạ tầng các KCN thực hiện, phần lớn các chỉ tiêu giám sát đều nằm trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo quy định và diễn biến chất lượng môi trường qua các đợt giám sát ổn định.

Tuy nhiên, công tác BVMT tại các KCN cũng có những hạn chế nhất định: Hoạt động giám sát chất lượng nước thải và xả thải của các DN thứ cấp chưa được chủ đầu tư hạ tầng KCN quan tâm đúng mức; còn một số DN phát sinh khí thải hay mùi hôi, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh; chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cụ thể đối với loại hình sản xuất thức ăn thủy sản, bột cá; một số DN chưa thực hiện nghiêm chỉnh việc phân loại chất thải tại nguồn phát sinh, giám sát khối lượng chất thải phát sinh, lưu giữ các chứng từ chuyển giao chất thải...

Để đảm bảo hiệu quả công tác BVMT KCN, trong thời gian tới, tỉnh sẽ thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, phát huy vai trò của chủ đầu tư hạ tầng KCN trong việc kiểm soát các vấn đề môi trường thuộc thẩm quyền quản lý, đặc biệt là việc giám sát và kiểm soát các nguồn phát sinh và xử lý chất thải; thực hiện đầy đủ

các cam kết về BVMT trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN.

Thứ hai, đẩy nhanh tiến độ đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục của các chủ đầu tư hạ tầng KCN Mỹ Tho, Tân Hương; đầu tư, lắp đặt thiết bị tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động từ để kiểm soát, giám sát liên tục việc xả thải của các chủ đầu tư hạ tầng KCN.

Thứ ba, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường cho các DN trong KCN để giúp các DN ý thức rõ và đầy đủ trách nhiệm đối với vấn đề BVMT trong và ngoài KCN. Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội trong việc tư vấn, phản biện, giám sát thực hiện chính sách pháp luật về BVMT trong KCN. Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với DN trong KCN và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT đối với các DN cố tình vi phạm.

Thứ tư, tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng tại

các KCN: Việc tiếp nhận các dự án đầu tư cần đảm bảo thống nhất quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt nhằm đảm bảo tính pháp lý và khoa học trong việc phân khu sản xuất để kiểm soát các vấn đề môi trường phát sinh trong hoạt động.

Thứ năm, thu hút đầu tư vào KCN theo hướng ưu tiên những ngành công nghiệp sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo cơ cấu ngành nghề phù hợp với khả năng và thực tế giải quyết ô nhiễm của KCN.

Thứ sáu, có cơ chế, chính sách khuyến khích DN thực hiện sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng trong KCN, nghiên cứu phát triển mô hình sản xuất thân thiện với môi trường.

Thứ bảy, các cơ quan Trung ương tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành Luật BVMT đối với KCN, đặc biệt là việc ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đặc thù theo ngành nghề sản xuất (sản xuất thức ăn thủy sản, bột cá...)■



▲ Công tác BVMT tại các KCN trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã có chuyển biến tích cực



Triển khai công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

LÊ PHƯƠNG LINH

Thành ủy Việt Trì

Tỉnh ủy Phú Thọ vừa ban hành Nghị quyết số 23 -NQ/TU về tăng cường công tác BVMT, trong đó nhấn mạnh BVMT là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển; phát triển kinh tế - xã hội gắn kết với việc coi trọng và thực hiện tốt công tác BVMT, đảm bảo phát triển bền vững; thu hút đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu về BVMT; không cho phép đầu tư vào các loại hình sản xuất, sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT); từng bước hoàn thiện quy trình xử lý, phục hồi môi trường theo quy chuẩn.

Theo đó, đến năm 2020, tỉnh phấn đấu 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch, hoặc trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường; 100% cụm công nghiệp xây dựng mới phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn theo quy định của Luật BVMT; Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom, xử lý đạt 100%, khu dân cư tập trung ở nông thôn đạt 65%; 100% chất thải rắn và chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn.

CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ MỘT SỐ TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC BVMT

Trong thời gian qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị của tỉnh Phú Thọ đã vận dụng, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý tài nguyên, BVMT, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và bước đầu đã đạt được một số kết quả quan trọng. Nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và người dân về BVMT được nâng lên rõ rệt; công tác quản lý nhà nước có sự chuyển biến tích cực và phát huy hiệu lực, hiệu quả; công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường; việc thẩm định, đánh giá tác động môi trường được chú trọng; cơ bản đã giải quyết các điểm nóng về môi trường; từng bước cải tạo, phục hồi khu vực ô nhiễm, công

tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), được quan tâm, giữ vững độ che phủ rừng... Qua đó, tạo bước chuyển biến trong quản lý, sử dụng và bảo vệ tài nguyên theo hướng hợp lý và hiệu quả, chủ động ứng phó với BĐKH, bảo đảm chất lượng môi trường, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, ÔNMT vẫn tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng; tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững; công tác ứng phó với BĐKH còn bị động, thiếu giải pháp đồng bộ; việc thu gom xử lý chất thải, nước thải trong các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, vệ sinh môi trường ở nông thôn và làng nghề còn bất cập; việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt hạn chế; việc xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại chưa triệt để; tình trạng ÔNMT trong chăn nuôi chưa

được giải quyết tốt; trang thiết bị phục vụ cho công tác giám sát, quản lý môi trường còn thiếu, chưa đồng bộ...

Nguyên nhân của những tồn tại trên là do nhận thức, ý thức và trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người dân về BVMT, ứng phó với BĐKH, chưa đầy đủ, chưa xác định đây là một nhiệm vụ quan trọng gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Một số cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa sát với thực tế, tính khả thi thấp; công tác quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện chưa thực sự chủ động, sự phối hợp còn thiếu chặt chẽ; nguồn lực đầu tư hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu, thiếu các cơ chế hiệu quả để thu hút đầu tư; các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát áp dụng chưa triệt để; hiệu lực, hiệu quả trong kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm chưa cao; chưa thực hiện được nhiều chủ trương xã hội hóa trong quá trình triển khai thực hiện.



▲ Bảo tồn những giá trị ĐDSH của VQG Xuân Sơn



▲ Tuổi trẻ huyện Hạ Hòa chung tay xây dựng nông thôn mới

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BVMT

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền: Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội... tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của công tác BVMT. Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên phối hợp, phản biện, giám sát hoạt động BVMT; phát huy vai trò của báo chí trong công tác BVMT. Đồng thời, xây dựng tiêu chí môi trường trong quá trình bình xét thi đua; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến; tổ chức tuyên dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong BVMT và có biện pháp xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về BVMT.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT: Ra soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý môi trường, ưu tiên cấp huyện, xã và cơ quan quản lý có liên quan. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm pháp luật về BVMT; kiểm soát chặt chẽ môi trường của các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất có nguồn thải, công suất xả thải lớn, nguy cơ gây ô nhiễm cao. Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp BVMT; sửa đổi, bổ sung các quy định về BVMT theo hướng ngăn chặn các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ cao gây ÔNMT.

Khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường; bảo vệ và khai thác hợp lý, sử dụng

tiết kiệm, hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên: Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các dự án đầu tư phải có kế hoạch sử dụng đất được chấp thuận, phải đầu tư công trình, biện pháp BVMT để kiểm tra trước khi đưa vào hoạt động chính thức; nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong nông nghiệp, cần tăng cường áp dụng các biện pháp canh tác đảm bảo cân bằng sinh thái, chống rửa trôi, xói mòn, nâng cao chất lượng đất, giảm thoái hóa đất; Thực hiện quy hoạch, chiến lược về khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên khoáng sản; các dự án khai thác khoáng sản phải được thẩm định đánh giá tác động môi trường, lập phương án cải tạo và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định; Tổ chức lập và triển khai thực hiện quy hoạch, khai thác và sử dụng tài nguyên nước; kiểm soát các nguồn thải xả vào nguồn nước; xây dựng các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước.

Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH: Khẩn trương hoàn thiện và triển khai thực hiện “Quy hoạch Bảo tồn ĐDSH tỉnh Phú Thọ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, làm cơ sở thực hiện các biện pháp bảo tồn ĐDSH trên địa bàn; Tăng cường các biện pháp bảo vệ rừng đặc dụng, giữ gìn các khu bảo tồn thiên nhiên như VQG Xuân Sơn, Khu Di tích lịch sử Đền Hùng; Thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng rừng phòng hộ, tăng diện tích rừng trồng phát huy hiệu quả kinh tế, góp phần BVMT và cân bằng sinh thái; Chủ động bảo vệ ĐDSH, bảo tồn các loài, giống gen quý; kiểm soát chặt chẽ việc săn bắn, buôn bán các động

vật quý hiếm, loại bỏ phương thức khai thác hủy diệt và tăng cường kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại.

Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh xã hội hóa công tác quản lý tài nguyên, BVMT, chủ động ứng phó với BĐKH: Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích cá nhân, tổ chức và cộng đồng tham gia BVMT; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải và các dịch vụ khác về BVMT. Đồng thời, không để phát sinh cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng; có giải pháp xử lý triệt để các cơ sở, nhà máy, khu, cụm công nghiệp gây ÔNMT nghiêm trọng như Công ty Cổ phần Giấy Lửa Việt; bãi chôn lấp rác thải huyện Đoan Hùng, Yên Lập; Bệnh viện Đa khoa các huyện Yên Lập, Tân Sơn, Thanh Ba, Tam Nông...

Áp dụng các biện pháp kinh tế trong BVMT: Thực hiện các biện pháp thu phí BVMT đối với nước thải, phí BVMT trong khai thác khoáng sản, thuế môi trường, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản... đảm bảo đúng, đầy đủ nội dung và đối tượng quy định. Xây dựng và tổ chức thu phí thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo cơ chế giá dịch vụ do Nhà nước quy định. Thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền khắc phục hậu quả”, “tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho BVMT”. Đồng thời, Nhà nước có chính sách, cơ chế hỗ trợ về vốn, khuyến khích về thuế, trợ giá đối với hoạt động BVMT■



Điện Biên: Chủ động phối hợp đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân về BVMT từng bước được nâng cao... Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) nguy cơ ô nhiễm môi trường đang là một trong những thách thức đối với địa phương, để hiểu rõ về vấn đề này, Tạp chí Môi trường đã có cuộc trao đổi với Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Điện Biên Phan Hiền.



▲ Ông Phan Hiền
Phó Giám đốc - Sở TN&MT
tỉnh Điện Biên

***Xin ông cho biết tình hình thực hiện công tác BVMT trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua?**

Ông Phan Hiền: Thời gian qua, công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND luôn quan tâm, chú trọng. Nhiều văn bản, chính sách pháp luật về BVMT được tỉnh ban hành như: Quyết định số 2278/QĐ- UBND về phê duyệt dự án Quy hoạch BVMT tỉnh Điện Biên đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 632/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hành động chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT đến năm 2020... Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng chỉ đạo Sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn thi hành Luật BVMT năm 2014 đến cán bộ, lãnh đạo các Sở, ban, ngành, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh; Thực hiện chuẩn hóa 24 thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường.

Cùng với đó, Sở TN&MT tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) bổ sung cho 107 dự án, 10 đề án BVMT chi tiết; 27 dự án cải tạo phục hồi môi trường; Thẩm định, phê duyệt 18 bản

đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, cấp 117 sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm cũng được tăng cường, năm 2016, Sở TN&MT phối hợp cùng Thanh tra Bộ TN&MT, Tổng cục Môi trường, Phòng Cảnh sát môi trường - Công an tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra 170 cơ sở, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn; lập biên bản nhắc nhở và yêu cầu các đơn vị hoàn thiện, khắc phục các nội dung sai phạm; Lập biên bản xử phạt hành chính 72 cơ sở, với tổng số tiền 729.750 nghìn đồng.

Ngoài ra, tỉnh từng bước thực hiện xử lý đối với 4 cơ sở gây ô nhiễm môi trường (ÔNMT) nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó 2 cơ sở đã hoàn thành công tác xử lý (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên và Bệnh viện Y học cổ

truyền); 2 cơ sở còn lại (Bãi rác Noong Bua và hệ thống xử lý nước thải TP. Điện Biên phủ) đang triển khai các biện pháp xử lý ÔNMT triệt để. Các chỉ tiêu môi trường được cải thiện: Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch ở đô thị đạt 88%; tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 70%; hạn chế phát sinh các nguồn gây ô nhiễm mới; Công tác quản lý đa dạng sinh học đã đạt được những kết quả bước đầu. Từ đó, nhận thức về công tác BVMT của các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp và tầng lớp nhân dân được cải thiện.

***Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, vậy tỉnh đã có kế hoạch triển khai Chỉ thị của Thủ tướng trong thời gian tới, thưa ông?**

Ông Phan Hiền: Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg, UBND tỉnh đã ban hành công văn số 2847/UBND-KTN, ngày 19/9/2006 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm và BVMT trên địa bàn tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh đã yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, TP tăng cường công tác tuyên truyền Luật BVMT năm 2014, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 2/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT; Chiến lược BVMT quốc gia đến



▲ Lãnh đạo tỉnh Điện Biên và các đoàn viên thanh niên trồng cây hưởng ứng Chiến dịch "Làm cho thế giới sạch hơn"

năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030... Vận động nhân dân tham gia BVMT, phân loại rác tại nguồn và thu gom rác thải. Chủ động phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ BVMT, từ khâu xét duyệt, thẩm định đến triển khai thực hiện và vận hành dự án. Chủ tịch UBND các cấp chịu trách nhiệm toàn diện về các vấn đề môi trường trên địa bàn.

Đồng thời, UBND tỉnh giao Sở TN&MT chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về BVMT; Rà soát nâng cao chất lượng thẩm định và phê duyệt ĐTM, xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường đối với các dự án ngay từ giai đoạn thi công xây dựng; Tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xả thải, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại; Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng hoạch thanh tra môi trường, đảm bảo không chồng chéo, không gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tỉnh cần tập trung hoàn thành xử lý triệt để cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng; yêu cầu

cụm công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, các đối tượng có quy mô xả thải lớn lắp đặt các thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật và truyền số liệu trực tiếp về Sở TN&MT; Tổ chức quản lý, giám sát việc đăng ký và thực hiện thu gom, xử lý chất thải nguy hại đối với các chủ nguồn thải; Triển khai thực hiện việc nâng cao năng lực quan trắc và phân tích môi trường; xây dựng kế hoạch trang bị các phương tiện, thiết bị quan trắc, phân tích môi trường cho Trung tâm quan trắc TN&MT.

Đẩy mạnh xây dựng các mô hình xử lý chất thải hợp vệ sinh có quy mô phù hợp; Thành lập các tổ, đội vệ sinh tự quản tiến tới thành lập các hợp tác xã dịch vụ môi trường xử lý rác thải khu vực công cộng, cụm dân cư tập trung, các khu chợ; Xây dựng các lực lượng viên BVMT cấp xã; Tổ chức vận động dân dân xây dựng

hương ước, cam kết BVMT trong cộng đồng dân cư, đẩy mạnh xã hội hóa về BVMT; Nhân rộng mô hình điểm, tiên tiến về BVMT.

★ Là địa phương có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, vậy tỉnh đã triển khai những biện pháp gì để sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, thưa ông?

Ông Phan Hiền: Hiện trên địa bàn tỉnh có 38 điểm mỏ hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó: nhóm khoáng sản làm nguyên liệu xi măng có 2 điểm mỏ, với tổng trữ lượng đá vôi 12.785.000m³; nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có 27 điểm mỏ, tổng trữ lượng đá 41.892.699m³, cát: 303.699m³; nhóm khoáng sản nhiên liệu có 5 điểm mỏ, với tổng trữ lượng 613.616 tấn; khoáng sản kim loại 3 điểm mỏ, trữ lượng chì, kẽm 2.102.076 tấn; khoáng sản quý 1 điểm mỏ (vàng có trữ lượng 192,5 kg, bạc 809,1 kg). Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 2 điểm nước nóng và nước khoáng đang hoạt động khai thác, sử dụng: Pe Luông, xã Thanh Luông và U Va, xã Noong Luông (huyện Điện Biên). Bên cạnh những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của địa phương, công tác quản lý khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh những năm qua còn một số hạn chế, môi trường bị xâm hại nghiêm trọng. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác khoáng sản, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch thăm dò khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản



trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2015 có xét đến năm 2020; thực hiện khoanh định khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh. Trong quá trình cấp phép khai thác, đã yêu cầu các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường; kiên quyết không phê duyệt những dự án có công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường, dự án thuộc danh mục cấm hoặc hạn chế chuyển giao công nghệ triển khai trên địa bàn tỉnh.

★Để công tác BVMT địa phương đạt hiệu quả, Sở TN&MT tỉnh có những đề xuất kiến nghị gì, thưa ông?

Ông Phan Hiền: Mặc dù, bộ máy về quản lý môi trường ở cấp tỉnh đã được kiện toàn, song cán bộ trẻ kinh nghiệm còn nhiều hạn chế, cán bộ môi trường cấp huyện còn kiêm nhiệm, cán bộ được đào tạo chuyên ngành môi trường còn ít; nhận thức về tầm quan trọng của công tác BVMT trong các cấp ngành và cộng đồng dân cư chưa đồng bộ; trang thiết bị quan trắc và phân tích môi trường chưa được đầu tư đầy đủ; đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn lực đối với công tác thu gom

xử lý rác thải, nước thải còn nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc xử lý chất thải nguy hại còn nhiều hạn chế, đặc biệt là cấp phép xử lý chất thải nguy hại khó thực hiện do chưa có cơ sở xử lý đạt yêu cầu. Ngoài ra, tình trạng phá rừng do di dân tự do ngày càng tăng; Tỷ lệ che phủ rừng giảm mạnh xuống còn 38,5%, nguy cơ sa mạc hóa của tỉnh ngày càng cao.

Để nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý nhà nước về BVMT, kiến nghị Bộ TN&MT nghiên cứu hoàn thiện các văn bản, chính sách BVMT, cụ thể: Khung hướng dẫn về trình tự thực hiện đối với các dự án sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường; Thông tư hướng

dẫn triển khai Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/06/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đa dạng sinh học; Định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường nước thải.

Đối với công tác quản lý chất thải nguy hại, cần xem xét việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn nguy hại theo vùng. Ngoài ra, Quỹ BVMT Việt Nam nên tạo điều kiện hỗ trợ, cho vay lãi xuất ưu đãi đối với các dự án đầu tư xây dựng bãi chôn lấp; Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

★Xin cảm ơn ông!

CHÂU LOAN
(Thực hiện)



▲ Nhà máy xi măng Điện Biên



Kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực BVMT (Nghị quyết số 35/NQ-CP), công tác BVMT của tỉnh Thanh Hóa đã có những chuyển biến tích cực. Theo đó, nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về BVMT được nâng lên; các phong trào BVMT ngày càng thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện Luật BVMT và xử lý các vi phạm được coi trọng; các điểm ô nhiễm môi trường (ÔNMT) nghiêm trọng được quan tâm chỉ đạo xử lý; công tác bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) đạt kết quả tích cực...

1. MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 35/NQ-CP

Sau khi Nghị quyết số 35/NQ-CP được ban hành, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch hành động với mục tiêu ngăn ngừa, hạn chế, khắc phục ÔNMT; Phục hồi và từng bước nâng cao chất lượng môi trường kết hợp chặt chẽ hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và BVMT; Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về BVMT của chính quyền các cấp và nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác BVMT. Đến nay, sau 3 năm thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, công tác BVMT của tỉnh Thanh Hóa đã đạt được một số kết quả tích cực.

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 1 Khu kinh tế (KKT Nghi Sơn), 5 KCN (Lễ Môn, Bim Sơn, Đình Hương - Tây Bắc Ga, Lam Sơn - Sao Vàng và Hoàng Long), 57 CCN và hơn 160 làng nghề và làng có nghề. Đến nay, mới có KCN Lễ Môn có hệ thống XLNT tập trung và đi vào vận hành từ năm 2010; KCN Tây Bắc Ga đã được đầu tư hệ thống XLNT tập trung nhưng chưa được xây dựng hoàn chỉnh; còn lại các KCN chưa được đầu tư xây dựng công trình XLNT tập trung. Tại các KCN, đều chưa có khu vực thu gom chất thải rắn (CTR) tập trung; CTR sản xuất và sinh hoạt của các cơ sở, doanh nghiệp được các đơn vị tự thu gom, xử lý sơ bộ hoặc hợp đồng với các đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

Qua kiểm tra công tác BVMT tại các đơn vị đang hoạt động trong các KCN, CCN, làng nghề cho thấy, hầu hết các cơ sở, doanh nghiệp mới dừng lại ở việc chấp hành lập các hồ sơ về môi trường theo quy định như: Báo cáo ĐTM, đề án BVMT, cam kết BVMT, kế hoạch BVMT... Tuy nhiên, việc xây dựng các

công trình xử lý chất thải theo cam kết trong hồ sơ về môi trường đã được phê duyệt và xác nhận mới đạt khoảng 30%; phần còn lại chưa đầu tư xây dựng đồng bộ hoặc có xây dựng nhưng không đúng tiêu chuẩn, kích thước, không vận hành thường xuyên, chất thải chưa được thu gom và xử lý triệt để hoặc thải trực tiếp ra môi trường.

Để ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT, hàng năm, UBND tỉnh giao cho Sở TN&MT xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ sở, doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh nhằm phát hiện, xử lý và kiến nghị xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT. Trong 3 năm thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, Sở TN&MT đã phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện tiến hành trên 730 lượt kiểm tra tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT đối với 108 cơ sở với tổng số tiền phạt là 3.486.300.000 đồng.

Bên cạnh đó, Sở TN&MT đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện Luật BVMT đối với 348 mỏ khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn. Tham mưu

cho UBND tỉnh yêu cầu tạm dừng khai thác 22 mỏ khai thác; cấp phép thăm dò trữ lượng 109 mỏ khai thác và cấp phép khai thác đối với 240 mỏ. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các ngành, địa phương liên quan trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản.

Tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), xác nhận bản cam kết BVMT, đề án BVMT

Từ năm 2014 đến nay, Sở TN&MT đã tổ chức 414 Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM và phương án cải tạo phục hồi môi trường; xác nhận đăng ký 27 kế hoạch BVMT; kiểm tra 56 đề án BVMT chi tiết; xác nhận việc đã hoàn thành các công trình, biện pháp BVMT phục vụ giai đoạn vận hành cho 10 dự án. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thẩm định, xác nhận 315 bản cam kết BVMT và đề án BVMT theo thẩm quyền.

Công tác thẩm định báo cáo ĐTM, đề án BVMT và xác nhận bản cam kết BVMT, kế



hoạch BVMT được tổ chức chặt chẽ, đúng quy định, các báo cáo ĐTM, đề án BVMT, bản cam kết BVMT, kế hoạch BVMT sau khi được phê duyệt, xác nhận đã trở thành căn cứ pháp lý quan trọng để các chủ dự án, chủ cơ sở có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện công tác BVMT; đồng thời, cũng đã có tác dụng rất lớn trong việc nâng cao ý thức và trách nhiệm BVMT của các chủ dự án, chủ doanh nghiệp.

Khắc phục, cải thiện môi trường nông thôn, làng nghề

Thực hiện việc lồng ghép các nhiệm vụ về BVMT trong chương trình xây dựng nông thôn mới, đến nay, toàn tỉnh đã có 117 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 19/19 tiêu chí, trong đó có tiêu chí môi trường. Toàn tỉnh đã đầu tư xây mới và nâng cấp 4.891 km đường giao thông nông thôn các loại; 1.330 km kênh mương nội đồng; CTR nông nghiệp (bao bì hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV), phân bón, chất thải chăn nuôi...) được thu gom và xử lý đúng theo quy định.

Bên cạnh đó, các Sở, ban ngành đã phối hợp với các ngành, đoàn thể thực hiện các chương trình, dự án nhằm tăng cường công tác cải thiện, khắc phục môi trường nông thôn, làng nghề, cụ thể: Sở NN&PTNT thực hiện dự án Chương trình khí sinh học cho ngành chăn nuôi; Thực hiện đề án Chăn nuôi trên đệm lót, không có chất thải của Hội làm vườn và trang trại Thanh Hóa...; Sở TN&MT đã phối hợp với 15 ngành, đoàn thể trong chương trình phối hợp hành động BVMT phục vụ phát triển bền vững; đồng thời đã chủ động, tích cực phối hợp với ngành chức năng của huyện, thị xã, thành phố tham gia giám sát và giải quyết các vấn đề bức xúc ÔNMT trên địa bàn.

Kiểm soát việc nhập khẩu phế liệu và quản lý CTR

Trong thời gian qua, Sở TN&MT đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra quản lý chất thải nguy hại (CTNH) tại các đơn vị sản xuất, kinh doanh có phát sinh CTNH; hướng dẫn các cơ sở thực hiện việc đăng ký chủ nguồn thải CTNH theo quy định. Từ năm 2014 đến nay, Sở TN&MT đã cấp được 70 sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, các đơn vị sau khi được cấp sổ đã quản lý CTNH theo đúng quy định như:

phân loại, thu gom và chuyển giao CTNH cho những đơn vị có đủ năng lực, đủ giấy phép để vận chuyển xử lý theo quy định. Đồng thời, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho 8 đơn vị. Các loại phế liệu nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu sản xuất bột giấy và xi măng (giấy lẻ phế liệu, xỉ sắt, thạch cao). Qua kết quả kiểm tra tại các đơn vị cho thấy, các đơn vị đều chấp hành đúng các quy định trong việc nhập khẩu phế liệu, không nhập các loại phế liệu có lẫn các tạp chất nguy hại, vật liệu, vật phẩm, hàng hóa cấm nhập khẩu theo quy định; xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu.

Nhằm nâng cao năng lực thu gom, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, ngày 24/10/2007, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt phương án hỗ trợ đầu tư bãi chứa và chôn lấp rác thải các thị trấn thuộc các huyện, phục vụ phát triển bền vững. Đến nay, UBND tỉnh, UBND các huyện và UBND các xã đã hỗ trợ các địa phương triển khai các dự án đầu tư khu xử lý CTR sinh hoạt và lắp đặt lò đốt rác thải

sinh hoạt, đến nay đã có 22 dự án hoàn thành.

Xác định các khu vực bị ÔNMT nghiêm trọng và xây dựng lộ trình xử lý

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 9/11 cơ sở nằm trong danh sách hoàn thành các công trình xử lý môi trường và đã được rút khỏi danh sách của Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg; còn lại 2/11 đơn vị đang đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, dự kiến đến hết Quý I/2017 sẽ hoàn thành các công trình xử lý chất thải.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 83 cơ sở đã được đưa vào danh mục cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng, bao gồm 23 bệnh viện và cơ sở y tế, 43 điểm tồn lưu hóa chất BVTV, 6 bãi rác, 9 làng nghề, 1 khu vực hồ, 1 kho xăng, trong đó có 16 bệnh viện đã hoàn thành việc xử lý triệt để ô nhiễm và được rút khỏi danh mục các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng; 5 điểm tồn lưu hóa chất BVTV, 1 bãi rác đã hoàn thành việc xử lý triệt để ô nhiễm và được rút khỏi danh mục các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng; 6 điểm tồn lưu hóa chất BVTV,



▲ Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác BVMT tại các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong KKT Nghi Sơn



2 bệnh viện đang triển khai thực hiện các dự án xử lý triệt để ÔNMT nghiêm trọng. Còn lại 54 cơ sở đang áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và tiến hành lập dự án xử lý triệt để ô nhiễm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

Bảo vệ ĐDSH

Trong những năm qua, với sự nỗ lực quyết tâm của các cấp và ngành nông nghiệp, tỷ lệ che phủ rừng đã được nâng lên từ 49% vào năm 2010 lên 52,8% vào năm 2015. Tuy nhiên, rừng Thanh Hóa chủ yếu là rừng trồng và rừng nghèo, tính ĐDSH không cao dẫn đến các loài bị suy giảm nghiêm trọng. Đặc biệt là loài voọc mông trắng (loài động vật có mức báo động nguy cấp toàn cầu) đang suy giảm về cấu trúc quần thể cũng như về số lượng. Một số loài thực vật quý hiếm và đặc hữu đang bị suy giảm như sa mu và pơ mu ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, loài lim xanh ở Vườn quốc gia Bến En, loài chè lá mỏng ở Hối Xuân, Quan Hóa. Để ngăn chặn tình trạng trên, tỉnh đã thực hiện xong dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu về ĐDSH và an toàn sinh học” làm cơ sở cho công tác bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh; Dự án trồng rừng ngập mặn ven biển để giảm nhẹ tác động của BĐKH và nước biển dâng tới vùng ven biển; Lập Quy hoạch bảo tồn ĐDSH trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG THỜI GIAN TỚI

Nhằm triển khai có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 35/NQ-CP trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Thanh Hóa đã xác định các giải pháp ưu tiên thực hiện trong thời gian tới.

BVMT khu vực đô thị và nông thôn

Đối với khu đô thị: Tổ chức thực hiện các dự án xây dựng hệ thống thoát nước và XLNT tập trung; Thực hiện đầu tư xây dựng các khu xử lý CTR tập trung theo quy hoạch quản lý CTR đến năm 2025 đã được duyệt; Lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch di dời các cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng nằm xen kẽ trong khu đô thị, khu dân cư tập

trung vào các KCN, CCN, làng nghề...

Đối với khu vực nông thôn: Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc BVTV và phân bón hóa học, chất bảo quản nông sản, thức ăn và thuốc phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; Tiếp tục hỗ trợ xây dựng các công trình cấp nước tập trung cho khu vực nông thôn, ưu tiên cho những khu vực có chất lượng nước dưới đất kém hoặc nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng; Xây dựng và vận hành các khu xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn đảm bảo yêu cầu về môi trường; Xử lý triệt để các điểm tồn lưu hóa chất BVTV; Xây dựng và nhân rộng các mô hình phân loại và xử lý chất thải tại nguồn...

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát BVMT tại các KKT, KCN, CCN: Xây dựng và đưa vào vận hành công trình XLNT tập trung, đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong KKT Nghi Sơn và các KCN, CCN, làng nghề, đảm bảo việc xử lý và thoát nước thải theo đúng quy định. Bên cạnh đó, đưa công nghệ mới, tiên tiến thân thiện với môi trường vào các làng nghề; thành lập các tổ chức tự quản về BVMT trong các làng nghề và ban hành các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ BVMT, đóng góp thuế, phí, tài chính cho việc xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường; xây dựng và triển khai Đề án BVMT làng nghề...

BVMT khu vực khai thác khoáng sản (KTKS): Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định về ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường và phí BVMT đối với hoạt động KTKS, đảm

bảo số kinh phí thực hiện ký quỹ phải đủ để phục hồi và cải tạo môi trường sau khai thác; giám sát thường xuyên công tác BVMT tại các khu vực KTKS.

BVMT 4 hệ thống sông Mã, sông Chu, sông Hoạt, sông Yên: Đánh giá khả năng sức chịu tải của 4 hệ thống sông (sông Mã, sông Chu, sông Yên, sông Hoạt) để làm cơ sở cho việc cấp phép xả nước thải vào nguồn nước; Rà soát, thống kê và tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành công tác BVMT tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải dọc theo các hệ thống sông lớn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo xử lý cơ bản tình trạng gây ÔNMT tại các cơ sở sản xuất ven sông; Kiểm soát các hoạt động đổ thải, san lấp mặt bằng lấn chiếm dòng chảy các sông...

Bảo tồn ĐDSH, ứng phó với BĐKH và giảm phát thải khí nhà kính: Tăng cường công tác bảo vệ phát triển rừng, đẩy nhanh tốc độ trồng rừng tập trung và phân tán, nâng cao chất lượng và tỷ lệ độ che phủ trên toàn tỉnh; bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm trên địa bàn tỉnh; Tăng cường công tác bảo vệ các Khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, Pù Hu, Pù Luông, Vườn Quốc gia Bến En... Mặt khác, giảm phát thải khí nhà kính ở tất cả các lĩnh vực, đặc biệt ở các lĩnh vực giao thông, công nghiệp, nông nghiệp và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Lồng ghép nội dung và mục tiêu về tăng trưởng xanh trong các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển của các ngành nhằm sử dụng tài nguyên một cách tiết kiệm có hiệu quả và kiểm soát ÔNMT■

ĐỖ LÊ THỊ MINH



Nâng cao hiệu quả theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường

ThS. ĐOÀN THỊ THANH MỸ

Bộ TN&MT

ThS. LÊ MINH ÁNH

Tổng cục Môi trường

Pháp luật chỉ có thể phát huy được vai trò trong quản lý nhà nước và xã hội khi được thi hành một cách đầy đủ và nghiêm minh. Thời gian qua, mặc dù các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhiều và ngày càng hoàn thiện nhưng công tác theo dõi thực thi, áp dụng pháp luật còn chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức.

BVMT là lĩnh vực mang tính đa ngành, đa lĩnh vực, liên quan nhiều đến người dân và doanh nghiệp. Do vậy, việc đánh giá, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về BVMT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về BVMT, góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Cũng giống như các ngành luật khác, theo dõi thi hành pháp luật về BVMT là hoạt động mới, nội dung, yêu cầu theo dõi rộng và phức tạp. Tuy vậy, nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác đánh giá, theo dõi thi hành pháp luật nhiều nơi vẫn chưa đầy đủ và quan tâm đúng mức, hoạt động phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác đánh giá, theo dõi thi hành pháp luật về BVMT vẫn chưa chặt chẽ. Các hình thức đánh giá, theo dõi thi hành pháp luật còn đơn điệu, chủ yếu thông qua các hoạt động kiểm tra và thu thập thông tin từ báo cáo của các cơ quan, đơn vị. Việc tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật từ các phương tiện truyền thông đại chúng chưa thường xuyên, chậm được thực hiện, hoặc nếu được triển khai thực hiện thì chủ yếu là tiếp



▲ Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT tại Vĩnh Long

nhận và kiến nghị xử lý.

Thời gian vừa qua, đã có những hoạt động, nhiệm vụ có nội dung liên quan đến việc theo dõi, đánh giá việc thi hành pháp luật về BVMT. Trong số đó có thể kể đến như: tổng kết thi hành Luật BVMT phục vụ xây dựng Luật BVMT (sửa đổi) (Bộ TN&MT chủ trì thực hiện năm 2012), hoạt động giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về môi trường tại các khu kinh tế, làng nghề, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, khai thác khoáng sản gắn với BVMT (Chương trình hoạt động giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2011, 2012)... Tuy nhiên, các hoạt động này chỉ được thực hiện ở những thời điểm nhất định, mang tính chất của hoạt động đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật sau khi

thi hành hoặc là hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, không phải thực hiện thường xuyên đúng như yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Để bảo đảm nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật là phải thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn... Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về BVMT không thể thực hiện một cách dàn trải trên phạm vi rộng mà mỗi thời điểm cần có sự lựa chọn để tập trung một số lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, có ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế - xã hội nhưng vẫn phải bảo đảm tính toàn diện.

Việc tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về BVMT



phải rất hợp lý để phát hiện được các chống chéo, mâu thuẫn, thiếu thống nhất, để kịp thời đề xuất việc sửa đổi, bổ sung hay bãi bỏ, ban hành mới một cách đồng bộ. Khi tổ chức thực hiện công tác này phải có sự đánh giá tổng hợp với cùng một đối tượng chịu sự điều chỉnh của nhiều quy phạm pháp luật có liên quan; tổng hợp tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; xem xét hiệu quả tổng hợp của công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật và tính hợp lý của các quy định pháp luật; đánh giá tổng thể các biện pháp tổ chức thi hành pháp luật và các điều kiện bảo đảm cho việc thi hành pháp luật trên toàn bộ các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; từ đó có những điều chỉnh đồng bộ, phù hợp. Chính vì vậy, cần có sự lồng ghép trong các nội dung và hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật về BVMT để đạt được hiệu quả tối đa.

Theo quy định hiện hành, nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật nói chung và pháp luật về BVMT nói riêng bao gồm rất nhiều vấn đề như: tính thống nhất, đồng bộ của văn bản; tính khả thi của văn bản; tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật; tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân... Đây là những vấn đề còn rất chung, khó xác định và chưa định lượng rõ ràng. Việc đánh giá về các vấn đề này nếu không dựa trên các tiêu chí cụ thể sẽ là những nhận định chủ quan, không có cơ sở rõ ràng, tính thuyết phục không cao; để đánh giá chính xác cần phải nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí cụ thể, khoa học. Việc xây dựng các tiêu chí để đánh giá những vấn đề nêu trên đối với hệ thống pháp luật về BVMT bao gồm rất nhiều văn bản, quy định là một vấn đề lớn, phức tạp, khó khăn, rất cần có sự đầu tư nghiên cứu công phu.

“Tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc” là trách nhiệm của Bộ trưởng - Thủ lĩnh ngành được quy định như một nguyên tắc hiến định tại Điều 99 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013. Để tổ chức hiệu quả hoạt động này, một trong những yêu cầu đặt ra với các Bộ, ngành là cần phải nghiên cứu,



▲ Cộng đồng có vai trò quan trọng trong giám sát việc thực thi pháp luật về BVMT

ban hành Khung theo dõi thi hành pháp luật phù hợp với đặc thù quản lý. Đối với lĩnh vực BVMT, khung theo dõi thi hành pháp luật cần được nghiên cứu, xây dựng và phải bảo đảm các yêu cầu:

Thứ nhất, khung theo dõi phải phản ánh đầy đủ, bảo đảm tính khách quan, chính xác: Các tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá tại Khung theo dõi cần rõ ràng, cụ thể, mang tính định lượng, có thể so sánh, đánh giá được. Kết quả đánh giá được sắp xếp, phân loại một cách khoa học theo các mức độ khác nhau, có sự so sánh giữa các năm với nhau. Có như vậy mới đánh giá chính xác được kết quả thực hiện so với cùng kỳ năm trước.

Thứ hai, khung theo dõi phải bảo đảm tính xã hội: Trên cơ sở các nội dung tại Khung theo dõi, có thể cho phép các tổ chức, cá nhân (không là cơ quan nhà nước) được tham gia vào quá trình đánh giá việc thi hành pháp luật về BVMT, đặc biệt là tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước và của

tổ chức, cá nhân. Sự tham gia của cộng đồng vào quá trình đánh giá việc thi hành pháp luật về BVMT sẽ bảo đảm được tính minh bạch trong công tác đánh giá tình hình thi hành pháp luật về BVMT. Đồng thời, thông qua việc đánh giá này, cơ quan nhà nước sẽ nhận được sự phản hồi ngược trở lại từ phía tổ chức và cá nhân để sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính khả thi của pháp luật về BVMT.

Thứ ba, khung theo dõi phải bảo đảm tính “mở” nhằm từng bước được đổi mới, bổ sung, hoàn thiện phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội hiện tại và trong tương lai.

Do môi trường là lĩnh vực đa ngành, có phổ rộng nên cần có sự phân nhóm để thực hiện có hiệu quả hoạt động đánh giá, theo dõi thi hành pháp luật. Trong thiết kế xây dựng Khung theo dõi thi hành pháp luật về BVMT có thể xác định các nhóm nội dung chính để đánh giá như: nhóm quy định về đánh giá môi



trường bao gồm các quy định pháp luật về đánh giá tác động môi trường, kế hoạch BVMT, đề án BVMT; nhóm quy định về quản lý chất thải bao gồm các quy định pháp luật về quản lý chất thải nguy hại, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý khí thải, quản lý nước thải, quản lý các chất thải đặc thù, quản lý sản phẩm thải bỏ, quản lý phế liệu nhập khẩu; nhóm quy định về kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố môi trường gồm các quy định về kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, cải tạo phục hồi môi trường, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; nhóm quy định về thông tin, báo cáo quan trắc với các quy định về chế độ công khai thông tin, chế độ báo cáo, chương trình quan trắc và giám sát môi trường; nhóm quy định về trách nhiệm BVMT bao gồm trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành và UBND các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, cộng đồng dân cư... Tại mỗi nhóm quy định sẽ tập trung đánh giá theo dõi thi hành trên tất cả các yêu cầu của công tác này bao gồm tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tình hình tuân thủ pháp luật.

Để công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về BVMT được thực hiện một cách thuận lợi, có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự tham gia, phối hợp chặt chẽ của các đơn vị có liên quan trong Bộ TN&MT và giữa Bộ TN&MT với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan. Có như vậy, nội dung theo dõi về tình hình thi hành pháp luật về BVMT mới bao quát một cách đầy đủ, toàn diện. Sự tham gia, phối hợp này phải trên

nguyên tắc là bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định. Do vậy, rất cần có sự nghiên cứu để xác định, phân công trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về BVMT như cơ chế phối hợp trong việc xây dựng Kế hoạch và thực hiện các hoạt động trong Kế hoạch để tránh chồng chéo trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật (nội dung, địa bàn, thời gian...) và việc lồng ghép hoặc phối hợp cùng thực hiện; phương thức, chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung thông tin, báo cáo về tình hình thi hành pháp luật... để kết quả đạt hiệu quả cao. Khi phát hiện được những khó khăn, vướng mắc trong thi hành pháp luật, thì đơn vị có trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật và kiến nghị các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Việc xem xét, kiến nghị, giải quyết các kiến nghị này cần phải được quy định rõ trách nhiệm, trình tự... cụ thể nhằm bảo đảm hiệu quả kịp thời của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong việc xử lý đối với các vấn đề bức xúc mà thực tiễn thi hành pháp luật đặt ra.

Việc đánh giá theo dõi thi hành pháp luật BVMT cần được tiến hành thường xuyên, liên tục và cập nhật đầy đủ phản ánh từ doanh nghiệp, địa phương, các tổ chức, cá nhân trong áp dụng pháp luật BVMT nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật và bảo đảm pháp luật được tuân thủ và thực thi có hiệu quả trong cuộc sống■

Tình trạng buôn bán động vật hoang dã (ĐVHD) trái phép đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến đa dạng sinh học (ĐDSH) của Việt Nam. Nhiều loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm như hổ, voi, cá sấu, tê tê và các loài linh trưởng quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng. Do đó, có nhiều ý kiến cho rằng, việc gây nuôi thương mại vừa là một giải pháp phát triển kinh tế vừa có giá trị bảo tồn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc gây nuôi thương mại và buôn bán ĐVHD nguy cấp, quý hiếm được nhận định là “con đường” dẫn đến sự tuyệt chủng. Để tìm hiểu về vấn đề này, Tạp chí Môi trường có cuộc phỏng vấn bà Jenny Daltry - Cán bộ cao cấp về bảo tồn sinh vật học - Tổ chức Động vật (FFI).

★Thưa bà, việc gây nuôi cá sấu xiêm là một thành công chứng minh gây nuôi thương mại các loài ĐVHD nguy cấp, quý hiếm không chỉ giúp phát triển kinh tế, mà còn góp phần bảo tồn các loài này. Bà nghĩ sao về vấn đề này?

Bà Jenny Daltry: Chúng ta hãy nhìn vào con số hơn 1.100 cơ sở gây nuôi ĐVHD ở Việt Nam với hàng trăm nghìn cá thể cá sấu, trong khi chỉ có khoảng 20 cá thể cá sấu xiêm trưởng thành trong tự nhiên. Đó là trường hợp tái thả thành công duy nhất tại VQG Cát Tiên với một số cá thể cá sấu xiêm được chuyển đến từ các cơ sở gây nuôi. Trên thực tế, ngành công nghiệp gây nuôi ĐVHD đã đem lại lợi ích kinh tế cho các cơ sở gây nuôi, buôn bán cá sấu và các sản phẩm từ



Gây nuôi thương mại động vật hoang dã đe dọa đến đa dạng sinh học Việt Nam

cá sấu. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của các cơ sở gây nuôi ĐVHD ở Việt Nam, Campuchia, Thái Lan và Lào, ngày càng có nhiều cá thể cá sấu bị săn bắt trong tự nhiên để đưa về các cơ sở gây nuôi. Các cơ sở này đã tìm cách “lách luật” để việc buôn bán trái phép cá sấu trở nên dễ dàng hơn. Thực tế cho thấy, hoạt động gây nuôi thương mại ĐVHD ở Việt Nam không đem lại lợi ích, mà còn tác động tiêu cực tới công tác bảo tồn các loài cá sấu xiêm.

***Xin bà giải thích rõ hơn về mối liên hệ giữa gây nuôi thương mại cá sấu với sự tuyệt chủng của loài này ở bán đảo Đông Dương?**

Bà Jenny Daltry: Ngành công nghiệp gây nuôi thương mại ĐVHD đã gây ra rất nhiều ảnh hưởng tới quần thể cá sấu trong tự nhiên ở các nước Đông Dương. Trước hết, sự hình thành của ngành công nghiệp gây nuôi ĐVHD vào những năm 50 của thế kỷ XX đã kích thích nhu cầu khai thác cá sấu trong tự nhiên để đưa vào các cơ sở gây nuôi. Tính đến nay, có hơn 2.500 cơ sở gây nuôi ĐVHD ở bán đảo Đông Dương và đa phần các cá thể có nguồn gốc từ tự nhiên. Rất nhiều khu vực sông hồ - nơi cá sấu sinh sống đã bị các tay săn trộm “xóa sổ” nhằm khai thác cá sấu cung cấp cho trang trại gây nuôi. Cho dù những cơ sở này có thành công trong việc nuôi cá sấu, nhưng chi phí săn bắt cá sấu ngoài tự nhiên vẫn thấp hơn nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chúng đủ lớn để có thể đem bán. Điều này gây áp lực lớn đối với quần thể cá sấu trong tự nhiên. Mặt khác, việc cho phép tự do thương mại cá sấu trên thị trường dẫn đến những khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc phân biệt giữa cá sấu được gây nuôi hợp pháp với cá sấu bị săn bắt trái phép ngoài tự nhiên. Nếu không có biện pháp quản lý phù hợp, các quy chế bảo vệ chặt chẽ, ngành công nghiệp gây nuôi ĐVHD sẽ tiếp tục gây ra những áp lực đối với quần thể tự nhiên và rất khó để có thể bảo vệ chúng. Ngoài ra, một hệ quả nữa của việc gây nuôi thương mại ĐVHD là những ảo tưởng rằng công tác bảo tồn vẫn đang diễn ra, trong khi thực tế số lượng loài này đang ngày càng sụt giảm nhanh chóng.



▲ Việc cho phép gây nuôi cá sấu làm gia tăng các áp lực đối với quần thể cá sấu trong tự nhiên

***Bà có đồng ý với việc hợp pháp hóa hoạt động gây nuôi và trao đổi thương mại các loài nguy cấp quý hiếm không?**

Bà Jenny Daltry: Đó là một câu hỏi rất khó trả lời, bởi thực tế trên thế giới vẫn có một số trường hợp ĐVHD nguy cấp, quý hiếm được gây nuôi thành công và buôn bán trao đổi ở mức ổn định, đem lại lợi ích cho những người triển khai. Tại Mỹ, các cơ sở gây nuôi cá sấu hoạt động rất tốt, đồng thời cũng làm tăng số lượng cá sấu hoang dã. Tương tự, việc gây nuôi loài cá sấu nước mặn ở Ôxtrâylia đã được thực hiện thành công với số lượng cá thể ngoài tự nhiên cũng tăng lên. Nhưng đó chỉ là những trường hợp hiếm hoi. Từ những mô hình đó, các nước Đông Dương cũng cho phép gây nuôi cá sấu như một biện pháp bảo tồn. Nhưng thực tế thì không phải như thế và việc gây nuôi thương mại đã làm gia tăng số

lượng ĐVHD bị săn bắt trong tự nhiên. Đặc biệt, có trường hợp nhiều người thích tiêu thụ ĐVHD từ tự nhiên hơn bởi họ cho rằng động vật từ tự nhiên sẽ tốt hơn động vật trong trang trại gây nuôi. Vì lẽ đó, có thể thấy, ở các nước Đông Dương, hoạt động gây nuôi và trao đổi thương mại ĐVHD càng diễn ra mạnh mẽ thì quần thể ĐVHD trong tự nhiên càng chịu nhiều áp lực. Do đó, cần phải tăng cường công tác thực thi luật pháp để bảo vệ ĐDSH nói chung và ĐVHD nói riêng. Cá nhân tôi không ủng hộ việc gây nuôi và buôn bán ĐVHD nguy cấp, quý hiếm, bởi lẽ lịch sử gây nuôi cá sấu ở các nước Đông Dương đã cho thấy những tác động tiêu cực đối với quần thể cá sấu xiêm trong tự nhiên. Hiện nay, các nước Đông Dương chưa đủ điều kiện, năng lực để gây nuôi thương mại và buôn bán ĐVHD.

NGUYỄN HẰNG
(Thực hiện)



Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý về môi trường tại châu Âu

MAI THỊ THU HUỆ

Viện Khoa học môi trường

Tổng cục Môi trường

Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý về môi trường (BHTNPLMT) là một loại hình bảo hiểm về trách nhiệm bồi thường cho bên mua bảo hiểm để chi trả cho các hoạt động phục hồi thiệt hại môi trường do ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và thiệt hại về đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm các khoản chi trả cần thiết để bồi thường thiệt hại về môi trường. Tại một số nước trên thế giới, loại hình bảo hiểm này thường được biết đến với các tên gọi khác nhau như bảo hiểm trách nhiệm pháp lý ô nhiễm (PLL), bảo hiểm trách nhiệm pháp lý suy giảm môi trường (EIL), bảo hiểm trách nhiệm pháp lý ô nhiễm môi trường... và tại Việt Nam được gọi là bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.

BHTNPLMT được hình thành từ những năm 1970 - 1980, với sự mở rộng của hệ thống trách nhiệm môi trường trong pháp luật quốc gia dẫn đến việc gia tăng nhu cầu thị trường bảo hiểm trong lĩnh vực ô nhiễm, rủi ro môi trường. Tuy nhiên khi đó, đối tượng hợp đồng bảo hiểm thường không bao gồm chi phí làm sạch của khu vực bị ô nhiễm và đến những năm 1980 ngành công nghiệp bảo hiểm bắt đầu mở rộng phạm vi chi trả cho trách nhiệm môi trường. Tháng 8/1980, Shand Morahan giới thiệu loại bảo hiểm mới: Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý suy giảm môi trường - EIL. Nhiều công ty bảo hiểm nỗ lực tiếp thị bảo hiểm này với hy vọng, EIL sẽ thay thế loại hình bảo hiểm thương mại chung để đảm bảo thực hiện các cam kết môi trường. Trong thời gian đầu, một số doanh nghiệp đã mua EIL, tuy nhiên nhiều chính sách của EIL chỉ cung cấp bảo hiểm cho các khiếu nại của bên thứ ba, chứ không có quy định yêu cầu làm sạch, khôi phục môi trường. Do vậy, chính sách EIL đã không được ưa chuộng và dần biến mất vào năm 1990.

Sau bước đột phá không thành công của bảo hiểm EIL, PLL xuất hiện trong những năm 1990. Ngày nay, các hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm có thể được gọi với những tên gọi khác nhau như bảo hiểm môi trường của

cơ sở kinh doanh, bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm, bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm cơ sở, bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm tại khu vực xảy ra sự cố... Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm pháp lý ô nhiễm đối với 3 loại tổn thất sau: Khiếu nại của bên thứ ba đối với thương tích cá nhân, thiệt hại về tài sản và chi phí làm sạch; chi phí làm sạch tại khu vực ô nhiễm của doanh nghiệp gây ô nhiễm; các khoản chi phí kiện tụng phát sinh do các khiếu kiện của bên thứ ba. Đến nay, chính sách bảo hiểm trách nhiệm pháp lý ô nhiễm đã phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới với các hãng bảo hiểm lớn cung cấp như: AIG, Chartis, XL Insurane...

Tại châu Âu, Chỉ thị trách nhiệm môi trường 2004/35/EC (ELD) được thông qua vào năm 2004 đã thiết lập một khung trách nhiệm pháp lý về môi trường để ngăn ngừa và phục hồi các thiệt hại môi trường đối với ô nhiễm môi trường nước, đất và thiệt hại đối với hệ sinh thái. ELD quy định ràng buộc trách nhiệm chặt chẽ đối với các cơ sở/doanh nghiệp có hoạt động nguy hiểm tới môi trường tại Điều 14: "Các nước thành viên phải có biện pháp để khuyến khích sự phát triển của thị trường và các công cụ an ninh tài chính của các hoạt động kinh tế và tài chính phù hợp, bao gồm các cơ chế tài chính trong trường hợp phá sản, với mục đích tạo điều kiện cho nhà sản xuất sử dụng bảo lãnh tài chính để chi trả cho các nghĩa vụ của mình theo Chỉ thị".

Sau đó, Chỉ thị ELD 2004/35/EC được Cộng đồng châu Âu sửa đổi, thay thế năm 2006, 2009 và 2013 để mở rộng phạm vi trách nhiệm một cách nghiêm ngặt, gia hạn thời gian yêu cầu quốc gia thành viên đưa nội dung của Chỉ thị vào Luật quốc gia. Chỉ thị 2006/21/EC bổ sung quy định về quản lý chất thải từ các ngành công nghiệp khai khoáng, Chỉ thị 2009/31/EC bổ sung quy định về lưu trữ địa chất của các bon dioxide và sửa đổi một số điều khoản, Chỉ thị 2013/30/EC bổ sung quy định về an toàn đối với hoạt động dầu khí ngoài khơi.

Theo quy định của ELD 2004/35/EC, các quốc gia thành viên phải ban hành nội dung Chỉ thị này trong luật quốc gia trước ngày 30/4/2007, tuy nhiên chỉ có 3 quốc gia thực hiện đúng thời hạn là Italy, Lithuania và Latvia. Theo đó, tùy thuộc vào lựa chọn cũng như hệ thống pháp luật về trách nhiệm môi trường đã được quy định tại mỗi quốc gia trước khi Chỉ thị ELD 2004/35/EC được ban hành, các quốc gia sẽ lựa chọn quy định về bảo hiểm trách nhiệm pháp lý bắt buộc, tự nguyện hoặc bảo hiểm kết hợp (bảo hiểm trách nhiệm pháp lý kết hợp với hệ thống bảo lãnh hay mô hình an ninh tài chính).

Việc ban hành Chỉ thị ELD 2004/35/EC là cơ sở để thúc đẩy các quốc gia thành viên EU ban hành quy định về bảo hiểm môi trường. Bên cạnh đó, một số quốc gia như Đức, Thụy Điển, Phần Lan đã



▲ Chỉ thị 2013/30/EC đã bổ sung quy định về an toàn đối với hoạt động dầu khí ngoài khơi

tồn tại hệ thống luật và các quy định pháp luật về bảo hiểm thiệt hại môi trường trước khi Chỉ thị ELD 2004/35/EC được ban hành. Đức đã lựa chọn bảo hiểm kết hợp từ năm 1965 nhưng chỉ bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra do ô nhiễm tích lũy trong môi trường nước và đến năm 1978 đã mở rộng phạm vi bảo hiểm cho trách nhiệm bồi thường thiệt hại do ô nhiễm nước, không khí bao gồm cả ô nhiễm phạm vi ngoài quốc gia, tiêu biểu là Đạo luật trách nhiệm pháp lý về môi trường và Đạo luật thiệt hại về môi trường năm 2007...

Phần Lan cũng đã ban hành Đạo luật bảo hiểm thiệt hại môi trường năm 1998 và là bảo hiểm bắt buộc đối với các chủ sở hữu giấy phép môi trường. Bảo hiểm trách nhiệm suy thoái môi trường tại Phần Lan chi trả khoản bồi thường cho các thiệt hại môi trường trong trường hợp bên chịu trách nhiệm bồi thường bị phá sản hoặc không xác định. Tuy nhiên, khoản bồi thường thiệt hại môi trường do bảo hiểm chi trả theo quy định của Đạo luật này hạn chế, và không chi trả cho thiệt hại theo quy định của ELD. Bảo hiểm gồm khoản bồi thường cho tổn thương thân thể, thiệt hại tài sản và tổn thất kinh tế do thiệt hại môi trường.

Từ năm 2008, Ác-hen-ti-na đã yêu cầu bất kỳ công ty nào khi hoạt động có khả năng gây ra các mối đe dọa tới môi trường phải duy trì bảo hiểm trách nhiệm suy thoái môi trường hoặc bảo đảm tài chính khác được dùng cho các chi phí làm sạch sự cố ô nhiễm. Nếu công

ty không tuân thủ các yêu cầu duy trì thỏa thuận bảo hiểm thích hợp hoặc bảo lãnh tài chính sẽ không được gia hạn giấy phép hoạt động.

5 năm sau khi Chỉ thị ELD có hiệu lực, Hy Lạp đề xuất bảo hiểm bắt buộc đối với các hoạt động nguy hiểm, và các hoạt động khác sẽ phải thực hiện theo các yêu cầu tương tự 4 năm sau khi chỉ thị có hiệu lực. Tuy nhiên, một số nước đã không ủng hộ ý tưởng về bảo hiểm bắt buộc, bao gồm Anh, Italia, Pháp và Ireland, và Ủy ban châu Âu. Đến năm 2011, loại hình bảo hiểm trách nhiệm pháp lý môi trường tại châu Âu vẫn đang phát triển ở giai đoạn đầu.

Như vậy có thể thấy, thị trường bảo hiểm môi trường vẫn còn non trẻ, đặc biệt là ở châu Âu, nơi chỉ có một số lượng nhỏ các công ty bảo hiểm cung cấp sản phẩm bảo hiểm cho trách nhiệm môi trường. Năm 2011, ước tính tổng doanh thu phí bảo hiểm môi trường trên toàn EU từ 250 - 350 triệu Euro mỗi năm,

và chiếm dưới 1% thị trường bảo hiểm trách nhiệm chung. Với mục đích tăng cường năng lực cho bảo hiểm, một số nước đã thành lập liên minh bảo hiểm để giải quyết các vấn đề do rủi ro về trách nhiệm môi trường gây ra như tại Pháp, Tây Ban Nha, Italia, Hà Lan.

Trong quá trình hình thành và phát triển, một số rào cản và thách thức đối với thị trường BHTNPLMT tại châu Âu như thiếu số liệu thống kê về tần suất, mức độ thiệt hại về môi trường và việc chứng minh sử dụng các phương pháp phù hợp để đánh giá rủi ro (trước khi thực hiện dự án), đánh giá sau khi xảy ra sự cố; Ngành công nghiệp bảo hiểm không có kinh nghiệm về bồi thường cho việc phục hồi môi trường; Thiếu sự hiểu biết về ELD của nhiều nhà sản xuất/doanh nghiệp, cộng đồng, các cơ quan công quyền và tổ chức phi chính phủ về môi trường...

Do đó, để thực hiện hiệu quả BHTNPLMT, các quốc gia cần lưu ý một số điểm sau: Quy định chặt chẽ trách nhiệm pháp lý về môi trường và BHTNPLMT trong luật pháp quốc gia; Quy định phạm vi bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường gồm thiệt hại môi trường đất, và thiệt hại đa dạng sinh học; Xây dựng và ban hành các hướng dẫn cụ thể về đánh giá rủi ro, kỹ thuật lượng giá thiệt hại, hoạt động phục hồi môi trường, bảo hiểm và bồi thường cho việc phục hồi môi trường; Xem xét thành lập liên minh bảo hiểm để tăng cường năng lực giải quyết các vụ việc bảo hiểm bồi thường thiệt hại về môi trường■



Vốn xã hội trong bảo tồn đa dạng sinh học ở Liên minh châu Âu và kinh nghiệm cho Việt Nam

TS. NGUYỄN THỊ NGỌC

Viện Nghiên cứu châu Âu

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Cùng với sự phát triển của nhân loại, cộng đồng các quốc gia ở châu Âu và Việt Nam nói riêng có sự tồn tại, tích lũy và phát triển của nhiều loại hình vốn khác nhau, trong đó có vốn xã hội (VXH). Trong công tác BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), VXH là một trong những yếu tố chính, quyết định đến tính bền vững của hệ sinh thái (HST). Các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU) được đánh giá có nhiều thành công trong lĩnh vực BVMT, bảo tồn ĐDSH nhờ áp dụng các giải pháp phát huy nguồn VXH sẵn có.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VXH TRONG BVMT, BẢO TỒN ĐDSH

Cho đến nay, VXH đã được đề cập nhiều trong các nghiên cứu trên thế giới, song chưa có một định nghĩa thống nhất. Tuy nhiên, có thể hiểu một cách khái quát theo cách định nghĩa của Francis Fukuyama, VXH là “chuẩn mực” phi chính thức của cộng đồng về BVMT, bảo tồn ĐDSH. Theo đó, VXH sẽ phụ thuộc vào cấu trúc của mỗi nền văn hóa khác nhau, trong cách ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên. Ví dụ, ở Bắc Âu, mức độ tham gia của cộng đồng vào các hoạt động xã hội, trong đó có hoạt động BVMT, bảo tồn ĐDSH cao hơn nhiều ở các quốc gia Đông, Tây Âu. Điều này được lý giải xuất phát từ truyền thống văn hóa canh tác nông nghiệp trong lịch sử cần có sự chia sẻ, liên kết của cộng đồng, kết hợp với việc thi hành chế độ phúc lợi cao mà các Nhà nước ở Bắc Âu thực hiện. Ở các quốc gia Bắc Âu những hoạt động mang tính hiệp hội, cộng đồng (NgO, công đoàn) được thể chế hóa rộng rãi nên đã phát huy tốt nguồn VXH.

Mặc dù, châu Âu được đánh giá là khu vực có nền văn hóa khá đa dạng, song đặc điểm chung nhất đây là nền văn hóa của những người “sống trên lưng ngựa”, họ tôn trọng tự nhiên và muôn loài. Điều này, góp phần tạo nên “chuẩn mực” đạo đức riêng, luôn thường trực trong ý thức của người châu Âu về bảo vệ, bảo tồn các HST. Chẳng hạn, chuẩn mực “không ăn thịt các loại thú rừng” có ở hầu hết cộng đồng văn hóa phương Tây, trong khi đó người Việt Nam lại coi đây là những món đặc sản và sẵn sàng chi trả để

thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Ngày nay, chuẩn mực về BVMT còn được người dân châu Âu ý thức rõ và được thể hiện thông qua việc xả rác thải đúng loại, đúng nơi quy định hoặc không hút thuốc lá ở những khu vực công cộng...

Bên cạnh đó, trong BVMT, bảo tồn ĐDSH có sự phụ thuộc nhất định giữa VXH với khả năng kinh tế và vị trí xã hội của họ. Những người có điều kiện kinh tế, vị thế xã hội thường chấp nhận “hy sinh” lợi ích cá nhân để được sống trong một môi trường trong lành, hài hòa với tự nhiên và các loài.

SỬ DỤNG VXH TRONG BẢO TỒN ĐDSH Ở CHÂU ÂU

Bảng 1. Nhóm cộng đồng tự nguyện bảo vệ ĐDSH ở Anh

Các nhóm xã hội	Các mục tiêu nhằm cải thiện ĐDSH		
	ĐDSH trong nông nghiệp và đa dạng hóa hệ thống trang trại	ĐDSH tại các vùng đệm	ĐDSH tại các khu vực cần bảo tồn nghiêm ngặt
Nhóm bảo vệ và quản lý lưu vực		x	
Nhóm quản lý rừng		x	x
Nhóm sử dụng hợp lý nguồn nước	x		
Nhóm quản lý dịch hại tổng hợp	x	x	
Nhóm quản lý động vật hoang dã		x	x
Nhóm quản lý nghề cá		x	x
Nhóm nông nghiệp nông thôn và cải thiện môi trường sống	x	x	

▲ Nguồn: Jules Pretty and David Smith, (2004), “Social Capital in Biodiversity Conservation and Management”, *Conservation Biology*. No.3, Volume 18, pp. 634.

Như vậy, những người tham gia vào các nhóm này đều nhận thức được việc bảo vệ ĐDSH sẽ mang lại nhiều lợi ích cho tập thể và cá nhân. Thực tế cho thấy, vào những năm 1990, ở Anh có khoảng

Ở EU, VXH được đánh giá thông qua một số dấu hiệu cơ bản bao gồm: Thành viên của các hiệp hội bảo tồn, bảo vệ thiên nhiên; chỉ số niềm tin; các chỉ số liên kết VXH (mạng xã hội, hỗ trợ xã hội)...

Tại khu vực đất nông nghiệp và rừng tự nhiên, người dân EU có nhận thức về mối quan hệ giữa HST nông nghiệp và tự nhiên, vì vậy họ tự nguyện bảo vệ ĐDSH, bằng các quy định, quy tắc bắt buộc do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Ở một số nơi còn xây dựng các nhóm cộng đồng tự nguyện bảo vệ ĐDSH.

408 - 478 nghìn nhóm cộng đồng BVMT.

Nguồn VXH trong lĩnh vực bảo tồn ĐDSH cũng có sự thay đổi tùy thuộc vào mức độ quan tâm của chính quyền dành cho từng khu vực nhằm duy trì, phát



triển những chuẩn mực phi chính thức. Ví dụ, hệ thống nuôi trồng, canh tác nông nghiệp truyền thống ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha được duy trì mức độ ĐDSH cao nhờ có các chương trình hỗ trợ bảo tồn truyền thống canh tác của nông dân địa phương. Hoặc tại Pháp đã có nhiều chương trình hỗ trợ tích cực giúp người dân duy trì truyền thống canh tác, xây dựng các trang trại nông, lâm, ngư nghiệp kiểu công viên. Những hỗ trợ này được người dân địa phương hưởng ứng mạnh, từ đó duy trì, phát huy được truyền thống canh tác quý báu. Như vậy, nguồn vốn này không dễ được khơi dậy bởi các chính sách của nhà nước nhưng nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy thông qua giáo dục, tuyên truyền tạo ra thể chế công dân có trách nhiệm với môi trường. Chẳng hạn, ở Đan Mạch, trẻ em được phân công thành các nhóm học lý thuyết cũng như thực hành về bảo vệ ĐDSH từ đó giúp các em làm quen dần với cách làm việc nhóm.

Ngoài ra, để bảo tồn ĐDSH thì cộng đồng người dân địa phương phải được hưởng lợi từ việc bảo tồn thông qua việc khai thác các nguồn tài nguyên ở đó cho mục đích thực phẩm, hàng hóa, du lịch sinh thái... Cũng như việc bảo vệ các loài chim ở Tây Ban Nha, ngoài nỗ lực của Chính phủ, phải có những đóng góp của cộng đồng địa phương, thay đổi thói quen canh tác cũ bằng hình thức xây dựng “chuẩn mực” canh tác mới nhằm giữ gìn sinh cảnh sống cho các loài chim. Các khu vực canh tác được thực hiện theo phương thức luân canh vừa tạo ra được lượng thực phẩm thiết yếu hàng ngày vừa duy trì được chỗ trú ẩn cho các loài.

Thực tế cho thấy, “mạng lưới xã hội” ở châu Âu rất phát triển, trong lĩnh vực BVMT, với sự xuất hiện nhiều tổ chức tình nguyện trong những năm gần đây. Trong một điều tra của Claire Wallace và được Euro Barometer ghi nhận có tới 62,2% số người được hỏi khẳng định họ là thành viên của 14 tổ chức khác nhau, trong đó là thành viên của các tổ chức về BVMT, ĐDSH. Mức độ tham gia của các thành viên cao nhất là các nước Bắc Âu, sau đó giảm dần ở Tây Âu và thấp nhất ở Đông Nam châu Âu.

ĐỀ XUẤT NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

ĐDSH đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự cân bằng của các chu trình và HST trong tự nhiên, đồng thời là nguồn tài nguyên quan trọng để phát triển đất nước. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam đang phải đối mặt với



▲ Azores, Bồ Đào Nha là địa danh du lịch nổi tiếng nhờ lợi thế về thiên nhiên vốn có

thực trạng suy thoái ĐDSH do khai thác sử dụng đất bừa bãi, thói quen đánh bắt hủy diệt, xây dựng cơ sở hạ tầng ô nhiễm... Để BVMT và ĐDSH, Việt Nam nên áp dụng các giải pháp về sử dụng nguồn VXH như:

Giải pháp vĩ mô

Xây dựng hệ thống luật pháp, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ, mạng lưới cộng đồng về BVMT, bảo tồn ĐDSH; Khuyến khích, ưu đãi trong xây dựng, gìn giữ các quy tắc, chuẩn mực về BVMT, bảo tồn ĐDSH; tổ chức tuyên dương, hỗ trợ cho các cá nhân tập thể có sáng kiến hay về bảo vệ các loài động thực vật quý hiếm.

Đồng thời, cần có chính sách phát huy VXH. Các cơ quan hoạch định chính sách của Nhà nước cần nghiên cứu, xây dựng cơ chế tham gia hiệu quả của cộng đồng, mạng lưới xã hội, nhất là những cộng đồng sử dụng quá mức nguồn tài nguyên ĐDSH; xóa bỏ thói quen ăn thịt các loại động, thực vật hoang dã có nguy cơ bị đe dọa ...

Hiện nay, Việt Nam có nhiều tổ chức xã hội phi lợi nhuận về bảo tồn ĐDSH đang hoạt động từ Trung ương đến địa phương như các Hội, Đoàn thể, Hiệp hội ... Do vậy,

công tác quản lý cần được Nhà nước chú trọng, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức này tự quản một cách có trách nhiệm theo “điều ước, hương ước” mà tổ chức này đề ra.

Giải pháp vi mô

Để nguồn VXH trong bảo vệ ĐDSH phát huy tốt ở cấp độ cộng đồng, cần có những biện pháp duy trì, phát huy thông qua việc giám sát, nhắc nhở cá nhân thực hiện bảo vệ ĐDSH.

Các hoạt động truyền thông về BVMT, bảo vệ ĐDSH phải tiến hành thường xuyên, đến các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người dân sinh sống ở các khu bảo tồn thiên nhiên.

Đẩy mạnh giáo dục đạo đức môi trường, bảo vệ ĐDSH từ gia đình tới trường học; ưu tiên cho học sinh tham gia vào các hành trình khám phá tìm hiểu tự nhiên, tích lũy thêm những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống cũng như khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước.

Ngoài ra, cần tập trung bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ trí thức, lãnh đạo, các nhà khoa học có tình yêu sâu sắc với thiên nhiên, am hiểu về ĐDSH để phát huy tốt vai trò của người lãnh đạo tập thể, tham gia vào các phong trào BVMT■



Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu giữa Việt Nam - Nhật Bản

Trong những năm qua, mối quan hệ hợp tác Việt Nam và Nhật Bản đã có những bước phát triển tốt đẹp trên nhiều lĩnh vực, trong đó có môi trường. Đặc biệt, sau khi hai Bộ TN&MT Việt Nam và Bộ Môi trường Nhật Bản ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2013 - 2016, các hoạt động hợp tác đã đi vào chiều sâu với nhiều kết quả tích cực như xây dựng thể chế chính sách, các quy chuẩn kỹ thuật về BVMT, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; chuyển giao công nghệ xử lý nước thải, quan trắc không khí; đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật để vận hành công nghệ xử lý chất thải; xây dựng phương pháp luận cho các dự án theo Cơ chế tín chỉ chung (JCM); triển khai các dự án về BVMT, quản lý chất thải, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH)...

Nhằm đánh giá các kết quả hoạt động hợp tác về BVMT, ứng phó với BĐKH, đồng thời đề xuất hoạt động, vừa qua, Bộ TN&MT đã phối hợp với Bộ Môi trường Nhật Bản tổ chức cuộc họp đối thoại chính sách về môi trường lần thứ 3.

Tại cuộc họp, hai bên đã trao đổi về những kết quả hợp tác, các tồn tại, hạn chế và đề xuất cơ chế hoạt động phối hợp giữa hai Bộ trong thời gian tới. Trên cơ sở những thỏa thuận đã đạt được, hai bên nỗ lực triển khai các hoạt động hợp tác nhằm thực hiện hiệu quả Bản ghi nhớ. Thời gian tới, Việt Nam sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với Nhật Bản triển khai các dự án về BVMT và BĐKH, nghiên cứu mô hình phát thải cacbon thấp, đề xuất phương pháp xử lý hiệu quả chất thải đô thị, chất thải rắn, chất thải nguy hại; thực hiện các dự án về tăng trưởng xanh... Trong khuôn khổ cuộc họp đối thoại chính sách, hai Bộ đã ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn



▲ Cuộc họp đối thoại chính sách về môi trường lần thứ 3 tại Hà Nội, ngày 14/12/2016

2017 - 2019 trong lĩnh vực BVMT, BĐKH.

Nhân dịp này, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã có buổi tiếp và làm việc với ông Kajihara Shigemoto, Thứ trưởng phụ trách các vấn đề môi trường toàn cầu của Bộ Môi trường Nhật Bản.

Đánh giá cao cuộc họp đối thoại chính sách về môi trường Việt Nam - Nhật Bản lần thứ 3, Bộ trưởng Trần Hồng Hà nhấn mạnh, những kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường là bài học quý báu cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Bộ trưởng mong rằng, trên cơ sở Bản ghi nhớ hợp tác giai đoạn 2017 - 2019, thời gian tới, Việt Nam - Nhật Bản sẽ tăng cường hợp tác toàn diện trong lĩnh vực BVMT và ứng phó với BĐKH, góp phần thực hiện Tuyên bố chung về việc thiết lập quan hệ "Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á" giữa hai quốc gia. Đồng thời, giúp Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế về Mục

tiêu Phát triển bền vững, cũng như Thỏa thuận Pari.

Phát biểu tại buổi tiếp, Thứ trưởng Bộ Môi trường Nhật Bản Kajihara Shigemoto cho rằng, hai bên cần tiếp tục kế thừa và phát huy những thành quả đạt được, tạo ra những bước đột phá hơn trong hợp tác giải quyết các vấn đề cấp bách về môi trường, BĐKH. Ông Kajihara Shigemoto khẳng định, với những bài học kinh nghiệm trong công tác BVMT, Nhật Bản sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam hoàn thiện khuôn khổ pháp lý; đào tạo năng lực; tuyên truyền, giáo dục cho doanh nghiệp, người dân để sử dụng hợp lý tài nguyên, xử lý ô nhiễm và ứng phó với BĐKH; triển khai các mô hình thí điểm về thu hồi, tái chế, xử lý chất thải... Qua đó, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương phát triển sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, phục vụ lợi ích của nhân dân hai nước, giải quyết các vấn đề chung của khu vực và toàn cầu■

P. LINH



Từ triển lãm Pollutec 2016 đến xu hướng công nghệ môi trường hiện nay

ThS.VŨ NGỌC TĨNH, TS. LÊ HOÀI NAM
*Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường
 Tổng cục Môi trường*

Cùng với xu thế phát triển chung, Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới với yêu cầu phát triển Kinh tế xanh và phát thải các bon thấp. Để thực hiện mục tiêu trên, Việt Nam cần đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ môi trường (CNMT) cũng như tiếp nhận chuyển giao công nghệ của các nước tiên tiến.

Trải qua 26 lần tổ chức thành công, Pollutec được đánh giá là triển lãm quốc tế danh tiếng và quy mô hàng đầu trong lĩnh vực môi trường, năng lượng, tái chế và phát triển bền vững. Việc tham gia Triển lãm Pollutec 2016, là cơ hội để Việt Nam tiếp cận với thị trường công nghệ tiên tiến của thế giới với các lĩnh vực: Công nghệ (CN) xử lý nước; chất thải; thiết bị đo đạc, đo lường và tự động hóa; năng lượng; sản phẩm và phát triển bền vững... Có thể thấy, các lĩnh vực liên quan đến tài nguyên nước, xử lý chất thải, nghiên cứu về CNMT, quan trắc, phân tích môi trường; phát triển năng lượng sạch; phát triển bền vững, sinh thái là những lĩnh vực đang được các nhà đầu tư và các công ty quan tâm nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao CN tại triển lãm.

Qua khảo sát và đánh giá CN được trưng bày của các đối tác tại triển lãm, một số xu hướng CNMT đang được thế giới quan tâm nghiên cứu, phát triển và ứng dụng hiện nay như:

CN đo đạc, quan trắc, phân tích môi trường: Công cụ đo đạc, quan trắc, phân tích môi trường, đặc biệt là công cụ cho số liệu trực tuyến (online) ngày càng được quan tâm phát triển cả độ chính xác, trọng lượng lẫn thời gian đo đạc. Một số ứng dụng phân tích không khí tự động (khí thải, xung quanh) đã được phát triển trong lĩnh vực công nghiệp, thực phẩm, y học bằng các đầu dò siêu nhỏ thông minh (Smartmicro-sensors), phần mềm truyền tải nhanh, gọn đã được phát triển bởi các Tập đoàn như Environnement S.A (Pháp), KIMO Instruments (Anh),



▲ Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà thăm quan gian hàng về năng lượng của Tập đoàn GRTgaz

HATCH, GEMU (Mỹ)... Các công nghệ này hứa hẹn sẽ có những bước đột phá trong lĩnh vực môi trường và sẽ rất hiệu quả trong công tác quan trắc môi trường tự động, trực tiếp tại Việt Nam.

CN xử lý nước thải (XLNT): Hiện nay, công nghệ XLNT được các nước quan tâm phát triển có xu hướng ứng công nghệ sinh học, màng lọc siêu nhỏ, thiết bị nhỏ gọn, tích hợp nhiều công đoạn xử lý. Xu hướng XLNT theo các mô-đun nhỏ gọn, có thể tái chế được (ví dụ, nước thải dùng trong cuộc sống hàng ngày, bùn thải làm phân bón...) đã được các Tập đoàn lớn nghiên cứu và phát triển như HUBER TECHNOLOGY (Mỹ), AERZEN (Đức)...

CN phân loại, tái chế chất thải: Tái chế chất thải, đặc biệt là nước thải và chất thải rắn (CTR) không còn là lĩnh vực mới. Gần đây các nhà khoa học đã và đang quan

tâm đến quá trình phân loại CTR một cách hiệu quả, tích hợp nhiều công đoạn tái chế CTR vào một công cụ và giảm thiểu thể tích (nén) một cách siêu gọn. Chính các yếu tố trên đã giúp cho quá trình phân loại, tái chế và xử lý chất thải được thực hiện một cách hiệu quả. Điển hình trong nghiên cứu, thí điểm và đưa vào sử dụng dụng cụ phân loại quang học (optical sorting equipment) để phân loại CTR là Tập đoàn công nghệ PELLENC Selective Technologies; sử dụng công nghệ tích hợp nhiều công đoạn, vận hành liên tục tự động để xử lý, tái chế CTR là Tập đoàn DECOVAN (Pháp); điển hình trong công nghệ ép, nén giảm thể tích là Tập đoàn HSM (Hoa Kỳ)... Ngoài ra, công cụ phân loại tự động, di động nhỏ gọn cũng là xu hướng phân loại mới đang được các Tập đoàn trên thế giới nghiên cứu và phát triển.



▲ Thiết bị phân loại, tái chế tự động sử dụng máy quét quang học của Tập đoàn PELLENCE



▲ Mô hình công nghệ phân loại, tái chế liên tục, tự động của Tập đoàn DECOVAN (Pháp)

CN sản xuất năng lượng từ chất thải và TP thông minh: Tập đoàn IBC Solar AG (Đan Mạch) luôn cung cấp các giải pháp toàn cầu cho vấn đề năng lượng (gió, mặt trời) và đang đi đầu trong việc ứng dụng những giải pháp tái chế chất thải (rắn, nhiệt dư) thành năng lượng. Đây là một loại hình tái chế có hiệu quả kép sẽ được ứng dụng rộng rãi trong tương lai và Việt Nam được dự báo là nơi có thị trường chuyển giao công nghệ một cách mạnh mẽ vì các yếu tố thuận lợi về phát triển kinh tế và khai thác tài nguyên. Xu thế phát triển TP thông minh (Smart City) hay bền vững (Sustainable City) đang được phổ biến tại châu Âu và đây là một xu hướng mới mà Việt Nam sẽ phát triển trong vài thập kỷ tới.

Triển lãm Pollutec 2016 đã mang lại những tín hiệu tích cực về việc ứng dụng, chuyển giao CNMT áp dụng cho hiện tại mà còn có những định hướng lâu dài để phát triển ngành CNMT của Việt Nam trong tương lai. Đó chính là con đường hướng tới sự phát triển bền vững■

Nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong ngành thép Việt Nam

TS. NGHIÊM GIA

Hội Khoa học Kỹ thuật đúc luyện kim Việt Nam

KS. BÙI HUY TUẤN

Tổng Công ty thép Việt Nam

Sản xuất gang thép thuộc ngành công nghiệp nặng, tiềm ẩn và chứa đựng các yếu tố độc hại. Công nghệ sản xuất gang, phôi thép, cán các sản phẩm thép phải qua nhiều công đoạn và sử dụng các loại nguyên nhiên liệu với khối lượng lớn như tài nguyên khoáng sản (TNKS), hóa chất... Mỗi công đoạn đều phát sinh các chất thải (rắn, khí, bụi và nước thải) gây ô nhiễm môi trường nếu không qua xử lý. Do đó, mỗi doanh nghiệp (DN) trong ngành Thép Việt Nam cần hành động tích cực nhằm đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng và BVMT.

TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG DO QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT GANG THÉP

Hiện cả nước có trên 300 DN nhỏ và vừa sản xuất gang thép (chiếm gần 30% tổng sản lượng gang thép sản xuất tại Việt Nam), góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho xã hội. Song do đầu tư nhỏ lẻ nên hầu hết các DN nghiệp gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là môi trường tại các làng nghề và các xí nghiệp nhỏ lẻ.

Nguồn chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất gang thép gồm nước thải, khí và bụi thải, chất thải rắn. Trong đó, nước thải phát sinh từ 2 nguồn: Nước làm mát thiết bị và sản phẩm; Nước dùng để pha chế các loại hóa chất để tẩy, rửa kim loại, sơn mạ màu. Khi thải ra chúng có một số khoáng chất, dầu, mỡ dư thừa, cặn bụi, ô xít sắt và các kim loại nặng khác là tác nhân gây ô nhiễm...

Theo tính toán, để sản xuất 1 tấn thép sẽ thải ra từ 0,5-1 tấn xỉ, 10.000 m³ khí thải, 100 kg bụi và các chất ô nhiễm như: axit, kiềm, các nguyên tố hợp kim... Trong các vùng luyện kim, khí quyển bị nhiễm bẩn chiếm tỷ lệ gần 60%. Ngoài ra, việc sản xuất thép còn sử dụng nhiều năng lượng như than, gas, điện, dầu và các chất phụ trợ như hợp kim, điện cực, khí trơ, vật liệu đầm lò. Đặc biệt, quá trình sản xuất gang thép đã tạo ra một lượng lớn các chất thải gây ô nhiễm môi trường với một lượng bụi lên tới hàng nghìn tấn/năm, thành phần



chủ yếu là các oxit kim loại và những loại oxit khác (FeO , MnO , Al_2O_3 , SiO_2 , CaO , MgO) và các loại khí thải chứa CO , CO_2 , SO_2 , NO_2 , gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người mà trực tiếp là những công nhân làm việc trong nhà máy. Ngoài ra, các vấn đề về ô nhiễm nhiệt, rung động, tiếng ồn cũng là những vấn đề ngành thép phải quan tâm.

CÁC GIẢI PHÁP BVMT NGÀNH THÉP VIỆT NAM

Để nâng cao hiệu quả BVMT, ngành Thép cần triển khai các giải pháp BVMT một cách đồng bộ như:

Tiếp tục nâng cao nhận thức về BVMT: Cán bộ lãnh đạo (CBLĐ) các DN cần phải nhận thức đầy đủ về BVMT đối với sự phát triển của ngành Thép Việt Nam; Tổ chức tuyên truyền sâu rộng để người lao động hiểu và thực hiện pháp luật về BVMT; Phổ biến cho các doanh nghiệp hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm về BVMT. Các DN của ngành Thép đều phải có trách nhiệm triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật liên quan về tài nguyên khoáng sản và BVMT; Không phê duyệt những Dự án đầu tư với công

nghệ lạc hậu, không đảm bảo điều kiện môi trường; Trang bị đủ hệ thống thiết bị kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất thép theo TCVN và tiêu chuẩn ISO 14000; Phối hợp với cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử phạt các vi phạm hoạt động khoáng sản (HĐKS) và BVMT ở các đơn vị trong ngành Thép.

Đào tạo nguồn nhân lực cho HĐKS và BVMT: Cùng cố và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý HĐKS và BVMT. Chú trọng tổ chức đào tạo mới và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật có chuyên môn liên quan đến HĐKS và BVMT của các đơn vị. Hợp tác trong nước và ngoài nước về nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực chuyên môn về BVMT.

Lựa chọn công nghệ, đầu tư chiều sâu và tăng cường nguồn tài chính cho nghiên cứu khoa học về HĐKS và BVMT: Lựa chọn và áp dụng công nghệ khai thác, chế biến và sản xuất thép tiên tiến và hiện đại. Chú trọng công nghệ "Sản xuất sạch hơn" tại một số đơn vị trọng điểm. Đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị nhằm BVMT. Lấy việc phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, hạn chế phát sinh gây tác động tiêu cực bằng việc sử dụng công nghệ ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu. Kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Huy động nguồn vốn xã hội để đầu tư một số dự án trọng điểm và có hiệu quả cao. Xây dựng danh mục các dự án để kêu gọi đầu tư■



▲ Sản xuất 1 tấn thép sẽ thải ra từ 0,5-1 tấn xỉ, 10.000 m³ khí thải, 100 kg bụi



Hà Nội tăng cường các biện pháp cải thiện môi trường nước hồ

Mới đây, UBND TP. Hà Nội đã có văn bản trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri TP trước kỳ họp thứ 3, HĐND TP khóa XV, trong đó đề cập nội dung về mức độ ô nhiễm môi trường và công bố nguyên nhân cá chết tại một số hồ trên địa bàn TP.

Hiện tại, nội đô Hà Nội có khoảng 118 ao hồ, đa số đều bị ô nhiễm bởi nước thải, trầm tích, bùn đáy. Đặc biệt, đối với các hồ có lưu lượng nước thải chảy vào đã vượt quá khả năng tự làm sạch của hồ gây ô nhiễm hữu cơ, dầu mỡ, kim loại nặng, vi sinh. Với các hồ đã cải tạo kè đá, có nhiều hồ được nạo vét lấy bùn, xây dựng đường dạo tạo cảnh quan khu vực xung quanh hồ, tuy nhiên, do các hồ này là hồ điều hòa nên ngay cả khi đã được tách nước thải hoàn toàn thì vẫn tiếp nhận hỗn hợp nước mưa lẫn nước thải chảy vào hồ như Hồ Tây, Trúc Bạch, Linh Đàm, Nghĩa Tân, Kim Liên... gây ô nhiễm. Đối với các hồ chưa được cải tạo (Linh Quang, Tú Liên, Đại Kim, Phùng Khoang...), hiện tượng lấn chiếm đồ đạc, phế thải xây dựng, vứt rác xuống hồ còn diễn ra phổ biến làm thu hẹp diện tích sử dụng, giảm khả năng điều hòa thoát nước và gây mất mỹ quan đô thị. Ngoài ra, xung quanh các hồ thường có

nhiều hàng quán, gây mất vệ sinh môi trường.

Theo kết quả quan trắc tại một số hồ nội thành do Trung tâm Quan trắc TN&MT Hà Nội thực hiện từ 2011 - 2016 cho thấy, chất lượng nước hồ tại các khu vực nội thành đã và đang ô nhiễm, hầu hết chỉ tiêu ô nhiễm đều vượt ngưỡng quy chuẩn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1). Trong tất cả các hồ được lựa chọn để lấy mẫu quan trắc, đánh giá chất lượng nước trong giai đoạn 2011 - 2015 và 3 tháng đầu năm 2016, hồ Giáp Bát, hồ Văn Quán có chất lượng nước xấu nhất; các hồ có chất lượng nước tốt hơn là hồ Thanh Nhàn 1, hồ Thanh Nhàn 2B và hồ Xã Đàn. Tại các hồ trên, ngoài thông số Fe nằm trong giới hạn cho phép, các thông số còn lại đều vượt quy chuẩn cho phép, trong đó thông số COD, BOD₅ đo có giá trị biến động qua các năm và giữa các

hồ không lớn; dầu mỡ khoáng trong giai đoạn 2019 - 2016 cao hơn giai đoạn trước và vượt quy chuẩn cho phép. Đối với Hồ Tây, theo kết quả quan trắc hàng năm của Sở TN&MT, các thông số ô nhiễm cơ bản đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt), chất lượng nước Hồ Tây tương đối tốt.

Trong văn bản trả lời kiến nghị của cử tri về việc cá chết tại các hồ thời gian qua, UBND TP. Hà Nội nêu ra các nguyên nhân sau: Thứ nhất, do hầu hết hồ của Hà Nội là hồ điều hòa, nên vẫn tiếp nhận hỗn hợp nước mưa lẫn nước thải khi có mưa chảy vào hồ. Một số hồ như Hồ Tây, Trúc Bạch, Thanh Nhàn 2A, Linh Đàm, Nghĩa Tân, Kim Liên... đã cải tạo kè bờ, có xây dựng hệ thống chặn nước thải nhưng chưa tách nước thải hoàn toàn nên vẫn tiếp nhận một phần nước thải chảy vào hồ, gây nên hiện tượng tái ô nhiễm nước; Thứ hai, thời tiết thay đổi dẫn tới thiếu oxy trong nước, hàm lượng DO thấp (DO là lượng oxy hòa tan trong nước cần thiết cho sự hô hấp của thủy sinh); Thứ ba, ý thức người dân kém, xả thẳng rác thải và xả thải trái phép vào hồ; Thứ tư, còn hiện tượng cho phép nuôi, thả cá kinh doanh làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường hồ.

Để khắc phục tình trạng ô nhiễm các hồ trên địa bàn TP, từ tháng 8/2016, UBND TP đã giao Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội thực hiện thử nghiệm xử lý ô nhiễm các



▲ Công nhân Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội thực hiện xử lý nước hồ bằng chế phẩm Redoxy-3C



hồ bằng chế phẩm Redoxy-3C của Đức. Đến nay, TP đã tiến hành thử nghiệm xử lý ô nhiễm thành công tại 3 hồ: Hồ Mễ, Giáp Bát, Ba Mẫu. Kết quả cho thấy, các chỉ tiêu ô nhiễm cơ bản tại các hồ đã đạt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt), nước hồ trong, không mùi, hết váng tảo, đã được hội đồng khoa học, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư ghi nhận và ủng hộ. Trong năm 2016, TP đã thực hiện xử lý ô nhiễm được 70 hồ trên địa bàn TP bằng công nghệ này. Ngoài ra, TP cũng triển khai nhiều giải pháp khác nhằm cải thiện tình trạng ô nhiễm hồ như tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm đối với hành vi xả thải của các đơn vị kinh doanh quanh hồ; lắp đặt trạm quan sát tự động, kiểm soát chất lượng nước tại một số hồ (Hoàn Kiếm, Hồ Tây); đẩy nhanh các dự án cải tạo hồ như hệ thống thoát nước, thu gom, tách nước thải vào các sông, hồ; tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT hồ...

Với quyết tâm giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm hồ Hà Nội, thời gian tới, TP sẽ tiếp tục nhân rộng việc xử lý toàn bộ các hồ trên địa bàn bằng chế phẩm Redoxy-3C của Đức. Đồng thời, tập trung triển khai nhiều giải pháp đồng bộ: Nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác giám sát và BVMT, cảnh quan hồ; Tìm kiếm các công nghệ tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của TP để xử lý ô nhiễm các hồ trên địa bàn; Duy trì chất lượng nước các hồ đã xử lý ô nhiễm nước thành công; Đẩy nhanh việc triển khai các dự án cải tạo hồ; Tập trung nguồn lực cho việc xử lý ô nhiễm nước sông, hồ từ nguồn ngân sách TP kết hợp với các nguồn vốn huy động khác.

HƯƠNG TRẦN

Hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại xã Tân Triều

PHẠM THỊ TỔ OANH

Liên minh HTX Việt Nam

HOÀNG VĂN HÙNG

Đại học Khoa học Tự nhiên



▲ Kiểm tra, giám sát xây dựng NTM tại xã Tân Triều

Tân Triều là xã ven đô thuộc huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Hiện xã có 29.256 nhân khẩu với 7.062 hộ, tổng số lao động toàn xã là 21.144 người. Do ở gần trung tâm thủ đô Hà Nội nên Tân Triều phát triển chủ yếu ngành nghề thủ công và dịch vụ thương mại. Cùng với sự phát triển kinh tế, Tân Triều đang phải đối mặt với những vấn đề ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân.

Trong những năm gần đây, các hoạt động giao thông và xây dựng trên địa bàn xã đã làm cho môi trường không khí trong khu dân cư bị ô nhiễm do bụi lơ lửng, tiếng ồn, hơi xăng; nước thải sinh hoạt và sản xuất từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, tái chế nhựa

chưa được thu gom và xử lý. Kết quả quan trắc cho thấy, nhiều chỉ tiêu trong nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép như các thông số TSS, BOD₅, COD, kim loại nặng, phenol, tổng dầu mỡ. Ngoài ra, các mẫu đất nông nghiệp trên địa bàn xã đều có nồng độ axit cao hơn quy chuẩn cho phép từ 1 - 2 lần, nguyên nhân là do nguồn nước tưới phục vụ sản xuất đã bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật.

Để nâng cao hiệu quả BVMT nông thôn, năm 2012, Đảng ủy xã đã ban hành Quyết định số 109 - QĐ/ĐU về việc thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) Chương trình Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới (NTM), từng bước nâng cao đời sống nông dân" giai đoạn 2010 - 2016. Đến nay, sau 4 năm



thực hiện, xã Tân Triều đang từng bước hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu về môi trường (tiêu chí 17/19) là tiêu chí khó thực hiện nhất trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

Đảng ủy - HĐND - UBND xã đã xây dựng Đề án phát triển NTM giai đoạn 2015-2020, trong đó đề ra mục tiêu, phấn đấu xây dựng xã Tân Triều cơ bản đạt 19 tiêu chí trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Triển khai thực hiện Đề án, UBND xã đã thành lập Tổ công tác giúp việc cho UBND xã trong công tác kiểm tra xử lý các vi phạm pháp luật BVMT, đồng thời chủ động phối hợp với ngành chức năng của huyện huy động nguồn lực đầu tư cho các công trình về môi trường như: Công trình cấp nước sạch nông thôn; xây dựng nghĩa trang nhân dân và xây dựng các khu chôn cất tập trung, bãi xử lý rác thải cho các xã; hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh; di chuyển chuồng nuôi nhốt gia súc, gia cầm ra xa khu dân cư.

Kết quả bước đầu cho thấy, cơ sở cơ bản đã đáp ứng yêu cầu, xã đã vận động nhân dân nâng cấp nhà ở, công trình vệ sinh phù hợp. Hiện trên địa bàn xã đã có 4 trạm cấp nước sạch, công suất thiết kế đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của nhân dân; 100% hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 90% hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, nhà vệ sinh, bể nước); 90% hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh. Hệ thống cống, rãnh đã được đầu tư xây dựng, với tổng kinh phí trên 68 tỷ đồng, đảm bảo việc tiêu thoát nước trong khu dân cư không còn tình trạng ngập úng cục bộ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước ngầm của địa phương.

Bên cạnh đó, toàn xã có 2 đội vệ sinh với 26 công nhân thực hiện thu gom và vận chuyển trên 90% lượng rác thải hàng ngày. Xã bố trí 2 điểm tập kết thu gom rác trên địa bàn, 1 điểm cho thôn Triều Khúc với diện tích 0,12 ha và 1 điểm cho thôn Yên Xá với diện tích 0,08 ha gần đường giao thông trục chính. Ngoài ra, UBND xã đã có quy hoạch các khu nghĩa trang và đài tưởng niệm.

Cùng với đó, xã đã tiến hành kiểm tra và xử lý trên 50 cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm trên địa bàn và tại khu cụm

sản xuất làng nghề. Qua quá trình kiểm tra, xử lý, nhiều cơ sở đã chấp hành nghiêm túc các chính sách, pháp luật về BVMT, khắc phục hậu quả hành vi gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, nhiều cơ sở chủ động chuyển đổi nghề nghiệp từ tái chế nhựa gây ô nhiễm môi trường sang kinh doanh dịch vụ... Tính đến nay, xã có 30/58 doanh nghiệp và 1.300/2.200 cơ sở sản xuất hoạt động trong các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

Trong quá trình xây dựng NTM, xã Tân Triều cũng gặp nhiều khó khăn. Nhiều công trình, dự án về xử lý chất thải chưa hoàn thành do vướng mắc về cơ chế chính sách, và cần nguồn vốn lớn. Bên cạnh đó, các điểm chôn rác của địa phương chưa được quy hoạch và đầu tư đồng bộ dẫn đến lượng rác thải không được vận chuyển kịp thời trong ngày làm mất mỹ quan đô thị và mất vệ sinh môi trường.

Để phần đầu hoàn thành các nội dung của tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM, trong thời gian tới, UBND xã đã đề ra các giải pháp:

Công tác xây dựng NTM tiếp tục được đẩy mạnh, tăng cường công tác giám sát để đảm bảo việc thực hiện các tiêu chí môi trường; Vận động nhân dân tích cực tham gia đóng góp các nguồn lực để thực hiện tốt công tác duy tu, cải tạo đường làng ngõ xóm, các công trình hạ tầng của địa phương; Thực hiện tốt công tác khen thưởng, biểu dương kịp thời các điển hình tiên tiến trong việc thực hiện

công tác xây dựng NTM, tạo động lực để phong trào xây dựng NTM đạt hiệu quả thiết thực.

Cùng với đó, kết hợp chương trình xây dựng NTM với phong trào xây dựng làng văn hóa; Tăng cường quản lý và trồng cây xanh trên các trục đường giao thông, khu vui chơi công cộng nhằm giảm thiểu tiếng ồn, bụi và điều hòa không khí xung quanh; Quy hoạch mở rộng hệ thống giao thông giảm thiểu ùn tắc và ô nhiễm không khí; Tăng cường công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ các cơ sở kinh doanh buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; Thành lập các nhóm, tổ, đội vệ sinh môi trường tự quản tại địa phương. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị như xe đẩy, trang phục bảo hộ... và thùng rác công cộng đặt tại vỉa hè của các tuyến đường giao thông chính, vị trí công cộng trong khu dân cư; Từng bước quy hoạch xây dựng cải tạo nghĩa trang hiện có, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia tổ chức tang lễ tiết kiệm, đảm bảo vệ sinh môi trường...

Đối với các dự án thu hồi đất, tiến hành xây dựng phải thực hiện nghiêm túc Luật BVMT, tuân thủ trình tự thẩm định theo các Nghị định và Thông tư về BVMT; Thường xuyên tuyên truyền tác hại của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe con người và phổ biến rộng rãi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM; Tổ chức phát động BVMT vào các ngày lễ lớn như: Ngày Môi trường thế giới, Quốc khánh, Tết Nguyên đán...■



Quản lý và giám sát các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

TẠ KIỀU ANH

*Cục Bảo tồn đa dạng sinh học
Tổng cục Môi trường*

Quảng Trị nằm ở vùng Bắc Trung bộ với diện tích có rừng là 242.240 ha (rừng tự nhiên 141.499 ha; rừng trồng 100.741 ha), độ che phủ đạt 49,5% và có hệ sinh thái đa dạng với nhiều loài động vật hoang dã (ĐVHD) quý hiếm có trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới như gà lôi lam mào trắng, voọc Hà Tĩnh, sao la, mang lớn, thỏ vằn...

Quảng Trị có tuyến đường xuyên Á nối Việt Nam - Lào - Thái Lan và Myanmar thông qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, cửa khẩu La Lay, cùng với hai tuyến đường Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh thuận lợi cho việc giao lưu, buôn bán, trao đổi hàng hóa. Chính yếu tố này đã tạo cho Quảng Trị trở thành điểm sản bắt, trung chuyển buôn bán, vận chuyển trái pháp luật nhiều loài động thực vật hoang dã nội địa Việt Nam cũng như từ các nước Đông Nam Á sang Trung Quốc và các quốc gia khác.

KIỂM SOÁT VIỆC BUÔN BÁN, VẬN CHUYỂN ĐVHD

Bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) là một trong những nhiệm vụ quan trọng của lực lượng kiểm lâm cũng như các cơ quan chức năng địa phương trong xây dựng phương án đấu tranh, ngăn chặn hoạt động buôn bán trái phép ĐVHD cũng như tăng cường kiểm tra, giám sát tại các cơ sở gây nuôi các loài ĐVHD. Các vụ việc vi phạm liên quan đến ĐVHD bị bắt giữ đều được xử lý nghiêm minh, kịp thời nên đã từng bước hạn chế khai thác, buôn bán, sản xuất trái phép.

Theo Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Trị, trong 5 năm qua, các lực lượng chức năng đã bắt giữ 47 vụ vi phạm, tịch thu 5.042,7 kg ĐVHD, trong đó có 638,7 kg động vật quý hiếm và 458 kg sản phẩm từ ĐVHD (da, thịt, sừng...). Trong các



▲ Thả động vật hoang dã bị buôn bán trái phép về môi trường tự nhiên

vụ vi phạm đã có một số vụ được xử lý nghiêm minh như vụ vận chuyển 26 cá thể rắn hổ mang từ TP. Hồ Chí Minh đi Hà Nội, trọng lượng 79 kg thuộc nhóm IB. Qua điều tra, số ĐVHD trên không có hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp nên đã bị xử phạt 150 triệu đồng và tịch thu số ĐVHD thả về môi trường tự nhiên. Đối với vụ vận chuyển ĐVHD và sản phẩm từ ĐVHD từ Lào về Việt Nam, 4 đối tượng đã bị xử phạt hình sự về tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý hiếm theo Điều 190 Bộ luật Hình sự với tổng mức phạt tù của 4 bị cáo là 48 tháng tù cho hưởng án treo.

Tuy nhiên trong quá trình áp dụng luật vẫn gặp những khó khăn do vấn đề bảo vệ ĐVHD có nhiều quy định thiếu hợp lý hoặc nằm rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác nhau. Cụ thể như Nghị định số 157/2013/

NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản giao thẩm quyền xử phạt cho nhiều cơ quan, dẫn đến việc không thống nhất trong quản lý, xử phạt. Bên cạnh đó, các tội phạm về ĐVHD quy định khung hình phạt của Bộ luật Hình sự thấp và chưa hợp lý. Các bị cáo chủ yếu thường chỉ bị phạt tù cho hưởng án treo nên tính giáo dục răn đe chưa cao. Nhiều sản phẩm bị cấm buôn bán trên thị trường như ngà voi, sừng tê giác... không có khung định giá dẫn đến không thể xử lý.

QUẢN LÝ CƠ SỞ GÂY NUÔI VÀ KHAI THÁC ĐVHD

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 27 cơ sở được cấp giấy chứng nhận gây nuôi ĐVHD với tổng số 6.214 cá thể, trong đó loài quý hiếm có 4.978 cá thể và loài thông thường có 1.236



▲ Lực lượng kiểm lâm kiểm tra các cơ sở gây nuôi gấu

cá thể. Trong thời gian qua, cơ quan kiểm lâm địa phương thường xuyên hướng dẫn các cơ sở, trại gây nuôi ĐVHD đăng ký cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận nuôi sinh trưởng ĐVHD cũng như chủ động phối hợp với các cơ quan, chính quyền xã trong việc kiểm tra, kiểm soát tình hình mua bán, sản xuất, nuôi nhốt trái phép ĐVHD trên địa bàn. Ngoài việc hướng dẫn cơ sở nuôi thực hiện các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, Chi cục Kiểm lâm yêu cầu các cơ sở gây nuôi phải xây dựng phương án gây nuôi, trong đó phải được chính quyền xã đồng ý, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường... kèm theo các thủ tục khác để được cấp phép gây nuôi.

Tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập như các cơ sở nuôi sinh trưởng gặp khó khăn do thiếu am hiểu về quy trình kỹ thuật gây nuôi, phòng trừ dịch bệnh, thị trường và giá cả đầu ra không ổn định; Việc quản lý cơ sở gây nuôi ĐVHD thông thường theo quy định thì hộ gia đình, cá nhân, tổ chức nuôi chỉ thông báo đến UBND xã nên cơ quan kiểm lâm khó giám sát nguồn gốc ban đầu của động vật gây nuôi... Thực tế trong quá trình thực thi công vụ, kiểm lâm đi vào

rừng kiểm tra, phát hiện nhiều dấu hiệu của việc sản xuất trái phép ĐVHD như đặt bẫy bắt ĐVHD; địa hình phức tạp, thủ đoạn vận chuyển tinh vi..

Trong công tác kiểm tra và xử lý vi phạm về ĐVHD tại các trang trại, hàng tháng lực lượng kiểm lâm địa bàn đến cơ sở nuôi để kiểm tra sổ theo dõi, cập nhật, thống kê báo cáo tình hình về số lượng loài, cá thể ĐVHD gây nuôi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nhiều cơ sở vi phạm thường cất giấu ĐVHD gây khó khăn trong quá trình kiểm tra. Trong khi đó, các cán bộ kiểm lâm muốn khám nhà lại cần phối hợp với các cơ quan liên quan và phải có lệnh... Các cán bộ kiểm lâm thường không có cơ sở pháp lý để phân biệt giữa loài gây nuôi và loài có nguồn gốc hoang dã. Vì vậy, kiểm soát trại nuôi đang gặp khó khăn và đây cũng là kẽ hở để các đối tượng lợi dụng nhập khẩu ĐVHD vào các trang trại.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIẢN TỚI

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia tố cáo, tố giác các đối tượng mua bán, nuôi nhốt, vận chuyển... và giáo dục nhân dân nói không với việc sử dụng, gây nuôi trái phép ĐVHD, nhất là loài nguy cấp, quý hiếm.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm và sự phối hợp của các cơ quan chức năng và chính quyền các cấp trong việc bảo vệ, bảo tồn ĐVHD, quý hiếm. Thường xuyên tuần tra, kiểm soát các tuyến đường, các khu rừng để ngăn chặn tình trạng săn bắn, bẫy bắt. Quản lý việc kinh doanh, vận chuyển ĐVHD hoặc sản phẩm của chúng theo đúng quy định pháp luật.

Tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động gây nuôi ĐVHD như các trang trại phải được kiểm tra định kỳ, lưu giữ hồ sơ, tránh tình trạng lợi dụng các trại nuôi để trà trộn, buôn bán, vận chuyển bất hợp pháp.

Tăng cường năng lực cho các cơ quan thực thi pháp luật; xử lý kịp thời, đúng quy định nghiêm minh đối với các vụ việc vi phạm nhằm giáo dục răn đe. Đồng thời triển khai các chương trình tập huấn, cung cấp các thiết bị cần thiết, xây dựng và phát triển mạng lưới cung cấp thông tin, lưu trữ số liệu...

Tranh thủ sự quan tâm, giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các đơn vị nghiên cứu khoa học về bảo tồn ĐVHD trong việc kiểm soát việc buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ ĐVHD trên địa bàn tỉnh■



Giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học tại tỉnh Điện Biên

ĐIỀU MỘNG HẢI

Chi cục BVMT tỉnh Điện Biên

Điện Biên là tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Tây Bắc Việt Nam, với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Tỉnh có tổng diện tích tự nhiên 956.290 ha, trong đó diện tích rừng là 760.449,82 ha, chiếm 79,5% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh, độ che phủ rừng đạt 41,12%. Bên cạnh những giá trị về đa dạng sinh học (ĐDSH), các khu rừng nơi đây còn đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng hộ đầu nguồn.

HIỆN TRẠNG HỆ ĐỘNG, THỰC VẬT RỪNG

Theo báo cáo của Sở NN&PTNT tỉnh Điện Biên, trên địa bàn tỉnh có các hệ sinh thái (HST) như rừng; cây bụi, tre, nứa; trảng cỏ.... HST rừng có 948 loài thực vật, trong đó cây gỗ là 279 loài (chiếm 29,4% tổng số các loài). Hiện có 41 loài thực vật được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ - IUCN. HST cây bụi, tre nứa có thành phần loài thực vật khá phong phú, với 405 loài, trong đó có 3 loài quý hiếm là kim cang nhiều tán, kim cang petelo và hà thủ ô đỏ. HST trảng cỏ có 259 loài, ở dạng thứ sinh hình thành sau cháy rừng, đốt nương rẫy hoặc đốt các trảng cỏ vào mùa khô. Các loài cỏ chính đều thuộc họ hòa thảo như cỏ tranh, lau, trấu, đốt...

Bên cạnh đó, hệ động vật cũng đa dạng, bao gồm 4 lớp: Thú, chim, bò sát và ếch, nhái. Lớp thú có 55 loài, thuộc 8 bộ, 22 họ, 41 giống. Lớp chim có 188 loài, thuộc 15 bộ, 43 họ, 133 giống; Lớp bò sát có 38 loài, thuộc 2 bộ, 12 họ, 31 giống. Lớp ếch nhái có 14 loài, thuộc 1 bộ, 4 họ, 9 giống. Ngoài ra, Điện Biên còn có nhiều loài thủy sinh vật, với 174 loài tảo mắt, lục, silic, giáp, vàng...; 79 loài thuộc các nhóm trùng bánh xe, giáp xác râu ngành, xác chân chèo. Đặc biệt, cá có 175 loài thuộc 16 họ, trong đó có loài cá măng được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007).

MỘT SỐ THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN ĐDSH

Trong những năm gần đây, dân số trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, cùng với quá trình di cư



▲ Tổ chức các hoạt động tuần tra, giám sát, bảo vệ rừng

tự do đã dẫn tới tình trạng đốt, phá rừng làm nương; chuyển đổi đất rừng tự nhiên thành đất sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp, khai thác khoáng sản, xây dựng hồ thủy lợi, thủy điện, đã phá vỡ HST và sinh cảnh tự nhiên... làm cho ĐDSH bị suy giảm cả về số lượng và chất lượng. Nhiều loài thực vật, động vật quý, hiếm như: pơ mu, thông tre, sao mặt quỷ, trầm hương, gấu, linh trưởng, niệc cổ hung... đứng trước nguy cơ bị "xóa sổ".

Công tác bảo tồn ĐDSH vẫn còn một số hạn chế, bất cập như: Hệ thống văn bản, chính sách, hướng dẫn về ĐDSH (Luật thủy sản, Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật BVMT, Luật Đa dạng sinh học)... có sự chồng chéo. Đội ngũ cán bộ có chuyên môn về bảo tồn ĐDSH còn thiếu, chủ yếu là kiêm nhiệm do đó việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án về ĐDSH còn hạn chế.

Ngoài ra, người dân sống tại vùng đệm khu bảo tồn phần lớn là đồng bào dân tộc

thiểu số, đời sống còn nghèo, chủ yếu dựa vào việc khai thác, tài nguyên rừng; trình độ và nhận thức còn hạn chế nên việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc tham gia các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, ĐDSH gặp nhiều khó khăn. Nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, chưa đáp ứng đủ cho hoạt động nghiên cứu, bảo tồn và phát triển các loài, nguồn gen; nhu cầu đầu tư trang thiết bị cho phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng chưa được đáp ứng kịp thời.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên, các cấp chính quyền tỉnh Điện Biên đã lồng ghép công tác bảo tồn ĐDSH vào Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Nhận thức của người dân về BVMT được nâng cao; Diện tích rừng đã được bảo vệ, chất lượng rừng ở nhiều nơi đang tăng lên; nhiều loài động, thực vật quý hiếm, có giá trị cao đã được bảo vệ, gây nuôi... Bên cạnh đó, tỉnh đã



▲ Cán bộ Ban Quản lý Khu BTTN Mường Nhé kiểm tra diện tích rừng tại xã Sín Thầu

phê duyệt 9 dự án bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn 9 huyện, thị xã, TP (riêng huyện Nậm Pồ mới thành lập nên hiện đang xây dựng), làm cơ sở để thực hiện các hoạt động trồng rừng, bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh cũng triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng cho 157.928,95 ha diện tích rừng, đạt 50,7% (tính đến tháng 4/2015).

Cùng với đó, nhiều chính sách, văn bản về bảo tồn ĐDSH đã được UBND tỉnh ban hành như: Quyết định số 593/QĐ-UBND phê duyệt Dự án quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé; Kế hoạch hành động bảo tồn ĐDSH tỉnh Điện Biên đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 837/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý Rừng Di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng trực thuộc Sở NN&PTNT tỉnh Điện Biên...

GIẢI PHÁP BẢO TỒN ĐDSH TRONG THỜI GIAN TỚI

Kế hoạch bảo vệ ĐDSH tỉnh Điện Biên giai đoạn 2015 - 2020 đã đề ra một số mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về ĐDSH; Bảo tồn và phát triển sự phong phú của HST tự nhiên, quan trọng trên địa bàn tỉnh; BVMT sống tự nhiên của các loài hoang dã và cảnh quan môi trường; Nâng cao công tác quản lý và phát triển, chăm sóc, nhân giống các loài cây trồng, vật nuôi có giá

trị lưu giữ, các loài đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, cảnh quan bị suy thoái nhằm bảo tồn bền vững ĐDSH, đa dạng nguồn gen; Nâng cao độ che phủ rừng, góp phần BVMT, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững. Để thực hiện mục tiêu trên, tỉnh cũng đề ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác bảo tồn ĐDSH:

Huy động nguồn ngân sách từ Trung ương, địa phương triển khai các dự án thành phần trong Quy hoạch bảo tồn ĐDSH tỉnh Điện Biên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt; Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển vùng đệm, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng...

Đào tạo nguồn nhân lực, ưu tiên tuyển dụng những cán bộ được đào tạo chính quy, có năng lực, kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo tồn rừng, giám sát ĐDSH; khuyến khích học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý.

Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH thông qua giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng và chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên; Thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu cơ bản khu hệ động, thực vật trong khu bảo tồn để đánh giá mức độ ĐDSH, chú trọng đến các loài quan trọng có tính chất chỉ thị, các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng theo Sách đỏ Việt Nam, Danh lục đỏ thế giới.

Áp dụng khoa học công nghệ trong việc cải tạo rừng tự nhiên, trồng rừng bằng cây bản địa; tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Triển khai phương thức bảo tồn chuyển chỗ, hình thành hệ thống vườn thực vật, vườn ươm, vườn động vật để bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu có nguy cơ tuyệt chủng đã được xác định của từng khu bảo tồn trong tỉnh. Khai thác tiềm năng du lịch của các khu bảo tồn nhằm phát triển du lịch sinh thái gắn với sinh kế của người dân vùng đệm, nâng cao đời sống cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn ĐDSH.

Tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ rừng và bảo tồn ĐDSH cho cán bộ, người dân sống trong vùng đệm khu bảo tồn; đưa công tác giáo dục bảo tồn vào các trường học trên địa bàn; Chi cục Kiểm lâm tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, các lực lượng vũ trang trên địa bàn trong công tác tuần tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, làm suy giảm ĐDSH■



CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN AN MỸ:

Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường trong sản xuất, kinh doanh

Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản An Mỹ (Anmyfishco) nằm trong cụm công nghiệp (CCN) Phú Hòa (Thoại Sơn, An Giang) kinh doanh trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản với sản phẩm chính là cá tra, ba sa, rô phi và một số loại thủy, hải sản đông lạnh khác. Thị trường xuất khẩu của Công ty là các nước trong Liên minh châu Âu (EU), châu Á, châu Mỹ, châu Úc và Trung Đông.

Trong thời gian qua, Công ty đã tập trung phát triển nguồn nhân lực với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm và hơn 1.000 công nhân lành nghề. Trang thiết bị, máy móc, công nghệ được nhập khẩu từ các nước EU, Nhật Bản, trong đó, kho lạnh hiện đại với sức chứa hơn 4.000 tấn. Nhằm chủ động và đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu, Công ty đã đầu tư nhiều vùng nuôi cá sạch tại địa phương và một số tỉnh lân cận (cung cấp khoảng 70% nguyên liệu cho Nhà máy). Ngoài ra, Công ty còn ký hợp đồng với các hộ nuôi cá tra, cá ba sa đáp ứng nhu cầu thị trường. Quá trình nuôi tuân thủ nghiêm túc điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm soát chặt chẽ từ nguồn giống, thức ăn, nước đến các khâu xử lý môi trường, nuôi gia công nguyên liệu... Vì vậy, sản phẩm của Công ty luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về nuôi trồng, chế biến thủy sản như hệ thống quản lý chất lượng mang tính phòng ngừa nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm thông qua việc phân tích mối nguy và thực hiện các biện pháp kiểm soát tại điểm tới hạn (HACCP); Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO); Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt, đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn cho sản xuất (GMP); Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS, BRC, ASC)...

Thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT, Công ty thường xuyên vệ sinh phân xưởng, khuôn viên Nhà máy; Theo dõi, kiểm tra, bảo trì, nâng



▲ Công ty Anmyfishco

cấp máy móc, thiết bị, hạn chế tiếng ồn; Thực hiện tốt công tác an toàn lao động và phòng chống cháy nổ theo quy định. Đồng thời, liên hệ với các cơ sở thu mua phụ phẩm tồn đọng làm thức ăn gia súc, nhằm giảm mùi hôi. Lượng nước thải sản xuất tại Nhà máy chế biến của Công ty là 500 m³/ngày, đêm, được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải (XLNT), công suất 600 m³/ngày, đêm. Nước thải sau xử lý đạt loại A trước khi thải ra môi trường. Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn có lắng lọc kết hợp xử lý sinh học trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của CCN.

Đối với chất thải rắn (CTR) trong sản xuất, được phân loại tại chỗ và bán cho các thương lái. CTR sinh hoạt được Công ty ký hợp đồng với Ban công trình công cộng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển về bãi rác tập trung của thị trấn

Núi Sập. Chất thải nguy hại chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, nhớt máy lạnh, giẻ lau... được phân loại, lưu giữ tại kho chứa riêng biệt và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý. Riêng bùn thải, Công ty đầu tư xây dựng hầm chứa biogas và thường xuyên kiểm tra, giám sát để có phương án khắc phục kịp thời khi có sự cố.

Ngoài ra, Công ty phối hợp với Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật tài nguyên - môi trường định kỳ 4 lần/năm lấy mẫu giám sát các thông số ô nhiễm môi trường như không khí, nước mặt, nước thải trong điều kiện thời tiết bình thường. Năm 2016, Trung tâm đã tiến hành lấy mẫu 2 đợt vào ngày 30/3/2016 (Quý I) và ngày 31/5/2016 (Quý II). Kết quả phân tích các mẫu về không khí cho thấy, các thông số bụi, CO, NO₂, SO₂ đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT; Thông



▲ Hệ thống XLNT với công suất 600 m³/ngày, đêm của Công ty

số H₂S có giá trị đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 06:2009/BTNMT; Thông số về tiếng ồn đều có giá trị trung bình đạt giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT và Quyết định số 3733:2002/BYT của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 5 nguyên tắc và 7 thông số vệ sinh lao động. Các thông số đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại kênh Rạch Giá - Long Xuyên như pH, SS, COD, BOD₅, N-NH₃, dầu mỡ tổng hợp và coliform đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn hiện hành khi so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Đối với nước thải, trước khi xử lý, hầu hết các thông số trong 2 Quý của năm 2016 đều vượt nhiều lần so với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp chế biến thủy sản QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột A). Tuy nhiên, sau khi cải tạo hệ thống XLNT, tất cả các thông số pH, SS, COD, BOD₅, tổng N, tổng P, N-NH₃, clo dư và coliform đều dưới ngưỡng cho phép theo QCVN 11-MT:2015/BTNMT.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục cải tạo hệ thống XLNT, thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của các bể xử lý. Đồng thời, kiến nghị Sở TN&MT mở các lớp tập huấn về công tác BVMT, để các doanh nghiệp trên địa bàn nói chung, Công ty nói riêng kịp thời nắm bắt và thực hiện tốt các quy phạm pháp luật cũng như những quy định, thủ tục mới liên quan đến vấn đề môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhằm đảm bảo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

GIA LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SUPE PHỐT PHÁT VÀ HÓA CHẤT LÂM THAO:

Áp dụng nhiều giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính

VĂN KHẮC MINH

Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao

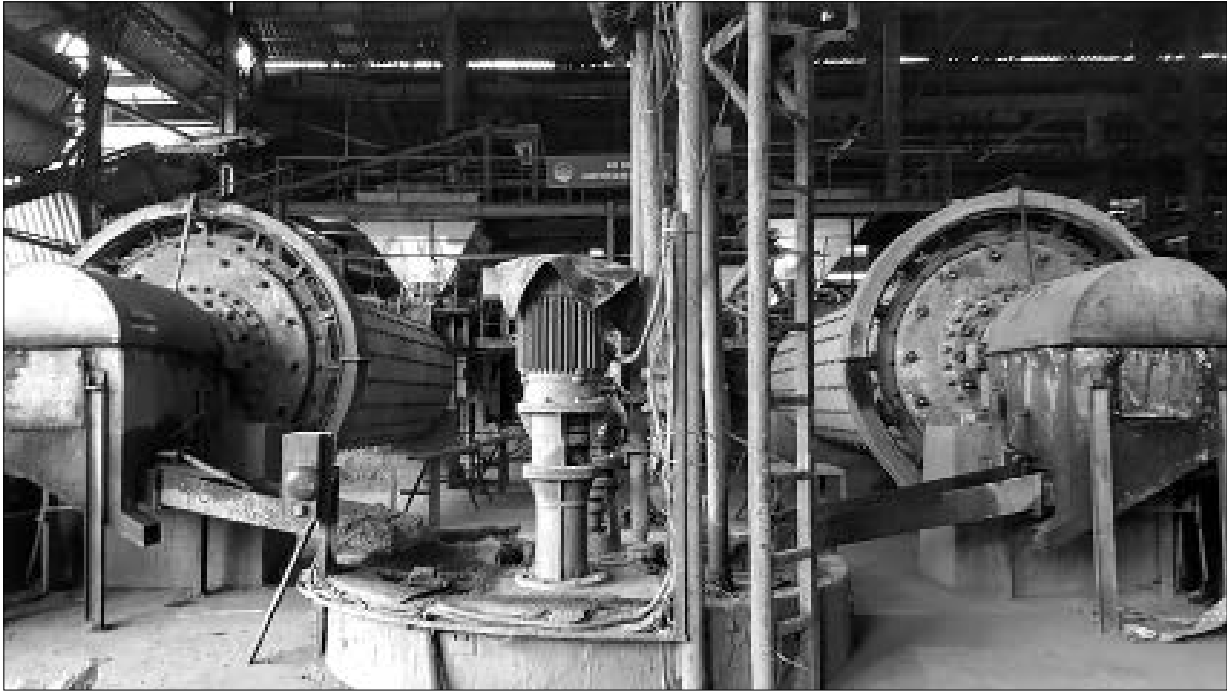
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao là đơn vị sản xuất phân bón và hóa chất lớn của Tập đoàn hóa chất Việt Nam, đóng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, bắt đầu đi vào sản xuất từ năm 1962. Qua nhiều giai đoạn đầu tư mở rộng, tăng công suất, hiện Công ty đã sản xuất được các sản phẩm: Axít H₂SO₄ công suất 280.000 tấn/năm; supe phốt phát đơn công suất 800.000 tấn/năm; phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm; phân N.P.K các loại công suất 730.000 tấn/năm); tổng công suất 1,8 triệu tấn phân bón/năm. 54 năm qua, Công ty đã cung cấp cho đồng ruộng Việt Nam 27 triệu tấn phân bón các loại, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và đưa nước ta trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 trên thế giới.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH) đang trở thành mối lo chung của toàn nhân loại, Công ty Cổ phần Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao luôn ý thức được trách nhiệm của mình với cộng đồng. Những năm qua, đặc biệt là 10 năm gần đây, Công ty đã, đang và tiếp tục triển khai áp dụng nhiều giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính (KNK), cụ thể: Trồng nhiều cây xanh, tiết kiệm điện, giảm tiêu hao điện năng cho mỗi tấn sản phẩm, đặc biệt là nghiên cứu và áp dụng các giải pháp kỹ thuật trong sản xuất để giải quyết vấn đề môi trường.

Từ năm 2006 và 2007, Công ty đã thay thế và sử dụng xúc tác V₂O₅ có hoạt tính cao và chuyển đổi công nghệ sản xuất axít H₂SO₄ hai dây chuyền Axít 1 và Axít 2 từ tiếp xúc đơn sang tiếp xúc kép hấp thụ 2 lần để giảm



▲ Trạm phát điện 3MWh từ nhiệt thừa được Công ty triển khai hiệu quả tiết kiệm điện và giảm phát thải KNK



▲ Công nghệ sản xuất supe lân theo phương pháp nghiền ướt

lượng chất thải khí thải SO_2 , SO_3 đáp ứng tiêu chuẩn môi trường.

Năm 2008, Công ty đã tiến hành triển khai dự án tận dụng hơi nhiệt thừa từ các dây chuyền sản xuất axit sunfuric xây dựng bộ phận phát điện với công suất 3MW/h góp phần sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm phát thải KNK quy đổi. Đồng thời, Công ty đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sản xuất và xử lý tuần hoàn nước thải 1.900 m³/h, với tổng kinh phí 47 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng nguồn nhiên liệu sinh khối: mùn cưa, dăm bào thải ra trong quá trình sản xuất chế biến gỗ thay cho việc đốt dầu FO và than để đốt lò lấy nhiệt sấy các sản phẩm phân bón, làm giảm phát thải khí SO_2 và KNK ra môi trường.

Năm 2009, Công ty nghiên cứu và triển khai thành công đề tài sản xuất supe lân đơn đi từ 100% quặng tuyển ẩm không sấy thay thế quặng nguyên khai sấy nghiền và quặng tuyển sấy tại dây chuyền Supe phốt phát số 2, tiết kiệm được khoảng 5.000 tấn than/năm; giảm định mức điện từ 22 KWh/tấn xuống còn 16 KWh/tấn sản phẩm, tiết kiệm được khoảng 2,4 triệu kwh/năm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường về bụi do không phải vận hành bộ phận sấy nghiền; giảm lượng phát thải KNK do không phải đốt than và lượng KNK quy đổi từ giảm tiêu hao điện năng.

Tháng 1/2013, chuyển đổi thành công công nghệ sản xuất supe lân theo phương

pháp nghiền ướt tại dây chuyền 1 - Xí nghiệp Supe phốt phát (quặng apatit không sấy và nghiền ướt tạo thành bùn 28% H_2O) thay thế cho công nghệ sấy khô nghiền mịn quặng apatit trước đây, tiết kiệm được 4.000 tấn than/năm, giảm định mức điện giảm từ 23 KWh/tấn xuống còn 18 KWh/tấn, tiết kiệm được khoảng 2 triệu kwh/năm; giảm thiểu ô nhiễm môi trường về bụi do không phải vận hành bộ phận sấy nghiền; giảm lượng phát thải KNK do không phải đốt than và lượng KNK quy đổi từ giảm tiêu hao điện năng.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp để góp phần hơn nữa trong việc giảm phát thải KNK và ứng phó với BĐKH. Triển khai áp dụng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001;

hệ thống quản lý môi trường ISO 14001; Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất axit sunfuric 300.000 tấn/năm thay thế cho 3 dây chuyền sản xuất axit sunfuric hiện có nhằm giảm định mức tiêu hao điện trong sản xuất, tận dụng tối đa nhiệt thừa của dây chuyền để phát điện đủ cho nhu cầu sản xuất toàn Công ty, không phải sử dụng điện lưới quốc gia. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu rà soát, áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm định mức tiêu hao điện, nước, nhiên liệu cho 1 tấn sản phẩm các loại...

Bên cạnh sự nỗ lực phấn đấu của đơn vị, rất mong được sự ủng hộ, tài trợ về khoa học công nghệ, vốn để Công ty có điều kiện thuận lợi phát triển xanh và bền vững, góp phần vào công cuộc giảm thiểu KNK, ứng phó với BĐKH■



Chính sách pháp luật chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu ở Việt Nam hiện nay

TS. BÙI ĐỨC HIỂN

Viện Nhà nước và Pháp luật

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, là một trong năm ổ bão của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thường xuyên phải đối mặt với nhiều loại hình thiên tai khốc liệt. Trong hơn 65 năm qua, thiên tai đã xảy ra ở hầu khắp các khu vực trên cả nước, gây nhiều tổn thất to lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội và tác động xấu đến môi trường. Trong 10 năm trở lại đây, trung bình hàng năm có tới 750 người chết và mất tích, thiệt hại về tài sản ước tính tương đương khoảng 1-1,5% GDP. Thêm vào đó, biến đổi khí hậu (BĐKH) toàn cầu đã và đang làm thiên tai ở nước ta có chiều hướng ngày càng phức tạp, gia tăng nhiều hơn so với những thập kỷ trước về cả quy mô cũng như chu kỳ lặp lại kèm theo những đợt biến khó lường. Bối cảnh đó cho thấy, việc nghiên cứu hoàn thiện chính sách pháp luật về chủ động ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu (GSKH) là rất cấp thiết và cần làm sáng tỏ.

BIỂU HIỆN VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH

Theo Ủy ban Liên chính phủ về BĐKH (UN IPCC, 2007): BĐKH là sự thay đổi trạng thái khí hậu có thể được nhận biết bằng các thay đổi giá trị trung bình hoặc sự biến thiên các đặc tính của nó, duy trì trong các thời gian kéo dài, theo tiêu chuẩn hàng thập kỷ hoặc dài hơn. Quan điểm khác cho rằng: BĐKH nhằm chỉ những thay đổi có xu thế dài hạn so với trạng thái khí hậu trung bình. Sự thay đổi thời tiết hiện tại biểu thị mối liên hệ chặt chẽ với các ảnh hưởng do hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển. Như vậy, BĐKH là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện

tượng khí tượng thủy văn cực đoan. Những năm vừa qua, BĐKH tác động ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại phát triển của con người và sinh vật, như: dịch bệnh, thiệt hại về kinh tế, giảm đa dạng sinh học, hủy diệt hệ sinh thái... Ví dụ: BĐKH khiến khu vực đồng bằng sông Cửu Long mấy năm gần đây thiếu nước ngọt trầm trọng, không còn mùa nước nổi, không có phù sa về bồi đắp dẫn tới nước biển xâm nhập sâu vào đất liền. Đặc biệt, BĐKH còn gây ra hiện tượng thời tiết cực đoan, bất thường, như: hiện tượng El Nino gây hạn hán kéo dài tại Ninh Thuận, Bình Thuận có những nơi hơn một năm không có mưa; hiện tượng LaNina bão lũ thường xuyên... gây thiệt hại lớn cho đời sống, sản xuất của người dân.

Do vậy, để ứng phó với BĐKH, có hai giải pháp: Giảm



▲ Hiện tượng xói lở do triều cường gây ra tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long



tác động của BĐKH đối với xã hội (thích ứng) và giảm tốc độ BĐKH xảy ra (giảm nhẹ).

Thích ứng nhằm chỉ hoạt động ứng phó với các hậu quả của BĐKH, mà chủ yếu là giảm nhẹ tình trạng dễ bị tổn thương đối với các ảnh hưởng của BĐKH (cần lưu ý rằng, thích ứng cũng có thể đề cập đến việc khai thác bất kỳ cơ hội lợi ích mà BĐKH có thể mang lại). Theo định nghĩa của Chương trình khung về vấn đề BĐKH của Liên hợp quốc (UNFCCC): “BĐKH là các bước thực tế để bảo vệ các quốc gia và các cộng đồng có thể bị phá vỡ hoặc bị thiệt hại do BĐKH”. Còn giảm nhẹ BĐKH là sự can thiệp của con người nhằm giảm nhẹ các nguồn phát thải khí nhà kính hoặc tăng cường các bể chứa nhà kính (UNFCCC). Các hoạt động nhằm giảm nhẹ BĐKH bằng cách giảm bớt lượng phát thải khí nhà kính - nguyên nhân gây nên sự nóng lên toàn cầu, được xem như là “giảm nhẹ BĐKH”. Ví dụ, về giảm nhẹ BĐKH bao gồm: sử dụng xăng dầu có nguồn gốc tự nhiên một cách hiệu quả hơn trong các hoạt động công nghiệp hoặc phát điện, hay chuyển sang sử dụng năng lượng mặt trời hoặc năng lượng gió, cải thiện lớp cách nhiệt trong các công trình xây dựng và mở rộng diện tích rừng và các bể chứa CO₂ khác để loại bỏ một lượng lớn cacbonic trong khí. Việc ứng phó hiệu quả với BĐKH sẽ góp phần làm giảm hiện tượng thời tiết cực đoan bất thường. Bên cạnh đó, cần phải chủ động ứng phó hiệu quả với thiên tai.

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ CHỦ ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI VÀ GSKH

Quan điểm, mục tiêu xây dựng xây dựng chính sách pháp luật về chủ động ứng phó với thiên tai và GSKH

Xuất phát từ thực trạng các hiện tượng thiên tai, thời tiết cực đoan ở Việt Nam diễn ra ngày càng nhiều và BĐKH ngày càng tác động gây thiệt hại nặng nề cả kinh tế, xã hội và môi trường. Do vậy, mục tiêu của chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và GSKH là phòng ngừa, hạn chế những tác động xấu của thiên tai, BĐKH đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người góp phần thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

Để thực hiện mục tiêu trên, quan điểm xây dựng và thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và GSKH đã được Đảng ta khẳng định tại Nghị quyết số 26 NQ/TƯ ngày 5/8/2008 của Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp

hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã nhấn mạnh: “nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; chủ động triển khai một bước các công trình giảm thiểu tác hại của BĐKH và nước biển dâng...”. Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 cũng khẳng định mục tiêu chung: “là huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả công tác PCTT từ nay đến năm 2020.”

Nguyên tắc và các yêu cầu đối với việc xây dựng thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và GSKH

Trong một nghiên cứu về thảm họa thiên nhiên công bố ngày 11/11/2013 (sau khi cơn bão Haiyan xảy ra), Giáo sư chuyên ngành khí tượng Kerry Emanuel - Viện Công nghệ Massachusetts của Mỹ nhận định, hầu hết các thảm họa thiên nhiên đều có sự “đóng góp” lớn của hai yếu tố, đó là con người và thiên nhiên. Trong khi đó, cùng với đặc điểm địa lý, nhà nghiên cứu Brian McNoldy đến từ Đại học Miami cho rằng hậu quả của hành động của con người “đóng góp” khoảng 80% vào các thảm họa thiên nhiên xảy ra trên thế giới. Do vậy, việc xây dựng, thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và GSKH ở Việt Nam được hiệu quả cần phải dựa trên nguyên tắc bảo đảm phát triển bền vững, coi trọng phòng ngừa thiên tai và giám sát chặt chẽ, hiệu quả BĐKH; nguyên tắc xã hội hóa các hoạt động ứng phó với thiên tai và GSKH; nguyên tắc bảo đảm quyền an toàn về tính mạng, sức khỏe của con

người; nguyên tắc hợp tác quốc tế và khu vực trong ứng phó với thiên tai và GSKH, nguyên tắc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại trong ứng phó thiên tai và GSKH.

Bên cạnh đó việc xây dựng, thực hiện chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và GSKH cần đáp ứng các yêu cầu sau:

Một là, xây dựng chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và GSKH cần đảm bảo tính hoàn thiện, tính công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ tiếp cận, chi phí thực hiện thấp;

Hai là, xây dựng chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và giám sát khí hậu cần hướng vào phòng ngừa, hạn chế các nguyên nhân gây ra thiên tai, BĐKH;

Ba là, chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và giám sát BĐKH phải đảm bảo tính dự báo, cảnh báo;

Bốn là, chính sách pháp luật về tính nhanh chóng, kịp thời;

Năm là, chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và giám sát BĐKH cần đảm bảo tính phòng ngừa rủi ro phát sinh;

Sáu là, chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và giám sát BĐKH cần đảm bảo tính cộng đồng trách nhiệm. Bên cạnh khẳng định trách nhiệm nhà nước, cần phát huy vai trò của cộng đồng, của các tổ chức xã hội, truyền thông trong ứng phó thiên tai và GSKH.

Bảy là, chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và giám sát BĐKH cần đảm bảo tính liên kết vùng, quốc gia, khu vực;

Tám là, chính sách pháp luật về ứng phó với thiên tai và giám sát BĐKH cần đảm bảo ứng phó với thiên tai và GSKH cần gắn vai trò của khoa học công nghệ■



Sản xuất và tiêu dùng bền vững

Trong thời gian qua, tăng trưởng kinh tế Việt Nam còn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Đặc biệt, tiêu hao nguyên liệu, năng lượng còn rất lớn. Việc khai thác và sử dụng tài nguyên chưa hợp lý và tiết kiệm, môi trường sinh thái nhiều nơi bị ô nhiễm nặng. Sản xuất công nghiệp với quy trình lạc hậu kéo theo tỷ suất phát thải cao. Theo đánh giá của Bộ TN&MT, chi phí tài nguyên và mức phát thải trung bình của các doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung cao hơn so với mức trung bình của khu vực và thế giới. Mức sử dụng nước ở nhiều ngành công nghiệp là rất cao và lãng phí. Chẳng hạn như ngành giấy: để sản xuất được một đơn vị sản phẩm đạt mức trên 500 m³/tấn giấy, gấp 5 lần so với chỉ tiêu trên thế giới (xấp xỉ 100 m³/tấn). Nước thải của ngành chế biến thực phẩm cũng cao gấp 3,4 lần so với chỉ tiêu trên thế giới. Bên cạnh đó, chi phí năng lượng cao phổ biến trong các ngành công nghiệp: ngành giấy tiêu hao 1.200 kwh và 1.500 kg than/tấn giấy tẩy trắng; ngành thép cần 700.000 kwh/tấn thép thô và 25 kwh/tấn gang tinh luyện.

Hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh sâu với việc lạm dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu đã dẫn đến độ phì của đất nông nghiệp tiếp tục giảm. Ngoài ra, kỹ thuật canh tác thiên về hóa chất và năng lượng hóa thạch đã làm ô nhiễm, xơ cứng đất dẫn đến nguy cơ sa mạc hóa.

Thực tế nước ta hiện nay, tiêu dùng bền vững còn chưa được quan tâm, các hoạt động triển khai còn hạn chế. Trong khi thói quen tiêu dùng bị chi phối bởi phong tục, tập quán và khả năng kinh tế. Với đà phát triển kinh tế mạnh mẽ trong hơn 10 năm qua, nhiều thói quen tiêu dùng, nhất là ở thế hệ trẻ, đã trở thành một trong những nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp khiến cho các nguồn tài nguyên bị khai thác và môi trường bị ô nhiễm, gây mất cân bằng sinh thái và phát triển không bền vững. Các hoạt động đã triển khai mới dừng ở nâng cao nhận thức cộng đồng trong sử dụng các sản phẩm sinh thái, túi nilông sinh thái, 3R và là những hoạt động đơn lẻ, chưa kết nối với nhau, phạm vi tác động chỉ trong khuôn khổ của một nhóm đối tượng hưởng thụ trực tiếp, vì vậy chưa có tính phổ biến và tính bền vững.



▲ Hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững được triển khai hiệu quả tại nhiều địa phương

Trước những thách thức nói trên, Việt Nam đã triển khai một số hoạt động liên quan đến hoạt động sản xuất và tiêu dùng bền vững như ký kết Tuyên ngôn quốc tế về Sản xuất sạch hơn vào năm 1999, ban hành Kế hoạch hành động quốc gia Sản xuất sạch hơn (SXSH) năm 2002, ban hành các chiến lược, quy định về SXSH trong công nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả... Các hoạt động sản xuất và tiêu dùng bền vững cũng được triển khai tại Việt Nam hơn 10 năm qua. Đến nay đã có trên 1.200 cơ sở sản xuất ở nhiều ngành và nhiều địa phương của Việt Nam đang thực hiện SXSH. Việc áp dụng phương thức SXSH vào thực tiễn là cách tốt nhất để tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm và tránh phát thải các chất ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sức khỏe cho con người và thúc đẩy sản xuất bền vững.

Bên cạnh đó, các hoạt động như: Xây dựng mô hình sản xuất bền vững trong công nghiệp, thiết kế sản phẩm bền

vững bước đầu cũng được thực hiện, tuy nhiên, trên thực tế, còn ở phạm vi hẹp, đa phần nhờ sự hỗ trợ của các dự án quốc tế.

Các chương trình liên quan đến sản phẩm xanh như Chương trình cấp Nhân sinh thái (Bộ TN&MT); Nhân tiết kiệm năng lượng (Bộ Công Thương); Nhân sinh thái cho ngành du lịch cũng được triển khai.

Để triển khai có hiệu quả hoạt động sản xuất và tiêu dùng bền vững, trong thời gian tới, Việt Nam cần có các chính sách cũng như các hành động cụ thể như: Xây dựng các chính sách cụ thể liên quan đến sản xuất và tiêu dùng bền vững; Nâng cao nhận thức của xã hội, cộng đồng đối với sản xuất và tiêu dùng bền vững; Tạo cơ chế thúc đẩy phát triển các công nghệ, dịch vụ và sản phẩm thân thiện môi trường; Cung cấp thông tin sản phẩm cho người tiêu dùng; Phát triển mua sắm xanh, trong đó đặc biệt lưu ý đến hoạt động mua sắm công, đây là nội dung quan trọng mà nhiều quốc gia trên thế giới đã triển khai hiệu quả.■

**TRẦN THỊ TUYẾT
TRẦN HỮU HẢI**



● Tăng cường ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh tại đồng bằng sông Cửu Long

Vừa qua, tại TP. Cần Thơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức Tập huấn “Tài chính cho biến đổi khí hậu (BĐKH) và tăng trưởng xanh (TTX) tại vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)”. Đây là hoạt động của Dự án “Hỗ trợ tăng cường năng lực, đổi mới thể chế thực hiện TTX và phát triển bền vững ở Việt Nam” (CIGG) do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Cơ quan Phát triển quốc tế Mỹ (USAID) tài trợ.

Trong những năm qua, Việt Nam đã nỗ lực thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống người dân. Đặc biệt, Chính phủ xác định ưu tiên trong lĩnh vực ứng phó với BĐKH và thực hiện tái cấu trúc kinh tế, với sự hỗ trợ tích cực của các nhà tài trợ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng tích cực phối hợp với Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT huy động nguồn lực, tập trung đầu tư cho các dự án cấp bách về BĐKH, đảm bảo sự cân bằng giữa thích ứng và giảm nhẹ.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã nghe Báo cáo quốc gia cập nhật năm 2016 về rà soát đầu tư và chỉ tiêu công cho BĐKH (CPEIR); Kết nối CPEIR với triển khai và theo dõi đầu tư cho BĐKH sắp tới. Đồng thời, các đại biểu đã chia nhóm thảo luận và thực hành về nhận dạng dự án đầu tư cho BĐKH và TTX; Xác định mức độ, tỷ lệ đầu tư với sự hướng dẫn của Chuyên gia kỹ thuật của Tổ chức hợp tác phát triển Đức (GIZ).

VŨ NHUNG



● Doanh nghiệp đẩy mạnh phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường

Ngày 12/12/2016, tại Vĩnh Phúc, Bộ TN&MT phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Diễn đàn Môi trường và Phát triển bền vững. Đây là cơ hội giao lưu, đối thoại giữa cơ quan quản lý về môi trường với các doanh nghiệp nhằm đưa ra giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế gắn với BVMT, hướng tới phát triển bền vững.

Hiện nay, quá trình hội nhập sâu rộng đã góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, đưa Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia; đồng thời tạo cơ hội tốt cho doanh nghiệp trong nước phát triển, mở rộng hợp tác kinh doanh và trở thành một bộ phận trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cũng gây ra những tác động tiêu cực về môi trường.

Tại Diễn đàn, các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và doanh nghiệp đã thảo luận và đưa ra giải pháp phù hợp thúc đẩy phát triển kinh tế song song với BVMT, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Đặc biệt, một số doanh nghiệp cho rằng, Nhà nước cần có quy định cụ thể về các vấn đề môi trường và công tác thanh tra, kiểm tra, tạo cơ chế phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển bền vững...

ĐỨC ANH

● Đầu tư Dự án Mục tiêu xã hội trong tăng trưởng xanh bền vững

Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược hành động quốc gia về TTX thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 với 3 mục tiêu cụ thể: Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với BĐKH; nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh.

Nhằm thực hiện các mục tiêu trên, mới đây, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Mục tiêu xã hội trong TTX bền vững ở Việt Nam”, sử dụng vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Đức. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ quản Dự án. Hạn mức vốn của Dự án là 3,8 triệu Euro, trong đó, vốn ODA không hoàn lại của Chính phủ Đức 3,6 triệu Euro.

Dự án gồm 3 hợp phần: Phương pháp và kỹ năng thực hiện đánh giá tác động xã hội (SIA); Quy trình và vai trò triển khai đánh giá tác động xã hội; Nhận thức về yếu tố xã hội trong TTX bền vững.

GIÁNG HƯƠNG



Quản lý các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính ở Việt Nam

NGUYỄN LANH, NGUYỄN THỊ THU HÀ, LƯU LÊ HƯỜNG

Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường

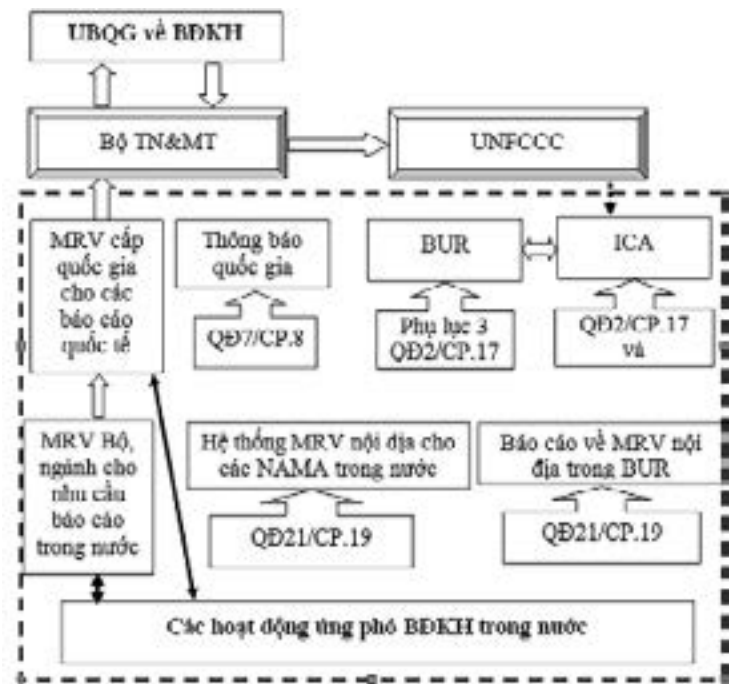
Việt Nam là một trong những quốc gia phải chịu những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu (BĐKH), đặc biệt là nước biển dâng. Nhằm ứng phó với BĐKH, tiến tới xây dựng nền kinh tế các bon thấp, Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC), góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu Trái đất và giữ cho nhiệt độ trung bình toàn cầu tăng không quá 2°C vào cuối thế kỷ 21 như cam kết trong Thỏa thuận Pari về BĐKH tại COP 21.

Sau khi Thỏa thuận Pari được thông qua, việc cắt giảm phát thải KNK trở thành hoạt động có tính cấp bách tại các quốc gia. Bên cạnh việc khuyến khích các quốc gia xây dựng và triển khai các hành động giảm nhẹ phát thải KNK, một trong những yêu cầu quan trọng mà các quốc gia cần đáp ứng khi công bố các báo cáo, cam kết giảm nhẹ là tính minh bạch của các hành động này, cụ thể là cần thể hiện rõ các thông tin và số liệu được công bố trong báo cáo quốc gia của mỗi nước về các nỗ lực giảm nhẹ phát thải KNK, có khả năng đo lường, báo cáo và thẩm tra (MRV).

HỆ THỐNG MRV

Do các nỗ lực giảm nhẹ phát thải KNK quốc gia đều là những nội dung cần có trong nhiều loại báo cáo quốc gia khác nhau nên theo UNFCCC, hoạt động đo đạc được đề cập tới từ trước tới nay chủ yếu về thực hiện kiểm kê KNK quốc gia để báo cáo trong Thông báo quốc gia và các Báo cáo cập nhật hai năm 1 lần đệ trình cho UNFCCC. Tại các Hội nghị các bên liên quan tại Cancun và Durban, đã quyết định “tăng cường” kiểm kê quốc gia KNK đối với các nước đang phát triển với chu kỳ tối thiểu 4 năm 1 lần. Ngoài ra, sẽ cần thêm báo cáo về hiệu quả và tiến độ xây dựng, thực hiện các hành động giảm nhẹ biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) cụ thể của mỗi quốc gia.

Cũng theo UNFCCC, có hai loại báo cáo được quy định: Thông báo quốc gia và Báo cáo cập nhật hai năm 1 lần (BUR). Các nội dung cần báo cáo đã được đề xuất trong Thỏa thuận



▲ Đề xuất sơ đồ tổ chức của hệ thống MRV quốc gia

Cancun và hoàn thiện ở Durban. Các quốc gia không thuộc Phụ lục I, hoặc các nước đang phát triển, được yêu cầu phải báo cáo hoạt động giảm nhẹ BĐKH trong Thông báo quốc gia và phải được nộp Báo cáo này bốn năm một lần. Bên cạnh các thông tin về kiểm kê quốc gia KNK, báo cáo này cần bao gồm các nội dung về: các hành động giảm thiểu KNK và tác động của chúng, các hỗ trợ nhận được. BUR là báo cáo cung cấp các thông tin cập nhật như đã nêu trong Thông báo quốc gia và bao gồm thông tin về các hành động giảm thiểu KNK, các nhu cầu và hỗ trợ nhận được. Mỗi quốc gia có thể tự nguyện báo cáo các NAMA của mình nhưng không bắt buộc.

Mặt khác, việc tư vấn và phân tích quốc tế (ICA) cho báo cáo BUR là cơ chế thẩm định các hành động giảm nhẹ KNK, các kết quả và tài trợ nhận được. Điều được nhấn mạnh là quá trình ICA cần “không gây phiền nhiễu, không có tính trừng phạt và tôn trọng chủ quyền quốc gia”. Mục đích của ICA là làm tăng tính minh bạch của các hành động giảm nhẹ cũng như tác động của chúng. Đợt tư vấn và phân tích ICA đầu tiên sẽ được thực hiện trong vòng 6 tháng sau khi quốc gia đệ trình báo cáo BUR. Mặc dù các phương thức và hướng dẫn về ICA đã được thông qua, thành phần chuyên gia và quy trình thực hiện sẽ được quyết định tùy theo trường hợp cụ thể.



Bên cạnh việc làm rõ MRV đối với các NAMA, quyết định được thông qua tại COP17 (Durban, Nam Phi) đã đưa vào vận hành hệ thống đăng ký NAMA để làm cơ sở cho quá trình hỗ trợ tài chính, phát triển năng lực và công nghệ cho các NAMA đang cần tìm tài trợ quốc tế. Mặc dù, không yêu cầu nhưng các bên được mời đệ trình cho Ban thư ký “các chỉ thị khác để thực hiện” các NAMA cần nhận tài trợ quốc tế, ví dụ như: các đồng lợi ích cho phát triển bền vững.

Như vậy, hệ thống MRV được thiết lập mới sẽ tăng tính minh bạch trong các báo cáo cho cộng đồng quốc tế và phù hợp với các hướng dẫn của Công ước BĐKH.

ĐỀ XUẤT HỆ THỐNG MRV CHO VIỆT NAM

Ở quy mô quốc tế, khung MRV cho các quốc gia không thuộc Phụ lục 1 bao gồm: Hướng dẫn lập báo cáo trong các Thông báo quốc gia và BUR; Hướng dẫn thiết lập hệ thống khung MRV trong nước; Quá trình xem xét, đánh giá các thông tin trong các BUR được đệ trình bởi các quốc gia không thuộc Phụ lục 1 thông qua ICA; Đối với các quốc gia không thuộc Phụ lục 1 tự nguyện thực hiện các hành động REDD⁺ và muốn có cơ hội được chi trả theo kết quả thì áp dụng hướng dẫn quốc tế về MRV cho các hành động REDD⁺.

Ở quy mô quốc gia, các Bên tham gia sẽ áp dụng các hướng dẫn quốc tế về khung MRV trong nước và soạn thảo, báo cáo các thông tin theo hướng dẫn về báo cáo thông qua các Thông báo quốc gia và BUR, bao gồm thông tin về phát thải/hấp thụ KNK, các hành động giảm nhẹ và hiệu quả của chúng, các hỗ trợ cần thiết, hỗ trợ nhận được.



▲ Trồng rừng và tái tạo rừng giúp TP. Hồ Chí Minh giảm nhẹ phát thải KNK, thích ứng BĐKH

Hệ thống MRV của Việt Nam cần được tổ chức gắn liền với cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp và sẽ là một hệ thống kiểm soát, theo dõi, giám sát thông tin, số liệu được cung cấp hoặc theo dõi trong một quá trình hoạt động cụ thể của đối tượng được quản lý. Các thông tin, số liệu quản lý trong hệ thống MRV cần gắn liền với quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan quản lý.

Trên cơ sở hướng dẫn của UNFCCC, đề xuất hệ thống MRV quốc gia của Việt Nam sẽ gồm hai cấp:

Cấp quốc gia: có trách nhiệm thực hiện các yêu

cầu MRV đối với các báo cáo quốc tế như: các nội dung liên quan đo đạc và báo cáo liên quan tới kiểm kê quốc gia KNK và các nỗ lực giảm nhẹ BĐKH trong nước trong các Thông báo quốc gia và BUR, và tham gia ICA đối với các báo cáo BUR.

Cấp Bộ, ngành: có trách nhiệm xây dựng các khung MRV nội địa dựa trên các hướng dẫn về MRV cho các NAMA do quốc gia tự tài trợ, quản lý thông tin về các nỗ lực giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện quốc gia (NAMA) và các tác động của chúng trong lĩnh vực phụ trách của Bộ, ngành và cung cấp thông tin cần thiết cho cấp quốc gia.

Như vậy, hệ thống MRV cấp quốc gia sẽ đặt tại cơ quan đầu mối quốc gia về BĐKH nhằm đảm nhiệm các nội dung liên quan trực tiếp về các báo cáo cho quốc tế. Các Bộ, ngành tùy theo quy mô và mức độ các hành động giảm nhẹ phát thải KNK trong lĩnh vực của mình mà xây dựng các bộ phận phụ trách về MRV, đồng thời điều hành các hoạt động giảm nhẹ KNK và cung cấp thông tin báo cáo cho cấp quốc gia■





Nhân rộng mô hình quản lý tài nguyên, môi trường biển dựa vào cộng đồng tại Quảng Ngãi

CAO VĂN KHIÊN

Ban quản lý Dự án Biển và Hải đảo Việt Nam

Quảng Ngãi có bờ biển dài 130 km, với hệ sinh thái biển phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do khai thác thiếu bền vững nên nguồn tài nguyên biển Quảng Ngãi bị suy giảm nghiêm trọng. Để tăng cường quản lý bảo vệ nguồn lợi biển, tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai mô hình quản lý TN&MT biển dựa vào cộng đồng, với việc thành lập Tổ tự quản tại các xã trên địa bàn. Mô hình đã mang lại hiệu quả cao trong bảo vệ nguồn lợi biển, cải thiện đời sống người dân, thúc đẩy cộng đồng dân cư cùng chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong việc quản lý tài nguyên và BVMT biển.

Theo Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Ngãi, nguồn lợi hải sản ven bờ bị suy giảm nghiêm trọng so với hơn 10 năm trước đây. Nguyên nhân là do khai thác quá mức các rạn san hô làm hòn non bộ, trang trí nhà cửa, đặc biệt là dùng thuốc nổ để đánh bắt hải sản, làm cho các rạn san hô bị phá hủy, thảm cỏ biển biến mất. Điều này đồng nghĩa với “ngôi nhà” của các loài cá, mực, ốc, không còn nơi sinh sống. Bên cạnh đó, người dân khai thác rong mơ một cách tận diệt, gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái biển. Ngoài ra, tình trạng phát triển nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch và không chú trọng đến biện pháp BVMT, đang gây cạn kiệt nguồn nước ngầm; phá hủy rừng ngập mặn và rừng phòng hộ; nước thải từ các khu công nghiệp, đô thị, nuôi trồng thủy sản, cảng cá chưa qua xử lý, thải trực tiếp ra các vùng cửa sông ven biển làm môi trường nước biển bị ô nhiễm...

Trước thực trạng trên, từ năm 2013, mô hình Tổ tự quản bảo vệ tài nguyên biển dựa vào cộng đồng đầu tiên được thành lập tại thôn Châu Thuận Biển, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn. Đến nay đã nhân rộng ra 26 xã ven biển trên địa bàn tỉnh. Mô hình Tổ tự quản bao gồm 10 - 30 người dân tham gia, với phương thức, hoạt động tự nguyện. Cơ cấu tổ chức gồm: Tổ



▲ Thành viên Tổ tự quản thôn Châu Thuận Biển phối hợp với Đoàn thanh niên, bộ đội địa phương thu gom rác, làm sạch bờ biển

trưởng; tổ phó và các thành viên đại diện Ủy ban MTTQ, Phụ nữ, Thanh niên, Cựu chiến binh, quần chúng nhân dân.

Sau khi được thành lập, Tổ tự quản lập kế hoạch tuyên truyền và nâng cao nhận thức BVMT cho người dân vùng ven biển, đồng thời phân công nhiệm vụ cho các tổ viên tuần tra, canh giữ bờ biển. Hàng tuần, Tổ tự quản tổ chức họp để phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ tài nguyên biển, hướng dẫn cách thức khai thác bền vững nguồn lợi biển cho người dân. Qua đó, người dân đã chấp hành nghiêm các quy định, không còn tình trạng khai thác thủy sản bằng thuốc nổ.

Tổ tự quản khoanh vùng những khu vực có rạn san hô cấm khai thác, nên nhiều loài cá quý hiếm đã xuất hiện trở lại như cá kình, cá chuồn, mực ống và các loài tôm, ốc... Các khu vực có rong mơ, Tổ

tự quản quy định thời gian khai thác hợp lý (hàng năm vào tháng 6-7), nên sản lượng đã tăng lên, tạo sinh kế bền vững cho người dân. Ngoài giá trị về kinh tế, loại rong này cũng có thể lọc nước làm cho nước biển sạch. Ngoài ra, Tổ tự quản còn tổ chức vệ sinh thường xuyên bờ biển, trả lại môi trường biển Xanh - Sạch - Đẹp. Hàng ngày, theo sự phân công của Tổ trưởng, các thành viên đến khu dân cư nhắc nhở, giám sát việc xả nước, thu gom rác thải nên tình trạng ô nhiễm môi trường giảm. Bên cạnh kết quả đạt được, các Tổ tự quản cũng gặp một số khó khăn do không có nguồn kinh phí hỗ trợ từ chính quyền, nên các thành viên phải tự huy động nguồn vốn. Đồng thời, trong quá trình hoạt động, các thành viên gặp phải sự cản trở, phản đối của một số người dân, gây mất đoàn kết.

Để Tổ tự quản hoạt động hiệu quả, trong thời gian tới,



chính quyền địa phương các xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã đề xuất trích một phần kinh phí, hỗ trợ các thành viên. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương sẽ phối hợp với Tổ tự quản tiến hành tập huấn, nâng cao công tác chuyên môn về bảo vệ, tái tạo nguồn giống hải sản; vận động người dân trồng rừng ngập mặn, không sử dụng các ngư cụ có tính hủy diệt.

Đồng thời, Tổ cũng xây dựng quy chế phối hợp với các Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân để bảo vệ hiệu quả nguồn lợi thủy sản; Có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ cộng đồng, áp dụng các sáng kiến trong nhân nuôi, tái tạo nguồn giống thủy sản. Các thành viên trong Tổ hợp tác với các tổ chức phi chính phủ thực hiện đề án, dự án bảo vệ, phục hồi và phát triển nguồn lợi thủy sản phục vụ phát triển nghề cá bền vững; Tăng cường học hỏi kinh nghiệm quản lý, bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản của các địa phương khác...

Như vậy, mô hình quản lý nguồn lợi biển dựa vào cộng đồng là một phương thức quản lý hiệu quả, cần được nhân rộng ra các địa phương ven biển trên cả nước. Thông qua mô hình này, cộng đồng dân cư ven biển được trao quyền kiểm soát trong việc quản lý tài nguyên và BVMT biển, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về quy chế dân chủ cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”■

Bảo tồn và phát triển những giá trị đa dạng sinh học ở đầm phá Tam Giang - Cầu Hai

MAI HỒNG QUÂN

Cục Môi trường miền Trung và Tây Nguyên

Là vùng đầm phá nước lợ lớn nhất Đông Nam Á, cách TP. Huế khoảng 12 km, phá Tam Giang - Cầu Hai có diện tích 22.000 ha với 3 hệ đầm kế tiếp nhau: Tam Giang, Đầm Sam - Thủy Tú và Cầu Hai. Đây là vùng đầm phá có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao ở cả ba cấp độ sinh thái, loài và nguồn gen, đồng thời có ý nghĩa quan trọng trong bảo tồn ĐDSH. Hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai có giá trị về kinh tế - xã hội, lịch sử - văn hóa, đặc biệt là sinh thái và môi trường. Mỗi năm, đầm phá cung cấp hàng nghìn tấn thủy sản, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của dân cư trong vùng.

GIÁ TRỊ ĐDSH HỆ ĐẦM PHÁ TAM GIANG - CẦU HAI

Do có tính đa dạng cao về sinh cảnh, sự biến động theo mùa và thường xuyên của chế độ thủy lý, thủy hóa... nên hệ sinh thái (HST) động vật đầm phá rất phong phú về thành phần loài, đặc biệt là động vật thủy sinh. Đến nay, đã xác định được 187 loài cá thuộc 110 giống, 66 họ và 17 bộ khác nhau ở đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Trong đó, bộ cá vược chiếm ưu thế tuyệt đối với 106 loài trong 35 họ; tiếp đến các bộ cá đối 14 loài; bộ cá chép 13 loài; bộ cá trích 10 loài; bộ cá chình 8 loài; bộ cá nheo và bộ cá nóc cùng 7 loài; bộ cá nhaoi và bộ cá bơn đều có 5 loài; bộ cá dền 4 loài; bộ cá mù làn có 2 loài; còn lại 6 bộ gồm cá đuối, cá cháo, cá thát lát, cá suốt, cá gai, lươn với mỗi bộ chỉ có 1 loài.

Thành phần loài chim cũng khá phong phú với 70 loài đã được ghi nhận, trong đó có 34 loài chim di cư, 36 loài chim định cư, 28 loài có giá trị kinh tế cao, 21 loài trong Danh lục chim bảo vệ nghiêm ngặt của Cộng

đồng châu Âu như diệc lửa, cò trắng, cò ruồi, ó cá, cắt lưng hung, chơi chơi sông, chơi chơi khoang cổ, choắt đốm đen, choắt bụng xám, choắt nhỏ, nhàn đen, bông chanh, nhạn bụng trắng, chia vôi vàng, chia vôi trắng... Nhờ có thảm thực vật đầm lầy gồm cỏ tranh, cỏ gà nước, lác, sú... nên chim nước tập trung với mật độ cao, tạo thành các sân chim tại cửa sông Ô Lâu, đầm Sam và cửa sông Đại Giang. Vào vụ đông xuân, số lượng chim lên tới 20.000 con, có lúc đàn ngỗng trời trên 500 con, đàn vịt trời trên 1.000 con và đàn sâm cầm tới 2.000 - 3.000 con.

Đối với hệ thực vật, đến nay, đã phát hiện gần 400 loài ở đầm phá, bao gồm 250 loài thực vật phù du, chủ yếu tảo silic, tảo giáp; 54 loài vi tảo đáy (chủ yếu tảo silic), 43 loài rong tảo, 18 loài thực vật thủy sinh (7 loài cỏ biển và 11 loài cỏ nước ngọt), 31 loài thực vật cạn. Phân bố sinh thái của các loài thực vật đã tạo nên các quần xã, trong đó quần xã cỏ nước có vai trò quan trọng nhất trong đầm phá. Trong HST đầm phá có nhiều sinh cảnh sinh sống và các tiểu HST như các vùng cửa sông nhỏ, bãi lầy cỏ, đầm lầy sú vẹt, bãi triều trong đầm phá, các thảm cỏ biển và thảm cỏ nước ngọt. Trong thảm cỏ biển và nước ngọt có những loài có ý nghĩa sinh thái là rong tóc tiên, rong đuôi chó, rong cám, cỏ xoan biển, cỏ nân biển, hải kim lá thông, hẹ biển, cỏ kim... Vùng đầm lầy sú vẹt có các loài đặc trưng như loài trang, vẹt dù, giá (trà mù), ngọc nữ biển và muống biển...

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO TỒN ĐDSH

Từ năm 2009, UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế đã ban hành Quyết định



số 2435/QĐ-UBND thành lập Khu bảo vệ thủy sản (KBVTS) Cồn Chìm trên đầm phá với mục đích khai thác và nuôi trồng thủy sản. Qua đó, các loài tôm, cá được bảo vệ, sinh sản và phát triển. Sau đó, các KBVTS quy mô nhỏ dựa vào cộng đồng đã được thành lập, phù hợp với chính sách của Chính phủ về quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH nói chung và bảo tồn đất ngập nước (ĐNN) nói riêng.

Tính đến năm 2015, trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai có 23 KBVTS với tổng diện tích bảo vệ nghiêm ngặt là 614,2 ha, chiếm khoảng 2,8% diện tích của đầm phá. Điều đáng nói là các KBVTS được thành lập với nguyên tắc không phát sinh đơn vị quản lý nhà nước, mà thuộc địa bàn hành chính của xã nào thì chịu sự quản lý của UBND cấp xã và cấp huyện đó. Về chuyên ngành, Sở NN&PTNT là đơn vị chịu trách nhiệm cấp tỉnh và Chi cục Thủy sản đảm nhận chức năng điều phối quản lý các KBVTS. Chi cục Thủy sản phối hợp với Phòng NN&PTNT các huyện, xã, thị trấn có KBVTS thực hiện quản lý, bảo vệ bãi giống, bãi đẻ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đồng thời huy động các tổ chức trong nước và quốc tế hỗ trợ triển khai các hoạt động nhằm phát triển hệ thống các KBVTS.

Sau khi thành lập, các KBVTS được cắm mốc giới, xác định trên thực địa và tổ chức tuyên truyền rộng rãi để cộng đồng chấp hành, phân định rõ không gian của các vùng bảo vệ. Các Chi hội nghề cá (CHNC) được giao quản lý KBVTS, đều thành lập các đội tuần tra; đồng thời xây dựng quy chế thực hiện. Đến cuối năm 2015, đã có 13 thuyền “kiểm ngư cộng đồng” được trang bị cho 13 Chi hội. Bên cạnh đó, tỉnh khuyến khích phát triển các nghề thân thiện với môi trường như nuôi rong câu để bảo tồn ĐDSH, BVMT, tạo sinh kế bền vững cho người dân. Đối với các hoạt động du lịch sinh thái trong các KBVTS, tỉnh cho phép các địa phương tổ chức khai thác khi có sự tham gia và giám sát của cộng đồng ngư dân địa phương...

Mặc dù, hệ thống quản lý các KBVTS đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng trong quá trình triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, thách thức như nguồn ngân sách cấp hàng năm còn hạn chế; nguồn nhân lực có chuyên môn và kỹ năng bảo tồn còn thiếu; quy hoạch các KBVTS không hợp lý; tình trạng khai thác trái phép ở KBVTS vẫn diễn ra, dẫn đến nguồn lợi thủy sản tự nhiên trong đầm phá cạn kiệt; chất lượng môi trường nước ngày càng bị ô nhiễm.



▲ Thành lập KBT ĐNN đầm phá Tam Giang - Cầu Hai là yêu cầu cấp thiết

CẦN THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN (KBT) ĐNN ĐẦM PHÁ TAM GIANG - CẦU HAI

Theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 8/1/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn ĐDSH trên cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã xác định KBT ĐNN Tam Giang - Cầu Hai là một trong những KBT ĐNN cấp quốc gia cần phải thành lập. Trong Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đến năm 2020” đã nêu rõ, cần tập trung đầu tư phát triển vùng ven biển, đầm phá Tam Giang - Cầu Hai trở thành vùng đặc thù kinh tế, đồng thời là khu dự trữ sinh quyển.

Để cụ thể hóa các chính sách đó, tháng 5/2016, UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế đã có chủ trương bảo tồn thí điểm giai đoạn đầu Dự án thành lập KBT ĐNN Tam Giang - Cầu Hai tại sông Ô Lâu với sự hỗ trợ của Bộ TN&MT thông qua Dự án Bảo tồn các khu ĐNN quan trọng và sinh cảnh liên kết, thực hiện tại Thái Bình và Thừa Thiên - Huế. Nếu KBT được thành lập thì 23 KBVTS đầm phá trở thành các vùng lõi vệ tinh của KBT. Tuy nhiên, vấn đề thách thức lớn nhất hiện nay là thành lập bộ máy quản lý KBT trong

bối cảnh Nhà nước đang có chủ trương tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp. Vì vậy, cần xây dựng một thiết chế mới về KBT, trong đó đặc biệt chú trọng cơ chế đồng quản lý KBT.

Bên cạnh đó, cần thiết lập một cơ chế tài chính lâu dài để duy trì hoạt động quản lý, chi phí mua sắm trang thiết bị, xây dựng mạng lưới bảo tồn... Nguyên tắc “người được hưởng lợi phải trả phí” cần được cụ thể hóa bằng chính sách; cơ chế chi trả dịch vụ HST cho vùng đầm phá, đồng thời nghiên cứu để có một nguồn thu độc lập cho công tác bảo tồn như phát triển mô hình du lịch sinh thái, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để kêu gọi các dự án tài trợ...

Cuối cùng, bảo vệ chất lượng môi trường nước là vấn đề sống còn không chỉ đối với ĐDSH, mà còn là vấn đề sinh kế của người dân sống phụ thuộc vào thủy sản trong khu vực đầm phá. Hiện nay, chất lượng môi trường nước của khu vực đầm phá ngày càng ô nhiễm. Nếu không có một kế hoạch tổng thể để bảo vệ nguồn nước thì sẽ gây ra những hậu quả nặng nề cho môi trường và cộng đồng. Do đó, việc thành lập KBT ĐNN đầm phá Tam Giang - Cầu Hai là yêu cầu cấp thiết hiện nay■



Đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu tại Gia Lai

NGUYỄN THỊ MINH HẠNH
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Gia Lai là một tỉnh thuộc Tây Nguyên, với diện tích đất tự nhiên lớn thứ 2 cả nước (1,5 triệu ha) có thế mạnh về phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Cà phê, hồ tiêu, cao su và nhiều loại cây trồng khác. Trong những năm gần đây, do sự tác động biến đổi khí hậu (BĐKH) làm thời tiết trở nên khắc nghiệt, thiên tai xảy ra thường xuyên, giảm năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân.

TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Do đặc điểm mùa khô kéo dài và lượng mưa ít (dưới 1.500 mm/năm) nên tại các khu vực thuộc phía tây tỉnh Gia Lai như Chư Prông, Krông Pa, Đắc Đoa, Chư Păh, Chư Sê luôn trong tình trạng thiếu nước thường xuyên, làm ảnh hưởng đến năng xuất các loại cây lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp dài ngày khác như lúa, cà phê, hồ tiêu... Riêng cà phê là một trong những cây công nghiệp trọng điểm của tỉnh, theo thống kê của Sở NN&PTNT tỉnh Gia Lai, năm 2014, đã có hơn 5.000 ha cây cà phê thiếu nước tưới do cạn kiệt nguồn nước. Trong đó, khoảng 3.000 ha cây cà phê đang thời kỳ ra hoa rụng bị hạn nặng. Còn tại phía đông của tỉnh, tình trạng nắng nóng cũng làm cho mực nước các công trình thủy lợi, ao, hồ, đập đều ở mức rất thấp, làm tổng diện tích bị thiệt hại của nông dân càng thêm nặng nề, với gần 4.800 ha cây trồng các loại bị chết. Chịu ảnh hưởng nặng nề nhất là hai huyện Kông Chro, Đắc Pơ, với ước tính thiệt hại do hạn hán ở Gia Lai đã lên tới 15 tỷ đồng.

Ngoài ra, do tác động của BĐKH cũng làm thay đổi trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đối với nhóm cây ngắn ngày như: Tăng diện tích trồng sắn, mía (các cây có khả năng chịu hạn) và giảm diện tích lạc, thuốc lá (các cây có nhu cầu nước tưới cao).... Mặt khác, BĐKH cũng làm gia tăng khả năng phát sinh dịch



▲ Mô hình canh tác cà phê bền vững tại huyện Chư Păh (Gia Lai)

bệnh, ảnh hưởng lớn năng suất, sản lượng và chất lượng nông sản.

Khí hậu khô nóng làm gia tăng diện tích rừng bị cháy, với diện tích trên 600.000 ha, Gia Lai là địa phương có diện tích rừng tự nhiên lớn nhất khu vực Tây Nguyên. Cháy rừng gây những tác động không nhỏ đến môi trường đất, nước và không khí. Đất không có sự che phủ của tán rừng và lớp thực bì sẽ làm mất đi lớp bảo vệ bề mặt, nguồn cung cấp dinh dưỡng và khi đó đất sẽ bị rửa trôi, xói mòn, sạt lở..., nhanh chóng bị thoái hóa bạc màu. Diện tích rừng bị mất đi dẫn tới khả năng điều tiết nguồn nước bị giảm. Như vậy, khi xảy ra mưa lớn rất dễ xảy ra tình trạng lũ quét khi ở điều kiện địa hình thích hợp, dẫn tới không có khả năng giữ nước và ảnh hưởng tới lượng nước bề mặt và nước ngầm, làm thay đổi đặc điểm thủy văn, gây ô nhiễm nguồn nước ở vùng thấp hơn.

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Trên cơ sở đánh giá năng lực thích ứng với BĐKH, tỉnh Gia Lai đã đề xuất các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững như: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn kết hợp với quy hoạch tổng thể vùng sản xuất cũng như vùng nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, nghiên cứu về các giải pháp canh tác tổng hợp cho từng loại cây trồng, trên từng vùng sinh thái theo hướng thích ứng với BĐKH, trước mắt ưu tiên tập trung nghiên cứu canh tác cà phê, hồ tiêu thích ứng với BĐKH. Sử dụng các giống kháng, chịu hạn (cà phê, lúa, ngô...), giống ra hoa nhiều lần (đối với cây điều), bộ giống cây lương thực, thực phẩm ngắn



ngày; bố trí thời vụ thích hợp để tránh hạn, lũ.

Cần chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng tăng diện tích trồng cây công nghiệp dài ngày có hiệu quả kinh tế cao và giảm diện tích đất trồng cây hàng năm kém hiệu quả. Đồng thời, chuyển dịch các diện tích cây ngắn ngày theo hướng tăng cường thâm canh cây lúa, nhất là lúa nước, mở rộng diện tích đối với các cây ngắn ngày chịu hạn, hình thành các vùng chuyên canh, chăn nuôi tập trung có sử dụng công nghệ cao để ứng phó với tác động của BĐKH đến sản xuất.

Đồng thời, tăng cường xây dựng các công trình thủy lợi, hệ thống tưới tiêu; trong quá trình canh tác cần thực hiện các biện pháp chống xói mòn, rửa trôi đất và thất thoát phân bón do sử dụng, bón phân không đúng cách, thiếu cân đối, làm giảm độ phì nhiêu của đất.

Áp dụng công nghệ tưới nước tiết kiệm và bón phân qua hệ thống tưới để giảm chi phí đầu tư, góp phần sử dụng nguồn tài nguyên nước hợp lý, BVMT sinh thái. Bón phân cân đối, hợp lý; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng cũng góp phần thiết thực trong việc giảm thiểu phát thải nhà kính, từ đó làm hạn chế sự tăng nhanh nhiệt độ Trái đất.

Tăng cường các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực trồng, chế biến nông sản sạch và bền vững; tăng cường công tác xúc tiến thương mại giúp cho nông dân và doanh nghiệp tìm kiếm thị trường.

Xây dựng các trạm thời tiết thông minh nhằm cung cấp thông tin về thời tiết nông nghiệp, cảnh báo các bệnh cây trồng, thiên tai... thông qua dịch vụ thông tin nông nghiệp thông minh thích ứng với BĐKH■

Bảo tồn và phát triển bền vững rừng tràm Trà Sư



▲ Hệ sinh thái ngập nước tại rừng tràm Trà Sư

Với diện tích 845 ha, rừng tràm Trà Sư thuộc 3 xã Văn Giáo, Ô Long Vỹ, Thới Sơn (huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang), nằm cách biên giới Việt Nam - Campuchia khoảng 10 km, cách sông Mê Công khoảng 15 km. Đây là hệ sinh thái rừng ngập nước được hình thành do xây dựng hệ thống đê bao phòng hộ đặc dụng của tỉnh An Giang, do chịu ảnh hưởng trực tiếp nước lũ sông Mê Công đổ về hàng năm. Do đó, rừng Trà Sư còn rất trẻ, đa số cây rừng có khoảng 10-15 năm tuổi, là nơi trú ngụ của các loài chim quý hiếm.

ĐA DẠNG SINH HỌC RỪNG TRÀM TRÀ SƯ

Rừng tràm Trà Sư nằm trong hệ thống các khu rừng đặc dụng của Việt Nam, được công nhận là khu bảo vệ cảnh quan năm 2005. Rừng có 4 kiểu quần thể xã thực vật: Thân gỗ ngập nước chua phèn (cây tràm) chiếm 85% diện tích và phân bố đều khắp khu vực; thân gỗ trên bờ kênh, rạch; thủy sinh trên kênh, rạch; cây thân thảo ngập nước trên

đất chua. Hệ thực vật ở rừng tràm Trà Sư cũng khá đa dạng với 140 loài, trong đó có 22 loài cây gỗ, 25 loài cây bụi, 10 loài dây leo, 70 loài cỏ, 13 loài thủy sinh. Nổi bật nhất là cây tràm và thảm bèo giăng kín mặt nước. Hệ động vật ở rừng tràm Trà Sư khá phong phú, với 70 loài chim thuộc 13 bộ và 31 họ, có 2 loài chim được ghi trong sách Đỏ Việt Nam, đó là cò lạo Ấn Độ và cò rằn (điên điên). Trà Sư còn có 11 loài thú thuộc 4 bộ, 6 họ. Các bộ có số loài nhiều nhất là dơi (15 loài), gặm nhấm (4 loài), trong đó có loài dơi chó tai ngắn quý hiếm được ghi vào sách Đỏ Việt Nam. Riêng bò sát, ếch nhái có tới 25 loài, thuộc 2 bộ, 10 họ. Ngoài ra, rừng còn có 140 loài cá, trong đó 10 loài cá xuất hiện quanh năm và 13 loài chỉ xuất hiện vào mùa lũ; 2 loài cá có giá trị khoa học và đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng, đó là cá còm và cá trê trắng.

TIỀM NĂNG DU LỊCH SINH THÁI

Sự đa dạng và phong phú về



tài nguyên khiến rừng trà Trà Sư trở thành điểm đến lý tưởng đối với các nhà nghiên cứu, những người đam mê khám phá thiên nhiên hoang dã. Mùa nước nổi là quãng thời gian thích hợp nhất để đến với rừng trà. Du khách đi thuyền xuyên rừng sẽ được ngắm cánh rừng xanh biếc, với những bông hoa trà nở trắng tinh khiết trong nắng sớm, hương trà thoảng đưa nhẹ nhàng. Ẩn trong làn nước trong xanh chứa nhiều loài thủy sinh, những chiếc lá lấm tấm màu tím lạ lẫm; những thân trà lắt lay bông trắng trong màn nước dập dờn; rừng sen lá xanh thắm, bông đỏ tươi khoe nở; khóm bông điên điển vàng rực rờn như đàn bướm... Vừa ngắm cảnh đẹp, du khách có thể hái các loại rau muống, rau dừa, điên điển...

Ở rừng trà Trà Sư, khoảng thời gian ấn tượng nhất là khi ánh nắng bắt đầu nhạt dần, thì cũng là lúc đàn chim bay về tổ. Từng bầy, từng bầy xuất hiện dày đặc khu rừng với sinh hoạt tự nhiên như không hề biết đến sự có mặt của con người. Cò trắng lấp ló sau

những cành cong; diệc, cồng cọc mổ nhau chỉ chốc sau gốc cây trà; chích, le le chao liêng khắp cánh rừng rồi đáp nhẹ xuống những thân trà; những chú dơi quạ - có con nặng 3 kg sải cánh dài tới 1 m - móc chân vào cành cây từ trên cao xuống. Mỗi loài một hình dạng và màu sắc khác nhau: trắng, đen, xanh ve chai, lốm đốm, khoang... tạo nên một bức tranh sống động.

Ngoài những giá trị phong phú về tài nguyên thiên nhiên, rừng trà Trà Sư còn chứa đựng những yếu tố văn hóa độc đáo của cộng đồng dân cư sống ven rừng, với nhiều ngành nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống như dệt thổ cẩm, nấu đường thốt nốt, chưng cất tinh dầu trà, nuôi ong lấy mật... Đặc biệt, những chiếc lán bên bờ rừng, du khách có thể vừa thưởng thức những món ăn đặc sản tươi ngon của vùng sông nước Nam bộ như cá linh nướng, cá lóc hấp bầu, gà nướng muối ớt, cá lóc rừng cuốn lá sen nướng trui, cua đồng chấm mắm me, bông điên điển bóp giấm... trong không gian gió què. Tất cả không gian ở đây, từ âm

thanh, ánh nắng đến món ăn miệt vườn dân dã đều có những hương vị rất riêng mà không phải nơi nào cũng có được.

BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG RỪNG TRÀ TRÀ SƯ

Nhằm bảo vệ nguyên vẹn các hệ sinh thái rừng, vừa qua, UBND tỉnh An Giang đã phê duyệt “Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo vệ cảnh quan rừng trà Trà Sư đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”. Do vậy, bên cạnh việc rà soát quy mô ranh giới, chức năng, nhiệm vụ, ngành chức năng; quy hoạch tổng thể không gian các phân khu chức năng; các nội dung về quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và phát triển bền vững khu bảo vệ cảnh quan rừng trà Trà Sư cũng được quy định trong Quy hoạch.

Theo Quy hoạch, rừng trà Trà Sư có các phân khu chức năng, gồm: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 441 ha (chiếm 42,0%); Phân khu phục hồi sinh thái 432,3 ha (chiếm 41,2%) và Phân khu dịch vụ hành chính 176,7 ha (chiếm 16,8%). Ngoài ra, tổng diện tích vùng đệm là 1.155,5 ha, bao gồm một phần diện tích của xã Văn Giáo (507,1 ha), xã Vĩnh Trung (293,7 ha) huyện Tịnh Biên và một phần diện tích xã Ô Long Vỹ (354,7 ha) huyện Châu Phú.

Bên cạnh đó, Quy hoạch đề ra các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế các ấp giáp ranh, đặc biệt, tạo cơ chế để người dân tộc được tham gia vào các chương trình bảo tồn và phát triển khu bảo vệ cảnh quan như: Bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển rừng, sử dụng rừng... Trong đó, có các dự án trồng rừng ở phân khu phục hồi sinh thái và dịch vụ hành chính; đề tài nghiên cứu khoa học về điều tra danh mục thực vật rừng; thành lập trung tâm cứu hộ động vật hoang dã và du lịch sinh thái.

LÊ THƯƠNG



▲ Rừng Trà Sư - điểm đến lý tưởng đối với những người đam mê khám phá thiên nhiên hoang dã



Bảo tồn đàn voi Buôn Đôn trước nguy cơ bị tuyệt chủng

Bao đời nay, voi đã đi vào tâm thức của đồng bào các dân tộc ở Đắc Lắc nói chung, huyện Buôn Đôn nói riêng. Voi gần bó với con người, được săn bắt về từ đại ngàn hùng vĩ bởi những Gru (dũng sĩ săn voi), được thuần dưỡng và xem như những người bạn lớn của đồng bào M'Nông, Ê Đê, Gia Rai... Tuy nhiên, trong 8 năm (2009 - 2016) đã có ít nhất 23 cá thể voi rừng bị chết, chiếm khoảng 25% so với con số ước tính tổng đàn, gần 75% trong số voi chết là voi con dưới một tuổi.



▲ Bảo tồn voi không chỉ là cứu một loài động vật nguy cấp quý hiếm, mà còn bảo tồn nét văn hóa riêng chỉ có ở Tây Nguyên

THỰC TRẠNG KHAI THÁC, BẢO TỒN VĂN HÓA DU LỊCH BUÔN ĐÔN

Khu du lịch văn hóa - sinh thái Buôn Đôn có tổng diện tích gần 1.600 ha do Công ty Cao su Đắc Lắc quản lý và khai thác, gồm các tổ hợp du lịch làng du lịch - văn hóa, khu động vật hoang dã, khu giải trí hồ Đắc Min, khu lưu trú sinh thái, khu dã ngoại rừng, khu sản xuất và du lịch nông nghiệp...

Các dịch vụ du lịch Buôn Đôn gắn chặt với đời sống, sinh hoạt của cư dân như dịch vụ lưu trú, ẩm thực tại nhà dân; các ngành nghề truyền thống như dệt, đan lát, tạc tượng, điêu khắc, nấu rượu cần, dịch vụ du lịch voi và hoạt động giao lưu văn hóa: (cồng chiêng, lễ hội...). Ngoài ra, cư dân trong làng cũng nhận quản lý bảo vệ các khu rừng cảnh quan và canh tác trên diện tích ruộng, rẫy...

Du lịch phát triển đã góp phần quan trọng nâng cao đời sống của cư dân bản địa. Tuy nhiên, du lịch Buôn Đôn nói riêng và du lịch Tây Nguyên nói chung cũng đang phải đối mặt với những khó khăn. Gần đây, lực lượng chức năng liên tiếp phát hiện các vụ sát hại voi để lấy ngà và lông đuôi, đàn voi Tây Nguyên đang bị suy giảm nghiêm trọng đến nỗi nhiều người lo ngại chỉ chưa đầy 20 năm nữa đàn voi Tây Nguyên sẽ biến mất, khách du lịch Tây Nguyên thay vì được cưỡi voi sẽ chỉ còn nhìn thấy chúng trong các viện bảo tàng hay phòng trưng bày...

Trước đây, ở Buôn Đôn có rất nhiều nghề nhân đã săn và thuần dưỡng được voi rừng thì nay cả buôn không còn con voi nào, một phần do voi nhà đã già yếu và mất đi, phần vì nuôi voi tốn kém, bảo vệ khó khăn, nhà nào còn voi cũng chọn giải pháp bán cho các khu du lịch...

Khu du lịch văn hóa sinh thái Buôn Đôn sở hữu số lượng voi nhà lớn nhất ở Tây Nguyên (7 con) nhưng điều dễ dàng nhận thấy là đàn voi này đều trợ trọng lông đuôi, có những chú voi bị cụt đuôi do bị chặt đứt, ngà bị cưa... Chỉ trong một thời gian ngắn đã có gần chục con voi ở Tây Nguyên bị chết. Đàn voi nhà của Đắc Lắc từ 502 con năm 1980 đến nay chỉ còn 48 con. Con voi nhỏ nhất là 15 tuổi, con già nhất đã 68 tuổi, trong khi đó độ tuổi sinh sản của voi chỉ khoảng 15 - 30 tuổi, do đó nếu không có những biện pháp kịp thời để bảo vệ và phát triển đàn voi nhà thì nguy cơ tuyệt chủng là hiện hữu. Với voi ở ngoài

tự nhiên, hiện tại vẫn chưa có một thống kê chính xác, ước lượng của các khu bảo tồn hoặc Vườn quốc gia có voi gửi về Ban chỉ đạo quốc gia về Bảo tồn voi Việt Nam là vào khoảng 120 con, trong đó tập trung nhiều nhất ở Vườn Quốc gia Yok Đôn với khoảng 70 con.

Hàng năm, tỉnh Đắc Lắc sử dụng voi vào các lễ hội, các chương trình văn hóa du lịch nhằm quảng bá thu hút khách. Tuy nhiên, việc đầu tư bảo tồn voi nhà lại chưa được quan tâm đúng mức. Khai thác tận thu giá trị kinh tế, voi bị bóc lột sức lao động quá mức khiến chúng nhanh chóng lão hóa. Voi là một biểu tượng bất biến trong tâm thức của người dân Tây Nguyên, bảo tồn voi nay không chỉ là cứu một loài động vật nguy cấp quý hiếm, sắp bị tuyệt chủng mà còn là vấn đề bảo tồn nét văn hóa rất riêng, chỉ có ở Tây Nguyên.

Ở Vườn quốc gia Yok Đôn, tình trạng xâm hại tài



nguyên thiên nhiên vẫn diễn ra dai dẳng, chủ yếu là khai thác gỗ và lâm sản, săn bắt trái phép. Tại đây, hệ thực vật khá phong phú, đa dạng với nhiều chủng loại gỗ quý hiếm như gỗ, cẩm xe, cà chít, bằng lăng... nhưng nay đã bị phá nát, gần như vùng trắng.

Vườn quốc gia Yok Đôn hiện được xếp vào loại A trong các khu bảo vệ có tầm quan trọng quốc tế về đa dạng sinh học (ĐDSH). Chính vì vậy, việc quản lý bảo vệ rừng ở Vườn quốc gia Yok Đôn có ý nghĩa đặc biệt không những cho việc bảo tồn ĐDSH mà còn bảo vệ rừng đầu nguồn cho hệ thống sông Mê Công, điều tiết lũ cho hệ thống sông ở đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Bên cạnh đó, một số bất cập trong việc khai thác, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của cộng đồng cư dân bản địa như hoạt động biểu diễn giao lưu văn hóa công chiêng ở Buôn Đôn diễn ra một cách sơ sài, thiếu sự dàn dựng chu đáo, biểu diễn cho có, các nghệ nhân biểu diễn gần như không có chút xúc cảm nào. Công chiêng là một hiện tượng “văn hóa sống” nên việc mở hội diễn, liên hoan là để tạo điều kiện cho các đội công chiêng giao lưu và tuyên truyền về giá trị văn hóa công chiêng cho quần chúng địa phương cũng như du khách thập phương. Vì vậy, việc sử dụng công chiêng phải gắn liền với những ý nghĩa nêu trên, không nhằm mục đích phục vụ thương mại hóa đơn thuần. Đó là chưa kể đến việc một bộ phận giới trẻ trong cộng đồng các dân tộc thiểu số cư trú tại đây đang dần dần bị “Tây hóa” trong lối sống và sinh hoạt.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Bảo tồn và phát huy giá trị của du lịch Buôn Đôn, phục vụ cho mục đích tìm hiểu nét đặc sắc của văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, nhu cầu thưởng ngoạn cảnh đẹp tự nhiên, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa - nghệ thuật, nhu cầu về tín ngưỡng của nhân dân, đồng thời gắn với khai thác để mang lại nguồn lợi kinh tế, tiếp tục đầu tư cho phát triển du lịch Buôn Đôn mà không gây tổn hại đến các giá trị của thế hệ mai sau.

Du khách đến với Tây Nguyên phần lớn vì muốn khám phá những bí ẩn của văn

Trước nguy cơ tuyệt chủng của đàn voi rừng lớn nhất của Việt Nam, ngày 14/12/2016 tại Đắk Lắk, tổ chức WWF-Việt Nam và Vườn Quốc gia Yok Đôn đã cam kết Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn voi rừng Yok Đôn giai đoạn 2016-2020. Với mục đích tập trung đẩy mạnh thực thi pháp luật, giảm thiểu mâu thuẫn giữa voi - người dựa trên hiểu biết về tập tính di chuyển theo mùa của voi và sinh kế thân thiện cho người dân. Trước khả năng voi bị săn bắn ở ngoài Vườn quốc gia, WWF-Việt Nam sẽ ứng dụng công nghệ thông tin vào việc kiểm tra, giám sát đàn voi thông qua triển khai công cụ theo dõi và báo cáo hiện trường (SMART) tại Yok Đôn để thu thập dữ liệu, giám sát loài và quản lý những hoạt động có liên quan.

hóa, núi rừng cao nguyên. Để thu hút du khách, việc phát huy và bảo tồn bản sắc đặc trưng của vùng Tây Nguyên là yếu tố thiết yếu, trong đó có việc bảo tồn đàn voi cùng với các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số như văn hóa công chiêng và các giá trị về mặt sinh thái. Chính vì vậy, đòi hỏi cần có những biện pháp và chính sách kịp thời, hiệu quả.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước có sự tham gia hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong công tác kiểm tra, giám sát và bảo tồn các tài nguyên du lịch của địa phương.

Tăng cường nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách để thực hiện công tác bảo tồn và phát triển bền vững du lịch,

Buôn Đôn là một huyện miền núi, nằm ở độ cao tương đối nên hệ thống cấp, thoát nước tại các khu du lịch cần được chú trọng, tránh trường hợp nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm cho môi trường và các khu vực lân cận.

Tăng cường giáo dục ý thức trách nhiệm của người

dân địa phương về bảo vệ các tài nguyên du lịch.

Việc nâng cao năng lực và chất lượng đội ngũ nhân viên hoạt động trong các khu du lịch cần được chú trọng đầu tư thỏa đáng; Thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt, nên tạo điều kiện huy động lực lượng lao động là người địa phương tại các khu du lịch.

Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa địa phương để tạo sự hấp dẫn du lịch...

Du lịch là một ngành kinh tế có định hướng tài nguyên rõ rệt. Mục tiêu của phát triển du lịch nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhưng phải đảm bảo bảo tồn được các tài nguyên du lịch (tài nguyên tự nhiên và nhân văn). Đây là hai mặt không thể tách rời để đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Chính vì thế, phải vận dụng quan điểm này để đưa ra các giải pháp nhằm đảm bảo khai thác phát triển bền vững du lịch Buôn Đôn.

XUÂN THẮNG



Khám phá khung cảnh hoang sơ của hồ Cẩm Sơn, Bắc Giang

Cách Hà Nội hơn 100 km, hồ Cẩm Sơn (Lục Ngạn, Bắc Giang) là một điểm đến có sức hấp dẫn đặc biệt bởi không gian khoáng đạt, thiên nhiên trong lành, khung cảnh hoang sơ và sự hồn hậu của người dân bản địa. Mặt hồ như chiếc gương in bóng trời xanh mây trắng, núi rừng trùng điệp, tăng thêm vẻ kỳ vĩ của thiên nhiên.

Nằm ở độ cao khoảng 300 m so với mực nước biển, hồ Cẩm Sơn là công trình đại thủy nông lớn nhất miền Bắc, có nhiệm vụ điều tiết, cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp khu vực huyện Lục Ngạn (Bắc Giang) và huyện Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn); điều hòa nguồn nước khu vực đầu nguồn sông Thương; phân lũ, cắt lũ cho vùng hạ lưu ở các huyện: Lạng Giang, Yên Dũng và TP. Bắc Giang (tỉnh Bắc Giang). Hồ Cẩm Sơn có dung tích 248 triệu m³ nước, diện tích mặt nước trung bình khoảng 2.650 ha. Bao quanh hồ là những ngọn núi cao quanh năm xanh ngắt một màu, nhấp nhô, trùng điệp. Vẻ đẹp trời, mây, non, nước hòa quyện làm một khiến cảnh quan nơi đây vô cùng thơ mộng, quyến rũ, chẳng khác nào một vịnh Hạ Long thu nhỏ. Với vẻ đẹp sơn thủy hữu tình, Cẩm Sơn chính là nguồn cảm hứng để nhạc sỹ Phó Đức Phương sáng tác ca khúc nổi tiếng “Hồ trên núi”. Nơi đây còn là một “ốc đảo” bởi các bản làng thưa thớt của người Sán Chỉ, Tày, Nùng, Dao nằm lọt thỏm giữa bốn bề là nước. Muốn đến trung tâm xã hoặc từ nhà nọ sang nhà kia đều phải sử dụng thuyền nan, thuyền máy.

Có thể đến Cẩm Sơn bằng hai con đường, từ Đình Lập (Lạng Sơn) và thị trấn Chũ (Lục Ngạn) nhưng đường nào cũng sẽ đưa du khách qua những vườn đồi bạt ngàn cây trái, các bản làng với những ngôi nhà đất nâu óng màu thời gian và nụ cười thân thiện của bà con dân bản.

Cuối thu, đầu đông, lúc mà lúa, ngô, sắn đã được mang về chất đầy nhà, treo đầy gác bếp là lúc người Nùng, người Tày các xã Cẩm Sơn, Hộ Đáp, Tân Sơn, Sơn Hải (Lục Ngạn) nhàn hạ hơn bên những chợ phiên đầy sắc màu của áo chàm, túi nải...

Đến Cẩm Sơn vào sáng sớm, thời điểm thích hợp nhất để chiêm ngưỡng cảnh sắc, không gian mặt hồ Cẩm Sơn trong xanh soi



▲ Cẩm Sơn mùa nào cũng có nét quyến rũ riêng của mây, nước, núi non hùng vĩ

bóng núi rừng và hoa cỏ. Ai cũng tranh thủ hà hít thật sâu vào lồng ngực bầu không khí trong lành. Sự yên ả, thanh bình từ những giọt nắng ban mai xiên qua lớp sương mỏng manh ánh lên những tia lấp lánh, lúc này mặt hồ Cẩm Sơn giống như một chiếc “gương trời” khổng lồ giữa núi rừng thơ mộng. Bao quanh hồ là những dãy núi, quyến cùng trời xanh mây trắng. Trong lòng hồ là hàng trăm đảo lớn nhỏ. Có lẽ chính vì thế mà vẻ đẹp của hồ, núi rừng nơi đây càng trở nên quyến rũ và có sức hút mạnh mẽ. Lòng hồ bao la còn là nơi phát triển đàn thủy sinh khổng lồ. Do đó, đồng bào trong vùng sống chủ yếu bằng nghề đánh cá. Những nghiên cứu còn cho thấy, hồ Cẩm Sơn là môi trường sống thích hợp đối với nhiều loài thủy sản có giá trị cao như tôm, cua, cá lăng, cá chiên, cá vược..., đặc biệt là cá tầm - loài cá sống ở vùng nước lạnh. Hiện cá tầm nuôi ở Cẩm Sơn đạt trọng lượng từ 3 - 4 kg/con, được tiêu thụ tại

thị trường trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Mùa nước rút các hộ dân trồng thêm ngô khoai và cấy lúa nhưng cũng chỉ là tự cung tự cấp. Nông sản làm ra muốn tiêu thụ cũng phải đi nửa ngày đường ra chợ trung tâm. So với trước đây, cuộc sống người dân vùng lòng hồ đã khá hơn nhiều, điện lưới cũng đã có được mấy năm, tuy vậy cái nghèo, cái đói vẫn luôn rình rập. Những ngôi nhà trình tường đất đã trở thành nét đặc trưng, giúp giữ ấm vào đông và mát vào mùa hè. Một ngôi nhà như thế có tuổi thọ bằng mấy đời người.

Cảnh Cẩm Sơn mùa nào cũng có nét quyến rũ riêng của mây, nước, núi non hòa quyện, vào mùa khô, những bãi bồi nặng đầy phù sa được tận dụng trồng ngô và hoa màu, tạo thành một dải xanh muốt. Mùa mưa nước dâng đầy, lênh đênh thuyền ra các đảo nhỏ mới thấy đất trời nơi đây thật mệnh mang nhưng cũng gần gũi xiết bao...■

NHÂM HIỀN



Được mệnh danh là hòn đảo đẹp nhất miền Bắc, Cô Tô - viên ngọc xanh tuyệt đẹp đầy quyến rũ. Không chỉ được thiên nhiên ưu đãi về sản vật, Cô Tô còn được ban tặng một vẻ đẹp hoang sơ độc đáo: Nước biển nơi đây luôn xanh trong, những bãi cát trắng tinh, mịn màng, thoải mái trải dài ngút tầm mắt. Bất cứ ai đã đến đây đều không thể quên cái cảm giác bình bình khoan khoái khi được đắm mình trong làn nước biển Hồng Vân, Vân Cháy, Tài Văn...

Vượt qua chặng đường dài từ cảng Cái Rồng, Vân Đồn, tàu cập cầu cảng Cô Tô. Cô Tô có tên cổ là Chàng Sơn (Núi Chàng), từ lâu đời đã là nơi trú ngụ thuyền bè của ngư dân vùng biển Đông Bắc (khi đi biển lâu ngày hoặc gặp bão, giông).

Cô Tô là một quần đảo có đến hơn 50 đảo đá lớn, nhỏ với địa hình, thổ nhưỡng khá đặc trưng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, gồm đồi, núi, rừng, đồng bằng và biển, đảo. Tất cả các đảo đều có núi đá. Đỉnh núi cao nhất là đỉnh Cáp Cháu trên đảo Thanh Lân (hơn 200 m). Đỉnh cao thứ hai là ngọn Hải đăng trên đảo Cô Tô lớn (hơn 100 m). Từ hai đỉnh cao này có thể phóng tầm mắt bao quát toàn cảnh của huyện đảo Cô Tô và các vùng biển lân cận. Tất cả các đảo đều có tên gọi, được phân làm 4 nhóm, tùy theo lớn, nhỏ, vị trí và hình dạng tự nhiên, gồm: nhóm đảo, nhóm hòn, nhóm cồn và nhóm đá. Các hòn, cồn, đá đều nằm rải rác xung quanh bốn đảo lớn là Cô Tô lớn, Cô Tô con, Thanh Lân và đảo Trần, tạo thành một quần thể đảo lớn nhỏ, từ trên cao nhìn xuống rất đẹp, giống như một Bái Tử Long hay Hạ Long thu nhỏ. Đi thuyền máy quanh các đảo chính hoặc luồn lách vào khu

Cô Tô - Hòn đảo xanh kỳ vĩ



▲ Vẻ đẹp hoang sơ của Cô Tô

vực quần tụ các hòn, cồn, đá, tôi không khỏi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của nhiều đá, núi rất kỳ thú; nhiều cánh rừng nguyên sinh với thảm thực vật phong phú, xanh mướt; các bãi biển nước xanh trong thấu đáy với bờ cát trắng chạy dài còn nguyên vẻ hoang sơ tự nhiên, đầy quyến rũ. Nếu muốn đón một bình minh đẹp rạng rỡ thì sáng sớm hãy đến chờ ở các bãi biển Bắc Vân, Hồng Vân hoặc bãi đá Cầu Mỵ, Móng Rồng.

Đứng ở ban công trên đỉnh của ngọn Hải Đăng, sẽ nhìn thấy vẻ đẹp toàn cảnh của biển, núi, rừng và đồng ruộng Cô Tô. Ở hầu hết khu vực trung tâm của các đảo lớn đều là núi đá khá cao, xung quanh trải rộng ra là những đồi núi thấp, những cánh đồng, ao, hồ nước ngọt và xa hơn là biển. Cô Tô tuy rất ít sông suối, nhưng có nhiều ao hồ nhỏ có nước ngọt tự nhiên. Trên các đảo lớn đều có mạch ngầm nước ngọt khá phong phú, chất lượng khá tốt. Huyện Cô Tô đã đầu tư xây dựng một hệ thống đập để hình thành 11 hồ nước ngọt (cả trên Cô Tô lớn và Thanh Lân), đủ cung cấp nước cho sinh hoạt và tưới tiêu nông nghiệp.

Bạn có thể sử dụng phương tiện đi xe máy hoặc xe điện chạy men theo những con đường xuyên đảo, qua những xóm làng bên bia rừng, tôi đã bị lôi cuốn bởi những cánh đồng lúa tươi tốt, vàng ươm, thơm lừng hương lúa mới nằm giữa các thung lũng xanh ở Đồng Tiến và những vườn cây ăn quả ở Thanh Lân. Đây đó những đàn trâu, bò đứng đĩnh găm nhấm cỏ, rơm. Thỉnh thoảng lại gặp những đụn khói dốt đồng thơm

nồng hương khói rạ, chẳng khác gì cảnh những cánh đồng chiêm ở đồng bằng châu thổ sông Hồng vào những mùa gặt. Vẻ đẹp thanh bình, dân dã của nông thôn Việt Nam dường như được tái hiện nguyên vẹn ở giữa bạt ngàn trùng dương sóng vỗ này.

Cô Tô là một ngư trường rộng lớn có khoảng 1.000 loài cá, trong đó hơn 60 loài có giá trị kinh tế cao như cá hồng, cá song, cá mú, cá chim, cá đuối. Mực ở Cô Tô cũng rất ngon, có đến 8 loài như mực ống, mực lá, mực nang... Cô Tô còn có những loài hải sản quý hiếm như ngọc trai, bào ngư, hải sâm, cầu gai, ốc hương... Đó là một lợi thế lớn để Cô Tô phát triển ngành kinh tế biển.

Ở ngay trung tâm thị trấn Cô Tô còn có một khu di tích về Bác Hồ, có đền thờ, nhà lưu niệm và tượng đài Bác. Đó là sự tôn vinh, tri ân của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Cô Tô để ghi nhớ những lời Bác dạy trong lần Người ra thăm đảo vào tháng 5/1961. Đặc biệt, bức tượng Bác Hồ ở đây là bức tượng duy nhất được Người đồng ý cho xây dựng khi Người còn sống, dường như ý nguyện của Người là muốn được sống cùng với quần dân đảo Cô Tô.

Du khách có thể đến Cô Tô quanh năm nhưng thời gian đẹp nhất là vào mùa hè để tận hưởng biển xanh, cát trắng, nắng vàng. Tuy nhiên, nếu du khách muốn tìm một nơi thanh vắng, tránh ra trốn đông người, tận hưởng một cảm giác mới lạ thì đến Cô Tô vào cuối thu, đầu đông cũng sẽ mang đến cho bạn một trải nghiệm thú vị

THĂNG HIỂN



SỐ VỤ BẮT GIỮ HỔ NUÔI SINH SẢN NGÀY Càng GIA TĂNG:

Châu Á nên đóng cửa tất cả các trại hổ vào năm 2019

Việc nuôi nhốt hổ với mục đích thương mại tại châu Á hiện đang đe dọa tương lai sống còn của những cá thể hổ còn lại ngoài tự nhiên. Vì vậy, Chính phủ các nước được khuyến nghị thông báo lộ trình cụ thể nhằm đóng cửa tất cả các trang trại hổ ở châu lục này trong vòng ba năm tới tại Hội nghị Quốc tế về chống buôn bán trái phép các loài động vật, thực vật hoang dã (IWT) diễn ra tại Hà Nội vào ngày 17-18/11/2016.

Theo báo cáo về buôn bán hổ của Mạng lưới Giám sát Buôn bán ĐVHD (TRAFFIC) xuất bản vào tháng 9/2016, khoảng 30% số lượng hổ bị bắt giữ từ năm 2012 - 2015 có nguồn gốc từ các trại nuôi sinh sản. Số lượng hổ có nguồn gốc từ các trại nuôi sinh sản ngày càng gia tăng cho thấy, các trại nuôi sinh sản đang lách luật gây khó khăn cho các cơ quan thực thi pháp luật. Các trại hổ đã hợp pháp hóa việc buôn bán trái phép bộ phận và sản phẩm làm từ hổ, dẫn đến sự gia tăng nhu cầu đối với loại hàng này. Phần lớn, các hoạt động này tập trung tại Lào, Thái Lan và Việt Nam.

Ông Michael Baltzer, người đứng đầu Sáng kiến vì Sự sống của loài hổ của Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF) cho biết, các trại nuôi nhốt hổ đang tiếp tay và mở rộng việc buôn bán hổ trái phép, do đó cần đóng cửa tất cả các trại hổ. Bất chấp những nỗ lực trong khu vực để ngăn chặn nạn săn bắt và buôn lậu, báo cáo cập nhật Chỉ còn Da và Xương cho thấy, từ năm 2000 trở lại đây, trung bình mỗi năm có khoảng 109 cá thể hổ bị giết và buôn bán.

Tại châu Á hiện có hơn 7.000 trại nuôi hổ, chủ yếu tập trung tại Trung Quốc, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Lào đã đưa ra thông báo sẽ đóng cửa các trại nuôi hổ.

Trong khi đó, Thái Lan bắt đầu điều tra tất cả các trại hổ trên toàn quốc sau khi phát giác vụ việc về xác 40 cá thể hổ con bị cất giữ trong bình tại Đền Hổ đầu năm nay. Thái Lan và Lào đã có dấu hiệu dừng hoạt động nuôi nhốt hổ. Việt Nam cũng cần hành động tương tự và đi đầu trong những nỗ lực cấm nuôi nhốt hổ với mục đích thương mại tại châu Á.

Ngày 23/11/2016, thế giới đã kỷ niệm 6 năm sự kiện quan trọng mang tính đột phá - Hội nghị Thượng đỉnh về Hổ tại TP. Xanh-pê-téc-bua (Nga) và đánh dấu nửa chặng đường của chiến dịch Tx2 nhằm nhân đôi số lượng hổ trong tự nhiên vào năm 2022. Khoảng 100 năm trước, thế giới có khoảng 100.000 cá thể hổ trong tự nhiên; năm 2010, con số này chỉ còn là 3.200. Do đó, năm 2010, Chính phủ các nước có hổ hoang dã đã cùng cam kết nhân đôi số lượng hổ trong tự nhiên vào năm 2022, (năm Hổ theo lịch âm). Đây là chương trình tham vọng và quyết đoán nhất từ trước đến nay để phục hồi một loài đơn lẻ.

Lần đầu tiên trong một thế kỷ, tổng số lượng cá thể hổ trong tự nhiên đã gia tăng thành 3.890 cá thể. Đây là con số được WWF và Diễn đàn Hổ Toàn cầu (GTF) công bố tại cuộc họp về bảo tồn hổ diễn ra tại New Delhi (Ấn Độ) vào tháng 4/2016. Số liệu gia tăng này là do nỗ lực của



▲ Việc nuôi nhốt hổ với mục đích thương mại tại châu Á đang đe dọa tương lai sống còn của những cá thể hổ còn lại ngoài tự nhiên



quốc gia như Ấn Độ, Nga, Nepal, Bhutan và sự tiến bộ trong việc khảo sát, bảo vệ hồ hiệu quả hơn.

Hàng thập kỷ truyền thông và hành động để ngăn chặn nạn săn bắt hổ đã thu được một số thành công nhưng nguy cơ chính vẫn hiện hữu,” ông Baltzer nói. “Việc chấm dứt hoạt động nuôi sinh sản hổ có thể giảm sức ép và giúp các cơ quan thực thi pháp luật tập trung xử lý những đối tượng săn bắt và buôn bán hổ hoang dã”. Cùng với kế hoạch đóng cửa các trại hổ, Chính phủ các nước châu Á cũng có thể tiến hành ngay những hành động cụ thể để đảm bảo hổ đang nuôi nhốt không bị buôn bán trái phép trước khi lệnh cấm nuôi nhốt có hiệu lực.

Tất cả các nước nên hỗ trợ đề xuất của Chính phủ Ấn Độ về việc xây dựng một cơ sở dữ liệu cấp khu vực về các mẫu vân lông hổ để có thể so sánh hình ảnh những cá thể hổ bị bắt giữ với hình ảnh từ máy ảnh cảm biến chụp hổ ngoài tự nhiên và hình ảnh hổ nuôi; tổng hợp bộ chỉ thị phân tử ADN của quần thể hổ tự nhiên và hổ nuôi nhốt tại nước sở tại; thực hiện các chương trình thay đổi hành vi nhằm giảm nhu cầu tiêu thụ các bộ phận và sản phẩm từ hổ■

PHƯƠNG NGÂN

Campuchia cải cách hệ thống quản lý môi trường



▲ Rừng đước ngập mặn ở Xiêm Riệp (Campuchia)

Campuchia đã trải qua một giai đoạn tăng trưởng kinh tế nhanh, nâng cao đời sống của người dân. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế nhanh cũng kéo theo hàng loạt các vấn đề môi trường, đó là tài nguyên thiên nhiên suy thoái, cạn kiệt, chất thải rắn ở các đô thị gia tăng, môi trường nước bị ô nhiễm....

Để giải quyết những thách thức đó, Chính phủ Campuchia đã quyết định cải cách toàn bộ hệ thống quản lý môi trường nhằm kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả hơn. Đồng thời, hình thành khung pháp lý mới cho công tác BVMT và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Việc cải cách hệ thống quản lý môi trường là ưu tiên cấp bách đối với Campuchia nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Thông qua Hợp phần Hỗ trợ chính sách khu vực SWITCH-Asia, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) sẽ hỗ

trợ về tài chính, hướng dẫn kỹ thuật để Campuchia thực hiện cải cách hệ thống quản lý môi trường.

Việc cải cách giúp Campuchia bảo tồn các nguồn tài nguyên, trong đó có tài nguyên nước, nhất là trong bối cảnh Campuchia tiếp tục thực hiện chuyển đổi đất phi nông nghiệp thành đất nông nghiệp. Khung cải cách bao gồm ba nội dung chính: Hiện đại hóa Bộ Môi trường, thành lập Hội đồng quốc gia về Phát triển bền vững (NCSD); xây dựng Luật Môi trường và Chiến lược, Kế hoạch hành động quốc gia về môi trường. Khung cải cách đã đề ra các nhiệm vụ cụ thể như hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật về BVMT, quản lý tài nguyên thiên nhiên; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường; triển khai hoạt động bảo vệ rừng ngập mặn, giữ gìn môi trường sống cho các loài sinh vật biển, góp phần hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu; thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo và các



sản phẩm thân thiện với môi trường; xây dựng mô hình thành phố bền vững, đô thị hóa xanh; giáo dục, nâng cao nhận thức cho cơ quan quản lý, cộng đồng về sản xuất, tiêu dùng bền vững; huy động sự tham gia của cộng đồng vào công tác BVMT, quản lý tài nguyên.

Theo UNEP, Campuchia sẽ có những thay đổi lớn về chính sách với sự hợp tác của tất cả các bên từ Chính phủ, tổ chức quốc tế, đến cộng đồng địa phương, trong đó lồng ghép mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững (mục tiêu phát triển bền vững thứ 12) vào khung pháp lý quốc gia. Chính phủ Campuchia cần tiếp tục tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế để nhận được sự trợ giúp tích cực, hiệu quả trong công cuộc phát triển kinh tế, quản lý môi trường ổn định và bền vững. Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng môi trường (hệ thống xử lý nước thải đô thị, hệ thống xử lý, tái chế chất thải, quan trắc môi trường...), đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường, đồng thời, nâng cao nhận thức, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào công tác quản lý TN&MT.

Trong đó, việc xây dựng Luật Môi trường là yêu cầu cấp thiết nhất hiện nay, nhằm khai thác, sử dụng hợp lý hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên. Luật Môi trường được xây dựng trên cơ sở đảm bảo hài hòa với hệ thống pháp luật hiện hành về quản lý tài nguyên và BVMT, trong đó có quy định cụ thể vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, ngành; đồng thời bổ sung các nội dung liên quan đến tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu.

Tháng 11/2016, Dự thảo Luật Môi trường của Campuchia đã được công bố trên cơ sở tham vấn ý kiến của cơ quan quản lý địa phương và cộng đồng trên cả nước. Dự thảo bao gồm 11 chương (với hơn 450 trang), bao gồm các nội dung: Các quy định chung; Quy hoạch, đánh giá và quan trắc môi trường; Quản lý môi trường và cơ chế phát triển bền vững; Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và hệ sinh thái; Bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) và bảo vệ di sản văn hóa; Xử lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm... Đặc biệt, Dự thảo Luật cũng đề cập đến quyền và trách nhiệm của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ đất, quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm, đồng thời, thúc đẩy việc áp dụng mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững. Dự thảo Luật Môi trường cũng dành một chương về giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng để thay đổi hành vi theo hướng khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gắn

trách nhiệm, lợi ích của cộng đồng vào công tác bảo vệ rừng, bảo tồn ĐDSH.

Theo đánh giá của các chuyên gia môi trường, Luật Môi trường mới sẽ tạo điều kiện để Chính phủ, cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương cùng hợp tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Dự thảo Luật cũng quy định các ưu đãi, mức độ bồi thường và hình thức xử phạt đối với những vi phạm trong công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, Dự thảo Luật vẫn còn một số điểm cần phải sửa đổi trước khi được ban hành như chưa quy định về trách nhiệm của cộng đồng đối với các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ ĐDSH... Vì thế, Dự thảo Luật cần tiếp tục được điều chỉnh trong thời gian tới để hoàn thiện khung pháp lý về môi trường, góp phần cải thiện cuộc sống người dân và phát triển bền vững đất nước■

PƯƠNG TÂM
(Theo UNEP)



Kinh nghiệm quốc tế trong quản lý hoạt động nhận chìm ở biển

TS. ĐÀO VĂN HIỀN, ĐỖ VĂN SEN

Cục Kiểm soát Tài nguyên và BVMT biển, hải đảo
Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

Các quốc gia trên thế giới đã và đang tích cực hoàn thiện hệ thống luật pháp, thể chế cũng như gia nhập, phê chuẩn các điều ước quốc tế về kiểm soát hoạt động nhận chìm ở biển như Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển do nhận chìm chất thải và các chất khác năm 1972 (Công ước Luân Đôn 1972), Nghị định thư 1996 của Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển do nhận chìm chất thải và các chất khác (Nghị định thư 1996).

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM Ở BIỂN TRÊN THẾ GIỚI

Do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, một lượng lớn vật, chất được cấp phép cho nhận chìm ở biển theo quy định của Công ước Luân Đôn 1972 và Nghị định thư 1996. Đó là vật liệu nạo vét, các chất hữu cơ có nguồn gốc tự nhiên, bùn thải, chất thải từ thủy sản và các hoạt động chế biến thủy sản, tàu thuyền, giàn nổi... Tuy nhiên, theo số liệu của Tổ chức Hàng hải quốc tế năm 2016, vật liệu nạo vét chiếm khoảng 80-90% các vật, chất được phép nhận chìm, với khoảng 250-500 triệu tấn được cấp phép nhận chìm ở biển hàng năm.

Theo Báo cáo của Tổ chức Hàng hải quốc tế, năm 2013, một số nước ở châu Âu có khối lượng nhận chìm vật liệu nạo vét lớn như Bỉ (khoảng 20-50 triệu tấn/năm), Pháp, Hà Lan (khoảng 20 triệu tấn/năm). Ở châu Á, Trung Quốc là một trong những nước rất tích cực nhận chìm vật chất xuống biển. Năm 2013, Trung Quốc đã cho phép nhận chìm khoảng 126,3 triệu tấn vật liệu nạo vét xuống biển Hoa Đông; 38,4 triệu tấn xuống biển Đông và khoảng 44,3 triệu tấn xuống các vùng biển khác. Đối với châu Đại Dương, Ôxtrâyliya cũng là nước nhận chìm vật liệu nạo vét với khối lượng hơn 14 triệu tấn (năm 2013). Tại châu Mỹ, Mỹ cũng là nước nhận chìm vật, chất xuống biển với khối lượng khoảng 27 triệu tấn vật liệu nạo vét xuống biển; Canada có khoảng 3-4 triệu tấn vật liệu được nhận chìm ở biển; Braxin khoảng 19,7 triệu tấn vật liệu nạo vét xuống biển.



▲ Hoạt động nhận chìm vật liệu nạo vét ở châu Âu

Ngoài vật liệu nạo vét, một số nước vẫn cho phép nhận chìm chất tro và chất thải từ chế biến thủy sản xuống biển. Năm 2014, Na Uy cho phép khoảng 3,1 triệu tấn chất tro được nhận chìm xuống biển. Năm 2013, Vương Quốc Anh cho phép khoảng 1.200 tấn chất thải từ thủy sản và hoạt động chế biến thủy sản được nhận chìm xuống biển.

Như vậy, có thể thấy, nhu cầu và thực trạng nhận chìm vật, chất xuống biển tại các quốc gia trên thế giới là rất lớn, do vậy, cần có giải pháp quản lý phù hợp để đảm bảo việc nhận chìm không gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường biển nhưng vẫn đảm bảo các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NHẬN CHÌM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

Ôxtrâyliya

Sau khi phê chuẩn Nghị định thư 1996, Ôxtrâyliya đã xây dựng và sửa đổi Luật

BVMT vào năm 2000. Luật quy định các vật, chất được nhận chìm phù hợp với quy định của Công ước Luân đôn 1972 và Nghị định thư năm 1996. Ôxtrâyliya cũng là nước có quy định chặt chẽ đối với việc cấp phép nhận chìm cho từng loại vật, chất xin phép nhận chìm. Theo đó, đơn xin phép nhận chìm ở biển phải trình bày thông tin chi tiết về tổ chức, cá nhân xin phép nhận chìm; khối lượng vật, chất xin được nhận chìm; đặc tính (vật lý, hóa học, sinh học, độc tính) của vật, chất xin phép nhận chìm; thông tin về khu vực nhận chìm; quy trình nhận chìm và đánh giá tác động của nhận chìm đến môi trường; quan trắc, giám sát hoạt động nhận chìm... Bên cạnh đó, Ôxtrâyliya cũng xây dựng hướng dẫn kỹ thuật để đánh giá vật, chất xin phép nhận chìm như hướng dẫn đánh giá đối với vật liệu nạo vét, chất thải của thủy sản và các loại vật chất khác.

Các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin phép nhận chìm



phải gửi Kế hoạch lấy mẫu và phân tích mẫu đến Cơ quan BVMT Ôxtrâylia (thuộc Bộ Năng lượng và Môi trường) phê duyệt trước khi tiến hành các hoạt động tiếp theo. Ôxtrâylia cũng quy định chặt chẽ các khu vực nhận chìm, đặc biệt các khu vực dành cho nhận chìm tàu thuyền, giàn nổi hoặc các công trình nhân tạo ở biển phải đáp ứng được một số tiêu chuẩn như: Nhận chìm ở độ sâu tối thiểu 2.000 m, bên ngoài 50 hải lý và cách các khu vực có giá trị lịch sử, đường ống, cáp ngầm ít nhất là 20 hải lý..

Niu-Di-Lân

Trên cơ sở Công ước Luân đôn 1972 và Nghị định thư 1996, Niu-Di-Lân đã xây dựng và ban hành quy định cụ thể về quản lý hoạt động nhận chìm ở biển, đặc biệt là Đạo luật về vùng đặc quyền kinh tế và xả thải, nhận chìm. Hiện tại, Niu-Di-Lân có 11 khu vực quy hoạch cho nhận chìm và các dự án chỉ được thực hiện trong các khu vực này. Nếu dự án nhận chìm trong vòng 12 hải lý, chính quyền địa phương sẽ cấp giấy phép. Ngoài 12 hải lý, Cơ quan BVMT quốc gia sẽ cấp giấy phép và giám sát hoạt động nhận chìm. Niu-Di-Lân cũng xây dựng các hướng dẫn đánh giá vật, chất xin phép nhận chìm như vật liệu nạo vét, chất thải từ thủy sản, chế biến thủy sản và các vật, chất khác. Năm 2013, Niu-Di-Lân đã cấp 2 giấy phép cho nhận chìm vật liệu nạo vét, 1 giấy phép cho các công

trình nhân tạo ở biển và 1 giấy phép đối với vật chất vô cơ có nguồn gốc tự nhiên.

Trung Quốc

Căn cứ theo Điều 153 Luật cơ bản của Trung Quốc, Chính phủ đã mở rộng phạm vi áp dụng Nghị định thư 1996 cho Hồng Công và có hiệu lực từ ngày 29/10/2006.

Kể từ khi gia nhập Nghị định thư 1996, Trung Quốc đã sửa đổi luật pháp để phù hợp với các quy định của Nghị định thư như Luật BVMT biển; quy định về quản lý nhận chìm chất thải ở biển; quy định về quản lý, ngăn ngừa ô nhiễm gây ra bởi các công trình xây dựng ở biển...

Trung Quốc cũng quy hoạch các khu vực nhận chìm và các hoạt động nhận chìm chỉ được thực hiện tại các vị trí đã được quy hoạch. Năm 2010, Trung Quốc có 52 khu vực nhận chìm, trong đó có 5 khu vực nhận chìm tại biển Đông. Năm 2013, Trung Quốc đã cấp 343 giấy phép cho nhận

chìm vật liệu nạo vét với khối lượng nhận chìm là khoảng 208 triệu m³. Cơ quan Quản lý đại dương Trung quốc có trách nhiệm cấp phép và giám sát việc nhận chìm vật, chất ở biển.

Philipin

Philipin là quốc gia Đông Nam Á đầu tiên gia nhập và phê chuẩn Công ước Luân đôn 1972 và Nghị định thư 1996. Trên cơ sở đó, năm 2014, Philipin đã xây dựng và ban hành Thông tư quy định chi tiết các hướng dẫn về trình tự, thủ tục nhận chìm trên vùng biển.

Theo đó, đơn xin phép nhận chìm ở biển, đại dương đòi hỏi phải trình bày chi tiết các thông tin như đặc tính (vật lý, hóa học, sinh học) vật liệu xin phép nhận chìm; đặc tính của khu vực nhận chìm và phương pháp nhận chìm, đánh giá các tác động của hoạt động nhận chìm; các lựa chọn khác về xử lý vật, chất nếu như hoạt động nhận chìm không được cấp phép, cũng như việc quan trắc, giám sát hoạt động nhận chìm.

Ngoài ra, Philipin cũng đã quy định chi tiết khu vực được phép nhận chìm. Hiện tại, Philipin có 8 khu vực quy hoạch cho nhận chìm. Lực lượng bảo vệ bờ biển Philipin là cơ quan cấp giấy phép cũng như giám sát, quản lý hoạt động nhận chìm.

Như vậy, các quốc gia trên thế giới đều chú trọng công tác quản lý hoạt động nhận chìm ở biển. Kinh nghiệm của những quốc gia này rất đáng cho Việt Nam tham khảo do nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện hệ thống luật pháp, thể chế phục vụ quản lý hoạt động nhận chìm ở biển■



▲ Các quốc gia trên thế giới tích cực hoàn thiện các điều ước quốc tế về kiểm soát hoạt động nhận chìm



THÔNG TIN TỔNG MỤC LỤC NĂM 2016

Năm 2016, Tạp chí Môi trường đã xuất bản và phát hành 18 số: 12 số định kỳ, 3 số chuyên đề về kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ và 3 số chuyên đề tiếng Anh. Với 8 chuyên mục chính, Tạp chí tập trung phản ánh kịp thời và đầy đủ các định hướng chỉ đạo, chủ trương, chính sách, của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực môi trường; các hoạt động quản lý, BVMT trong nước và quốc tế; sự kiện, hoạt động về môi trường...

1. CÁC SỐ ĐỊNH KỲ

Sự kiện - Hoạt động (50 tin, bài):

Phản ánh kịp thời các hoạt động của Bộ TN&MT, Tổng cục Môi trường, cũng như các hoạt động môi trường nổi bật trong nước và quốc tế như: Hội nghị trực tuyến toàn quốc về BVMT; các sự cố môi trường nghiêm trọng diễn ra ở các địa phương trên cả nước; hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) và biến đổi khí hậu; triển khai “Tháng hành động vì môi trường” hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới...

Luật Pháp - Chính sách (78 bài):

Tập trung tuyên truyền chủ trương, chính sách, văn bản luật pháp, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực môi trường; triển khai Luật BVMT năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Thực thi Luật ĐDSH; Công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Kết quả triển khai các Đề án tổng thể BVMT lưu vực sông... Đồng thời, cập nhật, giới thiệu nhiều chủ trương, chính sách mới ban hành như công tác triển khai Chỉ thị số 25/CT-TTg về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT; Chỉ thị số 28/CT-TTg về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài động vật hoang dã trái pháp luật... của Bộ TN&MT và các Bộ, ngành, địa phương.

Trao đổi - Diễn đàn (52 bài):

Thảo luận, trao đổi những vấn đề thực tiễn, kinh nghiệm quản lý hướng tới

sự phát triển bền vững của đất nước; cung cấp những thông tin hai chiều về công tác BVMT ở Việt Nam; những bài học, kinh nghiệm quốc tế về BVMT cũng như quan điểm của các nhà hoạch định chính sách, quản lý, khoa học trong công tác BVMT, bảo tồn ĐDSH...

Giải pháp - Công nghệ xanh (45 bài): Đăng tải những giải pháp mô hình, ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường, kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động quản lý, BVMT trong nước và quốc tế. Đặc biệt là các giải pháp, mô hình BVMT, bảo tồn ĐDSH, sản xuất sạch hơn đạt hiệu quả của một số Bộ, ngành, địa phương và tổ chức chính trị - xã hội.

Môi trường - Doanh nghiệp (28 bài): Giới thiệu các đơn vị, doanh nghiệp tiêu biểu, đi đầu trong việc thực thi pháp luật BVMT, triển khai áp dụng các giải pháp, công nghệ nhằm ngăn ngừa, hạn chế và giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường; những cá nhân điển hình tiên tiến đóng góp tích cực trong công tác BVMT...

Môi trường - Phát triển (56 bài): Chuyển tải thông tin về những vấn đề môi trường gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập toàn cầu; hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị, xã hội, cộng đồng, doanh nghiệp trong BVMT nhằm góp phần thay đổi nhận thức, hành vi, để mọi tầng lớp nhân dân tự nguyện tham gia vào các hoạt động BVMT và phát triển bền vững đất nước.

Tăng trưởng xanh (18 bài): Phản ánh việc triển khai kịp thời và có hiệu quả Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh cũng như những Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh của các Bộ, ngành, địa phương; những giải pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính, đưa Việt Nam phát triển bền vững.

Nhìn ra thế giới (25 bài): Giới thiệu những kinh nghiệm, bài học và thành công của các nước trên thế giới trong việc quản lý, BVMT, bảo tồn ĐDSH... đặc biệt là các hoạt động hợp tác đa phương, song phương với các quốc gia,

các tổ chức quốc tế hỗ trợ Việt Nam triển khai các dự án, chương trình về môi trường; hoạt động, nội dung thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế, diễn đàn về môi trường khu vực ASEAN mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.

2. CÁC SỐ CHUYÊN ĐỀ VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Tạp chí Môi trường xuất bản 3 số chuyên đề về khoa học công nghệ (53 bài), với sự tham gia của các nhà nghiên cứu, quản lý, những người hoạt động thực tiễn, cán bộ giảng viên, sinh viên, quý độc giả trong và ngoài nước. Nội dung giới thiệu các công trình nghiên cứu, kết quả của đề tài, dự án khoa học, ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực môi trường... Đặc biệt, Tạp chí tiếp tục chọn lọc, đăng tải các bài tham luận tại Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ 4; kết quả Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước 33/11-15; Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. CÁC SỐ CHUYÊN ĐỀ TIẾNG ANH

Số chuyên đề tiếng Anh là kênh thông tin đối ngoại của Tổng cục Môi trường phát hành tới các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp liên doanh... đang hoạt động tại Việt Nam. Năm 2016, Tạp chí xuất bản và phát hành 3 số chuyên đề tiếng Anh (80 bài) giới thiệu chính sách pháp luật BVMT của Việt Nam, đồng thời, giới thiệu cảnh sắc thiên nhiên của Việt Nam tới bạn bè thế giới. Nội dung tập trung vào chủ trương, chính sách pháp luật; Giải pháp công nghệ thân thiện môi trường; Sự hợp tác của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững tại Việt Nam...

Để biết thông tin chi tiết nội dung các bài đăng năm 2016, xin truy cập Tạp chí Môi trường bản điện tử tại địa chỉ: www.tapchimoitruong.vn.

Hân hạnh giới thiệu và mong nhận được các ý kiến phản hồi của Quý bạn đọc!



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**

Dr. **Mai Thanh Dung**

Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**

Dr. **Nguyễn Thế Đồng**

Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**

Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**

Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**

Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**

Prof. Dr. **Trần Thục**

Dr. **Hoàng Văn Thức**

Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**

Prof. Dr. **Lê Văn Trình**

Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**

Dr. **Hoàng Dương Tùng**

Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy

Tel: (04) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi

Managing board: (04) 66569135

Editorial board: (04) 61281446

Fax: (04) 39412053

Email: tapchimoitruongtcm@gmail.com

<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city

Tel: 08.66814471; Fax: 08.62676875

Email: tcmphianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

Photo by: TTXVN

Processed & printed by:

T&V Trade Printed Design Co., Ltd

Nº 12/2016

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [7] • Promoting people's monitoring role in natural resources and environment
- [9] • 27th International exhibition on environmental equipment, technology and services
- [10] • Minister Tran Hong Ha meets Ha Tinh citizens regarding environmental incident in the central coast
- [10] • Strengthening environmental management capacity for river basins
- [11] • Final round and award conferring ceremony of 1st Green Innovation Competition
- [11] • 13th Conference of Parties to Convention on Biodiversity



LAW - POLICY

- [12] **LÊ HOÀI NAM:** Enhancing the completion of technical environmental guidance on production, trade and services
- [14] **TRẦN THỊ THU HƯỜNG:** Increasing effectiveness of environmental violation administrative treatment
- [16] **NGUYỄN HẰNG:** Closely monitoring Ha Tinh Formosa Company's environmental compliance
- [23] **NGUYỄN THÀNH TÂM:** Environmental protection in industrial zones in Tien Giang Province
- [25] **LÊ PHƯƠNG LINH:** Environmental protection in Phu Tho Province
- [27] **PHAN HIỂN:** Dien Bien proactively acts on environmental protection measures
- [30] **ĐỖ LÊ THỊ MINH:** Results of implementing Government's Decree 35/NQ-CP on some urgent environmental protection issues in Thanh Hoa Province



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [33] **ĐOÀN THỊ THANH MỸ, LÊ MINH ÁNH:** Increasing effectiveness of environmental enforcement compliance monitoring
- [35] **JENNY DALTRY:** Commercial wildlife breeding threatens biodiversity in Viet Nam
- [37] **MAI THỊ THU HUỆ:** Environmental liability insurance in Europe
- [39] **NGUYỄN THỊ NGỌC:** Social capital in biodiversity conservation in EU and experience for Viet Nam
- [41] **PHƯƠNG LINH:** Enhancing Viet Nam Japan cooperation in environment and climate change



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [42] **VŨ NGỌC TĨNH, LÊ HOÀI NAM:** From Pollutec 2016 to current trends of environmental technology
- [43] **NGHIÊM GIA, BÙI HUY TUẤN:** Enhancing environmental protection in steel production sector in Viet Nam
- [46] **PHƯƠNG TRẦN:** Ha Noi enhances improving environmental water quality of lakes
- [46] **PHẠM THỊ TỔ OANH, HOÀNG VĂN HÙNG:** Environmental protection in developing new rural areas in Tân Triều Commune
- [48] **TẠ KIỀU ANH:** Management and monitoring captive wildlife breeding in Quang Tri Province
- [50] **ĐIỀU MỘNG HẢI:** Current status, challenges and proposed solutions to biodiversity in Dien Bien Province



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [52] **GIA LINH:** An My Fishery Joint stock Company boosts environmental monitoring in its production and trade
- [53] **VĂN KHẮC MINH:** Lam Thao Phosphorous and Chemicals Joint stock Company applies measures for greenhouse gas mitigation



GREEN GROWTH

- [55] **BÙI ĐỨC HIỂN:** Vietnamese policies on proactive responses to and monitoring climate change
- [57] **TRẦN THỊ TUYẾT:** Sustainable production and consumption
- [59] **NGUYỄN LANH, NGUYỄN THỊ THU HÀ:** Managing greenhouse gas mitigation activities in Viet Nam



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [61] **CAO VĂN KHIÊM:** Scaling up community based sea natural resources and environment management in Quang Ngai
- [62] **MAI HỒNG QUÂN:** Biodiversity conservation in Tam Giang Cau Hai lagoon
- [64] **NGUYỄN THỊ MINH HẠNH:** Proposed measures for agriculture sustainable development and responding to climate change in Gia Lai
- [65] **LÊ THƯƠNG:** Conservation and sustainable development in Tra Su melaleuca forest
- [67] **XUÂN THẮNG:** Conserving endangered elephants in Buon Don
- [69] **THẮNG HIỂN:** Co To- wonderful green island
- [70] **NHÂM HIỂN:** Discover intact scenery in Cam Son Lake, Bac Giang Province



AROUND THE WORLD

- [71] **NGUYỄN PHƯƠNG NGÂN:** Increasing captive tiger breeding illegal cases: Asia should close all captive tiger farms by 2019
- [72] **PHƯƠNG TÂM:** Cambodia reforms environmental management systems
- [74] **ĐÀO VĂN HIỂN, ĐỖ VĂN SEN:** International experience in sea dumping

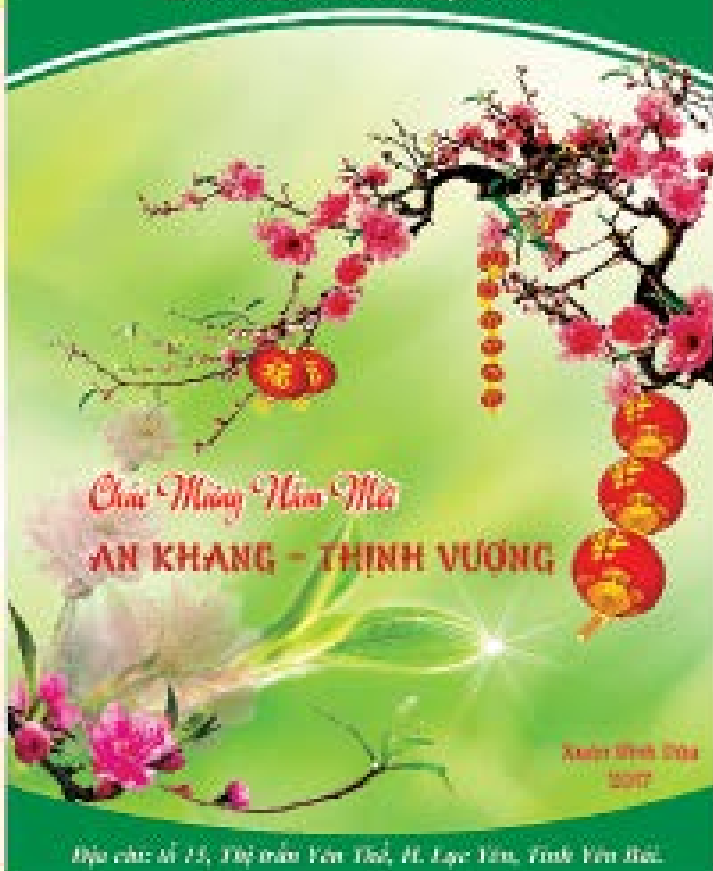
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG KIM PHÁT

Địa chỉ: 41 Nguyễn Thái Tuyển, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh



CÔNG TY TNHH SX VÀ THƯƠNG MẠI PHONG QUYNH

ĐIỂM ĐÓNG: VŨ VĂN QUYNH



DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN QUỲNH KIM

Địa chỉ: Xã Đông Hưng, Thành phố Thanh Hóa
Tỉnh Thanh Hóa



Doanh nghiệp tư nhân Quỳnh Kim được thành lập từ năm 2007. Chuyên hoạt động trong lĩnh vực: Khai thác, chế biến khoáng sản (gạch, đá, vật liệu xây dựng).

Tận dụng lợi thế là nguồn tài nguyên phong phú trên địa bàn tỉnh nhà, doanh nghiệp đã tập trung vào lĩnh vực khai thác khoáng sản làm VLXD. Doanh nghiệp đã hoàn toàn bản lập thời với tình hình kinh tế, không ngừng mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị và máy móc để cung cấp đá cho các đơn vị cơ như chủ trên địa bàn tỉnh nhà cũng như các vùng lân cận.

Với mức đầu tư xây dựng và phát triển doanh nghiệp ngày càng vững mạnh. Lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững, lấy thị trường khai thác tập trung công nghệ hiện đại với mô hình quản lý tiên tiến làm chủ đạo cho sự phát triển sản xuất kinh doanh. Nhìn bắt cơ hội để phát triển kinh doanh tạo cơ hội phát triển bền vững cho doanh nghiệp và lợi nhuận.

Chiến lược phát triển của Doanh Nghiệp Tư Nhân Quỳnh Kim là luôn hoàn thiện môi trường, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác chế biến khoáng sản.... Mọi chủ hệ công nhân viên của doanh nghiệp đều có ý thức xây dựng, phát triển bền vững trình độ, năng lực tinh thần đoàn kết để xây dựng tập thể vững mạnh, sẵn sàng đón nhận những thử thách và cơ hội mới. Bên cạnh đó, với đặc thù là ngành khai thác khoáng sản, thời gian qua doanh nghiệp đã tích cực triển khai thực hiện nhiều dự án bảo vệ môi trường, xã hội, phòng ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động khai thác đá. Trong đó, đặc biệt chú trọng đầu tư công tác đầu tư xây dựng, phục hồi môi trường sau khai thác nhằm giảm thiểu tác động của khai thác khoáng sản đến môi trường và xã hội.

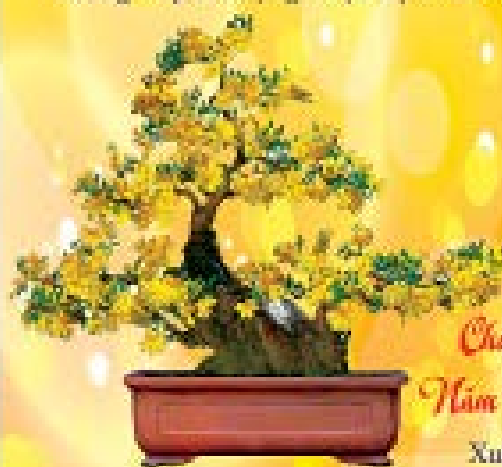
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TÂN ĐÔNG THÁP

Địa chỉ: Số 567 - QL 59 - Xã Tân Hòa An - Phường 3 - TP Sóc Trăng - Tỉnh Sóc Trăng

Ngành nghề kinh doanh:

- Xử lý chất thải nguy hại, tái chế chất thải
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- Mua bán và vận chuyển chất thải (dầu, nhớt) đường bộ bằng xe bồn

Nhân dịp Xuân Đinh Dậu 2017, CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TÂN ĐÔNG THÁP xin kính chúc quý khách hàng, đối tác một năm mới An Khang Thịnh Vượng - Vạn Sự Như Ý!



Chúc Mừng
Năm Mới 2017

Xuân Đinh Dậu

Happy New Year

White morning water melon

Địa chỉ: Km15, Quốc lộ 6A, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Hà Nội





Trại Heo Giống Darby – Nơi Khởi Nguồn Phát Triển

Chăn nuôi heo là một trong những ngành đóng vai trò chủ chốt trong nền chăn nuôi Việt Nam. Trung bình mỗi năm, chăn nuôi heo đóng góp gần 25% vào sự phát triển nền chăn nuôi nước ta. Trong chăn nuôi heo, con giống là nhân tố quyết định năng suất và chất lượng của heo thương phẩm trên thị trường. Công ty heo giống Darby với trên 12 năm kinh nghiệm tại Việt Nam, là một trong những công ty dẫn đầu trên thị trường con giống Việt Nam hiện nay.

Darby được thành lập tại Việt Nam vào năm 2004 dựa trên nền tảng vững mạnh của tập đoàn Darby tại Hàn Quốc. Đến nay, hệ thống trang trại Darby bao gồm 2 trại heo giống Hanpork và

Darby – tọa lạc tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Cả hai trang trại đều được xây dựng trên diện tích rộng lớn với ưu thế được bao bọc bởi rừng cây cao su và cách xa khu dân cư đã góp phần đảm bảo an toàn sinh học tối đa. Ngoài ra, để thực hiện khẩu hiệu “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”, Darby đã áp dụng nghiêm ngặt công tác an toàn sinh học như cách li trước khi vào trại, tắm sát trùng, thay đồ và mang ủng khi vào trại. Ngoài ra, vấn đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi cũng được Darby thực hiện rất chặt chẽ. Darby áp dụng hệ thống xử lý chất thải biogas

để kiểm soát nguồn nước thải nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, tạo điều kiện phát triển chăn nuôi heo bền vững.

Về nguồn gốc, phần lớn heo giống cụ kỵ (Great Grandparents - GGP) của trại Darby và heo giống ông bà (Grandparents - GP) của trại Hanpork được nhập từ công ty mẹ ở Hàn Quốc và các quốc gia có nền chăn nuôi tiên tiến như Anh, Mỹ, Canada; gồm ba giống chủ lực là Landrace, Yorkshire và Duroc. Không dừng lại

ở đó, để đạt được phương châm: “Không ngừng cải tiến di truyền, tạo ra các giống heo chất lượng cao phù hợp nhu cầu khách hàng”, heo giống Darby được đánh giá di truyền thông qua chương trình BLUP. Từ kết quả đánh giá, công ty bắt đầu áp

dụng các chương trình cải tiến. Bên cạnh đó, hệ thống cảnh báo nhằm tránh giao phối cận huyết và hệ thống di truyền riêng biệt dòng mẫu hệ, phụ hệ cũng được áp dụng.

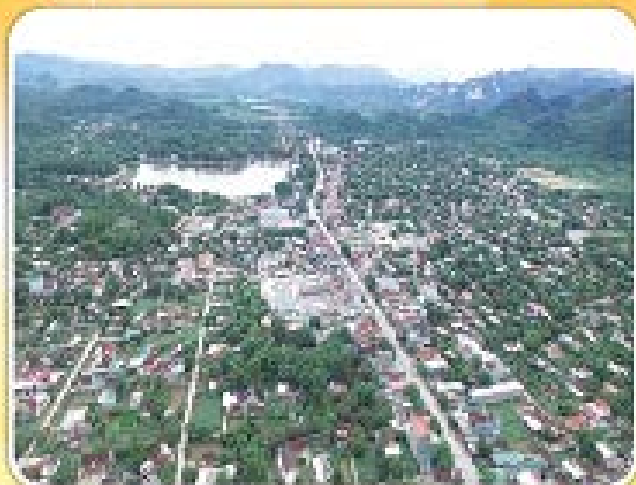
Từ những nền tảng trên, Darby luôn phấn đấu sản xuất heo giống có thể trạng tốt, khả năng kháng bệnh cao, tỉ lệ chuyển hóa thức ăn (FCR) thấp, chỉ số PSY đạt 25 (heo con/mái/năm) và 2,4 lứa/năm.

Với hướng đi đúng đắn, Darby luôn là lựa chọn sáng suốt của người chăn nuôi heo trong và ngoài nước hiện nay.



Sản Phẩm Kinh Doanh Của Darby

CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN



Nhân dịp Xuân Đinh Dậu 2017, CÔNG TY CỔ PHẦN AN SƠN
xin kính chúc quý khách hàng, đối tác một năm mới
An Khang Thịnh Vượng – Vạn Sự Như Ý!

CÔNG TY TNHH KHÁNH NAM

Địa chỉ: Thôn Tân Thịnh, Xã Xuân Quý, Huyện Như Xuân, Tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: Nguyễn Hồng Tà



Nhân dịp Xuân Đinh Dậu 2017, CÔNG TY TNHH KHÁNH NAM
xin kính chúc quý khách hàng, đối tác một năm mới
An Khang Thịnh Vượng – Vạn Sự Như Ý!



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ LẠNH VÀ CÁCH NHIỆT TST

Địa chỉ: 06/03 Ngõ 10 Ngõ 100, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 094-93 517700 – 094-93 517700 – Fax: 0940 517700
Email: info@tst.vn – Website: www.tst.vn

Nhân dịp Xuân Đinh Dậu 2017, CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ LẠNH VÀ CÁCH NHIỆT TST xin gửi
lời chào và kính chúc quý khách hàng, đối tác năm mới hợp tác và phát triển. Chúc quý
ông/ bà/ anh/ chị có một năm mới an khang thịnh vượng và vạn sự như ý!



CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐÔNG

Địa chỉ: Thôn Đình Sơn Tây, Xã Đình Đông, Thị Xã Đông Triều, Quảng Ninh

Nhân dịp Xuân Đinh Dậu 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH ĐÔNG

xin kính chúc quý khách hàng, đối tác một năm mới
An Khang Thịnh Vượng – Vạn Sự Như Ý!

CÔNG TY TNHH LINH DAN

Địa chỉ: Thôn Phương Viên, Xã Song Phương,
Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội



Nhân dịp
Xuân Đinh Dậu 2017

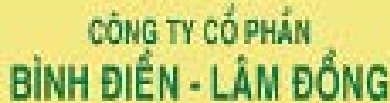
CÔNG TY TNHH LINH DAN xin kính chúc quý khách hàng, đối tác một năm mới
An Khang Thịnh Vượng – Vạn Sự Như Ý!

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG THANH LIÊM

Địa chỉ: Đường Lũy Cầu Giang, Xã Thanh Mỹ, Huyện Thanh Liêm, Hà Nam



Nhân dịp Xuân Đinh Dậu 2017,
CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG THANH LIÊM
xin kính chúc quý khách hàng, đối tác một năm mới
An Khang Thịnh Vượng – Vạn Sự Như Ý!



- Huân chương Lao động hạng Ba
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Cờ thi đua, Bằng khen của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
- Giải Vàng Chất lượng Quốc gia
- Giải thưởng Sao vàng Đất Việt nhiều năm liền
- Giải thưởng Vì sự phát triển nông nghiệp - nông dân - nông thôn
- Bằng khen cho doanh nghiệp tiên tiến trong sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động xã hội
- Và nhiều bằng khen, giấy khen, giải thưởng của quốc khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH
AN THINH JSC

Hà Nội, Số 15 Hùng Vương - Phường Tân Thành
Thị trấn Kê - Quảng Nam

Nghề nghiệp kinh doanh: Thủ công xây dựng các công trình. Đầu tư, công nghiệp, hộ kinh tế tư nhân; giao thông; thủy lợi; đường dây đến 15KV và các trạm biến áp. Kinh doanh với lĩnh vực xây dựng. Vật liệu. Khai thác khoáng sản.



Nhân dịp Ngày Di sản 2017, Công ty CP An Thịnh xin gửi lời chào và chân thành đến các khách hàng, các đối tác để hợp tác và cùng hệ thống thi trong thời gian qua của chúng ta đã nỗ lực xây dựng được các mối quan hệ và trong thời gian tới!

HẢI LONG CHÂU – HUYỆN YÊN PHONG – TỈNH BẮC KINH
ĐẠT CHUẨN HỒNG THƠM MỖI NĂM 2018



Teaching Tutors have all relevant C-Eds



Lương Châu là một xã đồng bằng của huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và có vị trí địa lý thuận lợi với diện tích là 8.378 ha, là đơn vị hành chính nằm ở phía Đông huyện Yên Phong, cách trung tâm huyện khoảng 5 km, gần với biên giới Chi Lăng, Ngã Xá, Mãn Xá, Đại Cồ, toàn xã có 8.378 nhân khẩu với 1.294 hộ gia đình. Đứng về vị trí Lương Châu có 208 ngôi nhà, sinh hoạt ở 11 chi họ, trong đó 4 chi họ nông thôn, 7 chi họ là nhà trường, 1 chi họ quân sự và 1 chi họ công nhân, chủ yếu xuất thân là các nhà khoa bảng. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới (NTM) được thực hiện tại Lương Châu từ năm 2015.

[illegible]

Thị trấn này có Lăng Chùa đã đặt 1913 năm của NĐM theo nhà nước Quốc gia. Với những bài ghi trên tại Lăng Chùa đã được UBND tỉnh công nhận và đặt chùa NĐM năm 2016, đây cũng là miền văn hóa, là sản phẩm, là động lực để xây dựng, đồng thời, nhân dân tại Lăng Chùa tiếp tục phát triển để giữ gìn và phát triển văn hóa truyền thống của vùng miền và trong những năm tới đây.

Chúc mừng năm mới 2017

**ĐẢNG ỦY – HĐND – UBND – UBMTTQVN HÃ TÂM HÒA
HUYỆN QUỐC OAI – HÀ NỘI**

Chiricahua LEADS: Young St. Tropez



Chart showing sales and ZM - Cello Again Band Dm

ĐẢNG ỦY - HÒNG - UBND - UBMTTQVN XÃ TẾ LỖ
HUYỆN YÊN LẠC - TỈNH VĨNH PHÚC

19th Nov 1974: Monday 19th Nov



Chúc mừng năm mới
2017 Xuân Đinh Dậu



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM MÀU HÀ GIANG

Địa chỉ: Khu CN Bình Vàng, Đạo Đức, Vị Xuyên, Hà Giang.

**Chúc Mừng
Năm Mới Xuân Đinh Dậu
2017**

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VÀ VẬN TẢI TÂM ĐỨC MẠNH

Địa chỉ: Thôn KHA Trạc, xã Tân Phương, Huyện THẠCH ANH

Chúc Mừng Năm Mới
2017

Chúc Mừng Năm Mới

ĐẠI HẠNG CẤP
THẠCH ANH

Trong 4 tháng đầu năm 2016, Tổng tài sản cố định tăng 1.118 triệu, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tình hình kinh tế chung của nước ta đang gặp khó khăn nhưng Tổng tài sản cố định vẫn tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào những nỗ lực của Ban lãnh đạo và nhân viên.

Đặc biệt trong dịp nghỉ lễ Tết năm 2016, Tổng tài sản cố định vẫn tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào những nỗ lực của Ban lãnh đạo và nhân viên. Tổng tài sản cố định vẫn tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào những nỗ lực của Ban lãnh đạo và nhân viên.

Đặc biệt trong dịp nghỉ lễ Tết năm 2016, Tổng tài sản cố định vẫn tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào những nỗ lực của Ban lãnh đạo và nhân viên. Tổng tài sản cố định vẫn tăng trưởng mạnh mẽ nhờ vào những nỗ lực của Ban lãnh đạo và nhân viên.



TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐỒNG ANH

Sở chỉ Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - Thành phố Hà Nội

ĐT: 04.3633.101 / 3633.110 Fax: 04.3633.112 / 3633.113

Email: mail@tda.com.vn Website: www.tda.com.vn



Các sản phẩm và dịch vụ chính của Tổng Công ty:

- Máy biến áp điện lực có điện áp đến 500 KV.
- Các thiết bị, các nhân sự kỹ thuật, các phòng thí nghiệm có năng lực đến 700 MVA.
- Các loại tủ điện hạ áp, tủ chiếu sáng, tủ đo lường - điều khiển, tủ bảo vệ, trạm biến áp, trạm biến áp 400KV.
- Các loại phụ tải, cầu dao cách ly đến 120 KV; máy cắt phụ tải, cầu dao cách ly, dây điện tử, dây truyền tải, dây tải.
- Thiết bị trạm hạ áp (trạm biến áp) điện lực công suất đến 100 MW.
- Xây lắp đường dây và trạm điện đến 500 KV, thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa, trung đại tu, cải tạo các loại thiết bị điện đến 500 KV, các thiết bị container, container.
- Thi công lắp đặt, vận hành, vận hành thiết bị và tư vấn xây dựng các phòng thí nghiệm điện cao áp.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị, hàng hoá công nghiệp và dân dụng.

EDDC tự hào là nhà sản xuất đầu tiên của các quốc gia Đông Nam Á chế tạo thành công máy biến áp 500 KV - Là đơn vị Anh Hùng Lao Động.

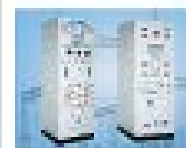
Tổng Công ty sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của Quý khách với sản phẩm chất lượng cao, chính sách ưu đãi hàng hoá.



Là đơn vị
Anh Hùng Lao Động



Xây dựng 500 KV
và 500KV mới là, mới



Từ điện lực



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VIỆT MỸ

Địa chỉ: Số 360 - Tổ 3 - Phố Kim Hải - Thụ Trấn Kim Hải - Huyện Thanh Oai - Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 0433 874 106 - Fax: 04 3324050 - Email: vietmy6@gmail.com
Giám đốc: Nguyễn Văn Đạt



Happ New Year

*Chúc mừng năm mới
2017*



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN (CETNARM)

Trụ sở chính: ĐH Nông Lâm TP.HCM, khu phố 6, p. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 083.7242625-8963348 - Fax : 083 7.24.26.25

1. Lĩnh vực tư vấn:

- Đánh giá tác động môi trường (ĐTM), Bản Cam kết Bảo vệ môi trường, Đề án Bảo vệ môi trường...
- Lập hồ sơ đề nghị cấp các giấy phép về môi trường (giấy phép xả thải, giấy phép khai thác nước ngầm, sổ đăng ký chế nguồn thải...)
- Kiểm soát ô nhiễm, khảo sát đánh giá môi trường
- Lập, triển khai các chương trình giám sát môi trường (EMS)
- Công nghệ sản xuất sạch hơn (CP)

2. Lĩnh vực thiết kế, thi công:

- Công trình cấp thoát nước
- Hệ thống xử lý nước sạch, nước thải
- Xử lý khí thải, bụi, hơi hóa chất...
- Bảo trì, sửa chữa, vận hành hệ thống xử lý môi trường.

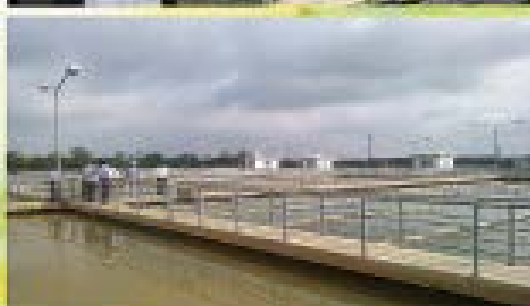
3. Lĩnh vực phân tích, kiểm nghiệm mẫu, đo đạc môi trường:

- + Phân tích kiểm nghiệm các chỉ tiêu dinh dưỡng, hóa tính, lý tính trên các mẫu đất, nước, nông sản thực phẩm...;
- + Đo đạc môi trường.

Đặc biệt Phòng Thí nghiệm đã được:

- Văn Phòng Công nhận chất lượng thuộc Bộ Khoa học Công nghệ công nhận Phòng thí nghiệm môi trường phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 mang số hiệu VILAS 547 theo quyết định số 59.2012/QĐ-VPCNCL ngày 21/3/2012 lần đầu và tái chứng nhận lần 2 vào ngày 23/10/2015 theo quyết định số 417.2015/QĐ-VPCNCL.

- Bộ Tài nguyên Và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 053 từ ngày 12/02/2015.



XUÂN ĐINH DẬU 2017



*Chúc mừng
Năm mới*



**KÍNH CHÚC NĂM MỚI
VẠN SỰ BÌNH AN - AN KHANG - THỊNH VƯỢNG!**